



ISSN 2354-0664

TẠP CHÍ

LUẬT SƯ VIỆT NAM

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

**CHÀO MỪNG THÀNH CÔNG
ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
LẦN THỨ XIV**

Xuân Bình Ngo
2026

Số 1+2 (141)
Tháng 1+2-2026
Xuất bản
từ Tháng 3-2014

▶ **QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN
CỦA GIÁ TRỊ PHÁP QUYỀN**

▶ **TÁC ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON
ĐỐI VỚI XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH
TẠI VIỆT NAM**

**HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN
VÌ SỰ PHÁT TRIỂN VÀ HUNG THỊNH ĐẤT NƯỚC**

BÍNH NGỌ
2026

VietinBank 

Chúc mừng
Năm Mới



Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

📍 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

☎ 1900 558 868

🌐 www.vietinbank.vn



TẠP CHÍ

LUẬT SƯ VIỆT NAM

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

Số 1+2 (141) Tháng 1+2-2026

Xuất bản từ Tháng 3-2014

TỔNG BIÊN TẬP

ThS Đặng Ngọc Luyến

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. LS Liêu Chí Trung

LS Trần Mạnh Quyết

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. LS Phan Trung Hoài

(Chủ tịch Hội đồng)

ThS Đặng Ngọc Luyến

(Phó Chủ tịch Hội đồng)

GS. TSKH Đào Trí Úc

GS. TS Võ Khánh Vinh

GS. TS Thái Vĩnh Thắng

GS. TS. Trung tướng Nguyễn Ngọc Anh

GS. TS Nguyễn Hữu Khiên

PGS. TS. Trung tướng Trần Văn Độ

PGS. TS. LS Chu Hồng Thanh

TS. LS Phạm Huỳnh Công

TS Nguyễn Thanh Phú

ThS. LS Nguyễn Minh Tâm

Luật gia Phùng Ngọc Đức

Luật gia Đoàn Văn Quang

TS. LS Liêu Chí Trung

Luật sư Trần Mạnh Quyết

TÒA SOẠN

Tầng 1, Tòa nhà CT13B

KĐT Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công,

Phường Phú Thượng, TP. Hà Nội

ĐT: Biên tập - 0913540671; Phát hành - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com

Tạp chí điện tử: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh

280F1 Lương Định Của,

P. Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0938639099

Email: lsvn.hcm@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

Số: 366/GP-BTTTT, ngày 21/8/2020; sửa đổi,

bổ sung số 388/GP-BTTTT ngày 16/10/2023

của Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Nhà máy In Bộ Quốc phòng

GIÁ: 100.000 ĐỒNG

TRONG SỐ NÀY**XÃ LUẬN****5 MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN, VỮNG TIN TIẾN VÀO
KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI**

LSVN

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**7 Quá trình hình thành và phát triển của giá trị pháp quyền
GS. TS Võ Khánh Vinh, TS Nguyễn Văn Khoát****13 Nâng cao hiệu quả thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật năm 2025 qua ban hành văn bản quy định
chi tiết**

ThS Ngô Tuyết Mai

**18 Thực trạng cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi
trường ở Việt Nam hiện nay**

TS Phạm Thị Hương Lan

**22 Tăng cường hoạt động kiểm tra nội bộ ở các cơ sở giáo
dục đại học trong kỷ nguyên vươn mình**

TS Đoàn Thị Dương Huyền

**28 Trí tuệ nhân tạo - Cơ hội và thách thức đối với nghề
luật sư trong kỷ nguyên số**

Nguyễn Thị Kim Hoàng

**34 Luật sư bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự nhìn từ
góc độ pháp luật, đạo đức nghề luật sư và đào tạo luật**

ThS. LS Lưu Thị Ngọc Lan

**41 Tác động của thị trường tín chỉ carbon đối với xu
hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam**

TS Trần Ngọc Hiệp

HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN**48 Hoàn thiện pháp luật về kinh tế tư nhân vì sự phát
triển và hưng thịnh đất nước**

TS. LS Ngô Quốc Kỳ

**51 Từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài: Bước
chuyển chính sách trong Nghị định số 328/2025/NĐ-CP
dưới góc nhìn so sánh quốc tế**

Nhóm tác giả

PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI**55 Pháp luật về xử lý hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ
nhân tạo: Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở cho Việt Nam**

Nhóm tác giả

VĂN HÓA - XÃ HỘI**62 Ký sự nghề: Vụ án đầu tiên**

LS Nguyễn Thị Minh Phương

66 Ký ức hoa ban

Cao Chiến



TẠP CHÍ

LUẬT SƯ VIỆT NAMVIETNAM LAWYER JOURNAL
CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn**No. 1+2 (141) Jan+Feb, 2026**

Published from March, 2014

EDITOR-IN-CHIEF

LLM Dang Ngoc Luyen

DEPUTY EDITOR-IN-CHIEF

Dr. Lawyer Lieu Chi Trung

Lawyer Tran Manh Quyet

EDITORIAL BOARD

Dr. Lawyer Phan Trung Hoai

(Chairman)

LLM Dang Ngoc Luyen

(Vice Chairman)

Prof. Dr.sc Dao Tri Uc

Prof. Dr Vo Khanh Vinh

Prof. Dr Thai Vinh Thang

Prof. Dr Nguyen Ngoc Anh

Prof. Dr Nguyen Huu Khiem

Assoc Prof. Dr Tran Van Do

Assoc Prof. Dr. Lawyer Chu Hong Thanh

Dr. Lawyer Pham Huynh Cong

Dr Nguyen Thanh Phu

LLM. Lawyer Nguyen Minh Tam

Lawyer Phung Ngoc Duc

Lawyer Doan Van Quang

Dr. Lawyer Lieu Chi Trung

Lawyer Tran Manh Quyet

EDITORIAL OFFICE1st floor, CT13B Building, Nam Thang Long Urban
Area, Vo Chi Cong Street, Phu Thuong Ward, Ha Noi

Tel: Editing - 0913540671; Publishing - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com

Online: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

Representative office in Ho Chi Minh City

280F1 Luong Dinh Cua, Binh Trung Ward,

Ho Chi Minh City

Tel: 0938639099

Email: lsvno.hcm@gmail.com

LICENCE OF PUBLISHPMENT

366/GP-BTTTT, dated 21/8/2020;

amending, supplementing No. 388/GP-BTTTT
dated 16/10/2023 by the Ministry of Information
and CommunicationPrinted at: Printing Factory of Ministry
of National Defence**Price: 100.000VND****TABLE OF CONTENT****EDITORIAL**

- 5 CELEBRATING THE PARTY, CELEBRATING
SPRING, CONFIDENTLY STEP INTO A NEW
ERA OF DEVELOPMENT.**

LSVN

RESEARCH - DISCUSSION

- 7** The process of formation and development of rule of law values
Prof. Dr Vo Khanh Vinh, Dr Nguyen Van Khoat
- 13** Improve the efficiency of implementation of the Law
Promulgation of Legalslative Documents 2025 through
Detailed regulatory documents **LLM Ngo Tuyet Mai**
- 18** Current status of the law system structure on environmental
protection in Vietnam today **Dr Pham Thi Huong Lan**
- 22** Strengthen internal inspection activities at higher education
institutions in the era of rise **Dr Doan Thi Duong Huyen**
- 28** Artificial intelligence - Opportunities and challenges for
the lawyer profession in the digital era **Nguyen Kim Hoang**
- 34** Victims protection lawyer in criminal procedure from
the perspective of law, lawyer profession ethics and
law training **LLM. Lawyer Luu Thi Ngoc Lan**

- 41** The impact of the carbon credit market on the green
economic development trend in Vietnam **Dr Tran Ngoc Hiep**

ACTIVITIES PRACTICE

- 48** Improve the law on the individual economy for the development
and prosperity of the country **Dr. Lawyer Ngo Quoc Ky**
- 51** Waiver of the right to request cancellation of arbitration
award: Policy shift in Decree No.328/2025/ND-CP from
an international comparative perspective **Author group**

FOREIGN LAW

- 55** Laws on handling crimes related to artificial intelligence:
International experience and suggestions for Vietnam

Author group

MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN VỮNG TIN TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

Từ ngày 19 đến 23/01/2026 tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tham dự Đại hội có 1.586 đại biểu, đại diện cho hơn 5,6 triệu đảng viên toàn Đảng. Đại hội đã thảo luận, thông qua các văn kiện và quyết định nhiều nội dung quan trọng; đồng thời bầu ra Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 200 ủy viên, trong đó có 180 ủy viên chính thức và 20 ủy viên dự khuyết. Đây là sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng, là dấu mốc khởi đầu của kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của đất nước.



Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức khai mạc sáng ngày 20/01/2026.

Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Năm 2025 khép lại với hàng loạt các sự kiện trọng đại của đất nước. Trong đó, những hoạt động gắn liền với các mốc son lịch sử được tổ chức thành công, như: Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam; 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước,... đã làm nức lòng người dân cả nước. Đặc biệt, chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự thống nhất và quyết tâm cao, cả hệ thống chính trị đã quyết liệt thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp lại đơn vị hành chính; tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; khánh thành và khởi công hàng trăm dự án, công trình trọng điểm

mang tầm vóc thế kỷ; tạo dư địa, không gian phát triển mới, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện chính quyền kiến tạo phát triển, phục vụ nhân dân.

Tổng kết năm 2025 còn là những kết quả ấn tượng mà Việt Nam đạt được trên các lĩnh vực: kinh tế vĩ mô giữ ổn định, tăng trưởng GDP đạt 8,2%, quy mô nền kinh tế xếp thứ 32 trên thế giới; thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 5.000 USD, đưa Việt Nam vào nhóm các nước thu nhập trung bình cao, cải thiện mạnh mẽ về an sinh xã hội; văn hóa - xã hội tiếp tục khẳng định vị thế “sức mạnh mềm”; tiềm lực quốc phòng, an ninh tiếp tục được củng cố, tạo nền tảng vững chắc ổn định chính trị - xã hội; hoạt động đối ngoại được

tăng cường, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế trong bối cảnh mới.

Về hoàn thiện thể chế, cải cách tư pháp, năm qua đã có những bước chuyển biến mang tính đột phá. Cùng với trọng tâm xây dựng khung pháp lý đồng bộ mang tính chiến lược, đẩy mạnh số hóa, sự ra đời của Nghị quyết 66-NQ/TW về đổi mới xây dựng pháp luật, tạo cơ chế đặc biệt xử lý vướng mắc pháp lý và đổi mới tư duy pháp quyền, hoạt động cải cách tư pháp tiếp tục được tăng cường, hướng tới mục tiêu tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy phát triển. Trong thành tích chung đó có sự tham gia, đóng góp hiệu quả của giới luật sư Việt Nam. Với sứ mệnh phụng sự công lý, mang theo hành trang 80 năm truyền thống cùng đội ngũ trên 21 nghìn luật sư hiện nay là vốn quý trong tiến trình đổi mới, hội nhập của đất nước.

Mùng Xuân mới 2026 và trước thềm đón Tết nguyên đán Bính Ngọ, người dân cả nước lại hân hoan hướng về Thủ đô Hà Nội, nơi diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội XIV của Đảng có ý nghĩa đánh dấu khởi đầu kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, là sự kiện chính trị trọng đại không chỉ của Đảng mà của cả dân tộc, là một mốc son mới trên chặng đường phát triển, xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Đại hội của Đảng lần này đã khơi dậy mạnh mẽ bản lĩnh, trí tuệ của toàn Đảng và ý chí của cả dân tộc. Đại hội đã đề ra các quyết sách lớn để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045; đề ra chương trình hành động để mỗi ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị thấy được phần việc cụ



Các đại biểu dự Đại hội biểu quyết.

Nguồn: cand.com.vn

thể trong sự nghiệp chung. Đại hội cũng tiếp tục làm sâu sắc thêm định hình đường hướng, chiến lược phát triển của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới. Thành công của Đại hội là yếu tố quan trọng để người dân cả nước đặt niềm tin vững chắc và kỳ vọng vào mục tiêu mở ra một chặng đường đổi mới, phát triển bút phá, toàn diện.

Xuyên suốt từ mùa Xuân năm 1930 đến nay, Đảng không ngừng tự đổi mới và hoàn thiện, nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; từng bước xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, xác lập rõ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đưa cả dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững vàng hội nhập với thế giới. Với truyền thống vẻ vang của Đảng cùng uy tín lãnh đạo, kinh nghiệm

dẫn dắt con thuyền cách mạng Việt Nam gần một thế kỷ qua, chúng ta hoàn toàn có quyền tin tưởng, dân tộc ta sẽ lập thêm những kỳ tích trong kỷ nguyên phát triển mới, xây dựng một Việt Nam giàu mạnh, nhân dân hạnh phúc, đất nước ta sớm sánh vai cùng các cường quốc năm châu như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

Phát huy hào khí Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, thành quả của 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới và thành công của Đại hội Đảng lần thứ XIV là cơ sở và động lực để người dân Việt Nam thắt chặt đoàn kết, đồng lòng, khơi nguồn khát vọng phát triển đất nước, đồng thời khẳng định định hướng tương lai của dân tộc ta là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với xu thế của thời đại.

LSVN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁ TRỊ PHÁP QUYỀN*

GS.TS VÕ KHÁNH VINH, TS NGUYỄN VĂN KHOÁT*

Tóm tắt: Bài viết phân tích một cách hệ thống và chuyên sâu quá trình hình thành và phát triển của giá trị pháp quyền từ những tư tưởng sơ khai về pháp luật và quyền lực, qua các quan điểm và học thuyết lý luận kinh điển của triết học - chính trị - pháp lý, đến sự hiện thực hóa trong các mô hình nhà nước pháp quyền, và cuối cùng là sự khẳng định pháp quyền như một giá trị nền tảng của xã hội hiện đại. Trên cơ sở tiếp cận lịch sử - logic - giá trị, bài viết làm rõ sự chuyển hóa của pháp quyền từ phương tiện quản trị xã hội thành chuẩn mực đánh giá tính chính đáng, hiệu quả và nhân văn của quyền lực nhà nước, qua đó khẳng định pháp quyền không chỉ là nguyên tắc tổ chức quyền lực mà còn là giá trị bao trùm, hàm chứa giá trị nhận thức, giá trị lý luận và giá trị thực tiễn sâu sắc.

Từ khóa: Pháp quyền, giá trị pháp quyền, nhà nước pháp quyền, quyền lực nhà nước.

Abstract: The article systematically and in-depth analyzes the process of formation and development of the rule of law value from primitive ideas about law and power, through classic viewpoints and theories of philosophy - politics - legal, to the realization in rule of law state models, and finally the affirmation of the rule of law as a fundamental value of modern society. Based on the history - logic - value approach, the article clarifies the transformation of the rule of law from a means of social governance into a standard for evaluating the legitimacy, effectiveness and humanity of state power, thereby affirming that the rule of law is not only a principle of organizing power but also an overarching value, containing cognitive value, theoretical value and profound practical value.

Keywords: Rule of law, rule of law values, rule of law state, state power.

Đặt vấn đề

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, pháp luật luôn gắn bó mật thiết với tổ chức quyền lực và trật tự xã hội. Tuy nhiên, không phải ngay từ đầu pháp luật và pháp quyền đã được nhận thức như những giá trị nền tảng. Trong thời gian dài, pháp luật chủ yếu được hiểu như công cụ của quyền lực nhằm duy trì trật tự, ổn định và phục vụ mục tiêu cai trị. Chỉ thông qua một tiến trình lịch sử lâu dài, gắn liền với sự phát triển của tư tưởng triết học - chính trị - pháp lý, với các cuộc cách mạng xã hội và sự hình thành của nhà nước hiện đại, pháp quyền mới từng bước được nâng lên thành một giá trị trung tâm của nền văn minh pháp lý.

Trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền hiện nay ở nước ta, việc nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của giá trị pháp quyền có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ giúp làm sáng tỏ cơ sở lý luận và lịch sử của pháp quyền, mà còn góp phần định hướng nhận thức và hành động trong thực tiễn cải cách thể chế, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền

công dân và kiểm soát quyền lực nhà nước. Do đó, việc tiếp cận pháp quyền dưới góc độ giá trị, thay vì chỉ như một nguyên tắc hay mô hình tổ chức nhà nước, là yêu cầu mang tính phương pháp luận.

Những tư tưởng sơ khai về pháp quyền

Pháp luật như công cụ duy trì trật tự xã hội trong các xã hội cổ đại

Trong các xã hội cổ đại, sự ra đời của pháp luật gắn liền với nhu cầu duy trì trật tự và ổn định của cộng đồng. Những bộ luật thành văn sớm như Bộ luật Hammurabi (thế kỷ XVIII trước Công nguyên) cho thấy pháp luật được sử dụng như công cụ để xác lập trật tự xã hội, trừng phạt hành vi vi phạm và củng cố quyền lực của nhà cầm quyền. Ở giai đoạn này, pháp luật mang đậm dấu ấn của quyền lực chính trị và tôn giáo, ít chú trọng đến quyền cá nhân hay sự giới hạn quyền lực.

Tuy nhiên, ngay cả trong bối cảnh đó, pháp luật đã thể hiện những đặc trưng quan trọng như tính công khai, tính ổn định tương đối và khả năng dự đoán. Chính những đặc trưng này tạo tiền đề cho việc hình thành ý niệm rằng trật tự xã hội cần được

* Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của đề tài cấp Quốc gia: “Nghiên cứu các giá trị hiện đại, phổ quát toàn nhân loại nhằm phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới” (Mã số: KX.03.02/21-30), Chương trình khoa học xã hội và nhân văn cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2039 “Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực nhân văn phục vụ phát triển đất nước” (Mã số: KX.03/21-30).

* Trường Đại học Kiểm sát.

điều chỉnh bằng những quy tắc chung, chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí tùy tiện của cá nhân cầm quyền.

Tư tưởng Hy Lạp cổ đại: pháp luật như lý trí và công bằng

Ở Hy Lạp cổ đại, tư tưởng pháp quyền được đặt nền móng vững chắc trong triết học chính trị. Plato trong tác phẩm *Luật pháp* đã nhấn mạnh vai trò của pháp luật như công cụ bảo đảm trật tự và hướng con người tới cái thiện. Tuy nhiên, Aristotle mới là người có đóng góp quyết định khi ông khẳng định rằng *cai trị bằng pháp luật tốt hơn cai trị bằng con người*, bởi pháp luật là hiện thân của lý trí phi cá nhân, không bị chi phối bởi dục vọng và cảm tính¹.

Aristotle cho rằng pháp luật phải mang tính phổ quát, áp dụng bình đẳng và hướng tới công bằng. Quan điểm này đã hàm chứa tư tưởng cốt lõi của pháp quyền: quyền lực phải bị ràng buộc bởi những quy tắc chung và công lý chỉ có thể được bảo đảm khi pháp luật đứng trên mọi cá nhân, kể cả người cầm quyền.

Truyền thống La Mã: pháp luật, công lý và luật tự nhiên

Trong nền pháp luật La Mã, pháp quyền được phát triển trên cơ sở kỹ thuật pháp lý cao và tư duy về công lý. Các luật gia La Mã đã xây dựng hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh, phân biệt giữa *dân luật*, *luật quốc tế và luật tự nhiên* (*jus civile*, *jus gentium* và *jus naturale*). Cicero khẳng định rằng pháp luật chân chính phải phù hợp với lý trí phổ quát và công lý tự nhiên, qua đó thể hiện ý niệm rằng pháp luật có giá trị vượt lên trên mệnh lệnh quyền lực thuần túy².

Tư tưởng luật tự nhiên của La Mã đã có ảnh hưởng sâu sắc đến

sự phát triển của pháp quyền sau này, đặc biệt trong việc khẳng định rằng pháp luật không chỉ là sản phẩm của quyền lực, mà còn phải phù hợp với những chuẩn mực đạo đức và công lý phổ quát.

Tư tưởng phương Đông: pháp luật, đạo đức và trật tự quyền lực

Ở phương Đông, tư tưởng pháp luật phát triển trong mối quan hệ chặt chẽ với đạo đức và trật tự xã hội. Nho gia đề cao đạo đức và lễ nghi, coi pháp luật là công cụ bổ trợ; trong khi đó, Pháp gia nhấn mạnh vai trò của pháp luật như công cụ quản lý xã hội hiệu quả, bình đẳng trong áp dụng và không phụ thuộc vào địa vị cá nhân. Dù mang nặng tính công cụ, tư tưởng Pháp gia vẫn góp phần khẳng định vai trò trung tâm của pháp luật trong quản trị quốc gia.

Nhìn chung, ở giai đoạn tư tưởng sơ khai, pháp quyền chưa được nhận thức như một giá trị độc lập, mà mới chỉ tồn tại như yêu cầu về trật tự và hiệu quả cai trị.

Sự phát triển của các quan điểm và học thuyết cận - hiện đại về pháp quyền

Sự phát triển của các quan điểm và học thuyết cận - hiện đại về pháp quyền đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý, khi pháp quyền được luận giải một cách có hệ thống, gắn trực tiếp với vấn đề nguồn gốc, tính chính đáng và giới hạn của quyền lực nhà nước. Khác với tư tưởng cổ đại và trung đại, các học thuyết cận - hiện đại tiếp cận pháp quyền không chỉ như một yêu cầu đạo đức hay trật tự tự nhiên, mà như một nguyên tắc tổ chức quyền lực mang tính lý luận và

chuẩn mực rõ ràng, đặt nền móng cho mô hình nhà nước pháp quyền hiện đại.

Học thuyết khế ước xã hội và sự chính đáng của quyền lực

Học thuyết khế ước xã hội là một trong những nền tảng lý luận quan trọng nhất của pháp quyền cận - hiện đại, bởi nó tái định vị nguồn gốc và tính chính đáng của quyền lực nhà nước. Thay vì xuất phát từ ý chí thần linh hay quyền lực truyền thống, các nhà tư tưởng khế ước xã hội cho rằng quyền lực nhà nước bắt nguồn từ sự thỏa thuận của các cá nhân tự do nhằm bảo vệ lợi ích và quyền tự nhiên của họ.

Thomas Hobbes, trong *Leviathan*, đã đặt nền móng cho tư duy khế ước khi coi nhà nước là sản phẩm của sự chuyển giao quyền lực từ các cá nhân nhằm thoát khỏi tình trạng tự nhiên hỗn loạn³. Dù Hobbes nhấn mạnh quyền lực mạnh của nhà nước, nhưng tư tưởng khế ước của ông vẫn hàm chứa mầm mống pháp quyền, bởi quyền lực chỉ chính đáng khi được thiết lập trên cơ sở thỏa thuận và nhằm bảo đảm trật tự chung.

John Locke phát triển học thuyết khế ước theo hướng tự do hơn, coi mục đích tối thượng của nhà nước là bảo vệ các quyền tự nhiên như quyền sống, tự do và sở hữu⁴. Theo Locke, quyền lực nhà nước bị ràng buộc bởi pháp luật và sự ủy quyền của nhân dân; khi nhà nước vi phạm khế ước, nhân dân có quyền kháng cự. Đây là bước tiến quan trọng trong tư duy pháp quyền, khi pháp luật được đặt lên trên quyền lực và trở thành tiêu chí đánh giá tính chính đáng của quyền lực nhà nước.

Jean-Jacques Rousseau tiếp tục làm sâu sắc học thuyết khế

¹ Aristotle (1984), *The Politics*, trans. Carnes Lord, University of Chicago Press.

² Cicero (1991), *On the Republic, On the Laws*, Cambridge University Press.

³ Thomas Hobbes, *Leviathan*, Oxford University Press, 2012.

⁴ John Locke (1988), *Two Treatises of Government*, Cambridge University Press.

ước bằng khái niệm “ý chí chung”, coi pháp luật là sự thể hiện của ý chí chung nhằm bảo đảm tự do và bình đẳng⁵. Dù còn gây tranh luận về nguy cơ chuyên chế của đa số, tư tưởng của Rousseau vẫn góp phần khẳng định rằng pháp luật, chứ không phải ý chí cá nhân cầm quyền, là nền tảng của trật tự chính trị chính đáng.

Nhìn tổng thể, học thuyết khế ước xã hội đã đóng góp cốt lõi cho giá trị pháp quyền ở chỗ: (i) xác lập nguồn gốc xã hội của quyền lực; (ii) gắn tính chính đáng của quyền lực với pháp luật; và (iii) đặt nền tảng cho tư tưởng chủ quyền nhân dân - một yếu tố không thể thiếu của pháp quyền hiện đại.

Học thuyết phân quyền và kiểm soát quyền lực

Nếu học thuyết khế ước xã hội giải quyết vấn đề nguồn gốc và tính chính đáng của quyền lực, thì học thuyết phân quyền và kiểm soát quyền lực tập trung vào vấn đề giới hạn và tổ chức quyền lực trong thực tiễn. Đây là trụ cột lý luận trực tiếp của mô hình nhà nước pháp quyền.

Montesquieu, trong Tinh thần pháp luật, đã luận giải một cách hệ thống nguyên tắc phân quyền giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền⁶. Theo ông, khi quyền lực tập trung vào một chủ thể hoặc một cơ quan, tự do tất yếu bị đe dọa; chỉ khi quyền lực được phân chia và kiểm soát lẫn nhau thì tự do và pháp quyền mới được bảo đảm.

Tư tưởng phân quyền sau đó được phát triển và thể chế hóa

trong thực tiễn lập hiến, đặc biệt tại Hoa Kỳ. Các bài báo liên bang (The Federalist Papers)⁷ nhấn mạnh cơ chế kiểm soát và đối trọng như phương thức bảo đảm rằng không có quyền lực nào đứng trên pháp luật⁸. Ở đây, pháp quyền không chỉ là nguyên tắc trừu tượng, mà trở thành cấu trúc thể chế cụ thể nhằm kiểm soát quyền lực.

Học thuyết phân quyền hiện đại không dừng lại ở việc phân chia quyền lực cứng nhắc, mà hướng tới thiết lập các cơ chế kiểm soát quyền lực đa chiều, bao gồm kiểm soát hiến pháp, độc lập tư pháp và trách nhiệm giải trình. Những phát triển này cho thấy pháp quyền ngày càng được hiểu như một hệ thống giá trị và thiết chế nhằm bảo vệ con người trước sự tha hóa của quyền lực.

Truyền thống Rechtsstaat và Rule of law

Bên cạnh các học thuyết khế ước và phân quyền, sự phát triển của pháp quyền cận - hiện đại còn gắn liền với hai truyền thống lý luận - thể chế lớn: Rechtsstaat ở châu Âu lục địa và Rule of law trong hệ thống Anglo-Saxon.

Truyền thống Rechtsstaat nhấn mạnh vai trò của nhà nước bị ràng buộc bởi pháp luật, coi pháp luật là công cụ tổ chức và giới hạn quyền lực nhà nước. Các nhà tư tưởng Đức thế kỷ XIX, như Robert von Mohl, đã phát triển Rechtsstaat như một mô hình nhà nước dựa trên pháp luật, hiến pháp và bảo vệ quyền cá nhân⁹. Truyền thống này đề cao tính hợp hiến, tính hợp pháp của hoạt động công quyền và vai trò trung tâm của luật công.

Trong khi đó, Rule of law trong truyền thống Anh - Mỹ nhấn mạnh sự tối cao của pháp luật và tính bình đẳng trước pháp luật, đặc biệt thông qua vai trò của tòa án. A.V. Dicey cho rằng Rule of law bao gồm ba yếu tố cốt lõi: không có quyền lực tùy tiện, bình đẳng trước pháp luật và sự bảo đảm các quyền thông qua án lệ¹⁰. Cách tiếp cận này làm nổi bật khía cạnh thực tiễn và tư pháp của pháp quyền.

Mặc dù có khác biệt về nhấn mạnh lý luận và thể chế, cả hai truyền thống Rechtsstaat và Rule of Law đều hội tụ ở các giá trị cốt lõi của pháp quyền: thượng tôn pháp luật, giới hạn quyền lực và bảo vệ quyền con người. Sự giao thoa và bổ sung giữa hai truyền thống này đã góp phần hình thành nhận thức hiện đại về pháp quyền như một giá trị phổ quát, có khả năng thích ứng với các bối cảnh chính trị - pháp lý khác nhau.

Hiện thực hóa pháp quyền: từ học thuyết đến mô hình nhà nước pháp quyền

Quá trình hiện thực hóa pháp quyền đánh dấu bước chuyển căn bản từ pháp quyền như một tư tưởng và học thuyết lý luận sang pháp quyền như một mô hình tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước trong thực tiễn¹¹. Đây không phải là sự chuyển hóa tuyến tính hay cơ học, mà là quá trình lịch sử - xã hội phức tạp, chịu sự chi phối đồng thời của bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa, trình độ phát triển xã hội và tương quan quyền lực.

⁵ Jean-Jacques Rousseau (1997), *The Social Contract and Other Later Political Writings*, Cambridge University Press.

⁶ Montesquieu (1989), *The Spirit of the Laws*, Cambridge University Press.

⁷ Các bài báo Liên bang là bộ sưu tập gồm 85 bài luận được viết vào các năm 1787-1788 nhằm vận động người dân tiểu bang New York phê chuẩn Hiến pháp Hoa Kỳ.

⁸ Lawrence M. Friedman (1975), *The Legal System: A Social Science Perspective*, Russell Sage Foundation.

⁹ Robert von Mohl (1960), *Die Polizei-Wissenschaft nach den Grundsätzen des Rechtsstaates*, Scientia Verlag.

¹⁰ A.V. Dicey (1982), *Introduction to the Study of the Law of the Constitution*, Macmillan.

¹¹ Võ Khánh Vinh, *Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và hiện thực*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2025.

Về mặt lý luận, các học thuyết pháp quyền, từ tư tưởng cổ điển về pháp luật tự nhiên, tư tưởng hạn chế quyền lực nhà nước, cho đến các học thuyết hiện đại về nhà nước pháp quyền, đều thống nhất ở một điểm cốt lõi: quyền lực nhà nước phải được thiết lập, tổ chức và thực thi trong khuôn khổ pháp luật, pháp luật phải có địa vị tối cao đối với mọi chủ thể, kể cả nhà nước¹². Tuy nhiên, khi đi vào hiện thực, các nguyên lý này không tồn tại dưới dạng trừu tượng, mà được cụ thể hóa thành các thiết chế, cơ chế và thủ tục pháp lý cụ thể.

Sự hình thành mô hình nhà nước pháp quyền trước hết gắn liền với việc hiến định hóa các nguyên tắc pháp quyền. Hiến pháp trở thành đạo luật cơ bản, xác lập nền tảng pháp lý cho tổ chức quyền lực nhà nước, ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ các quyền cơ bản của con người, đồng thời đặt ra những giới hạn pháp lý đối với quyền lực công¹³. Việc đề cao tính tối cao của hiến pháp và pháp luật là biểu hiện tập trung của quá trình chuyển hóa pháp quyền từ học thuyết sang thiết chế.

Tiếp đó, pháp quyền được hiện thực hóa thông qua việc thiết lập và vận hành các cơ chế kiểm soát quyền lực. Các nguyên tắc như phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước; độc lập tư pháp; trách nhiệm giải trình; kiểm soát hiến pháp và hợp hiến của pháp luật... chính là những hình thức thể chế hóa trực tiếp các yêu cầu của pháp quyền. Ở đây, pháp quyền không chỉ đòi hỏi quyền lực bị giới hạn, mà còn đòi hỏi quyền lực phải được thực thi một cách hợp lý, minh bạch và có trách nhiệm.

Một phương diện đặc biệt quan trọng của quá trình hiện thực hóa pháp quyền là bảo đảm

quyền con người và quyền công dân trong thực tiễn¹⁴. Nếu trong học thuyết, quyền con người thường được khẳng định như các giá trị phổ quát, thì trong mô hình nhà nước pháp quyền, các quyền này phải được cụ thể hóa thành quyền hiến định, được bảo vệ bằng các cơ chế tư pháp hữu hiệu. Chính khả năng để cá nhân sử dụng pháp luật nhằm bảo vệ mình trước sự xâm phạm của quyền lực công là thước đo quan trọng của mức độ hiện thực hóa pháp quyền.

Mặt khác, hiện thực hóa pháp quyền không thể tách rời việc xây dựng văn hóa pháp lý và ý thức pháp luật trong xã hội. Một trật tự pháp quyền không chỉ dựa trên thiết chế, mà còn dựa trên sự tự giác tuân thủ pháp luật của cả nhà nước và công dân. Khi pháp luật được tôn trọng như chuẩn mực chung, chứ không chỉ như công cụ cưỡng chế, pháp quyền mới thực sự đi vào đời sống xã hội.

Cuối cùng, cần nhấn mạnh rằng hiện thực hóa pháp quyền là một quá trình động, không bao giờ hoàn tất. Các mô hình nhà nước pháp quyền trong lịch sử và đương đại đều cho thấy pháp quyền phải liên tục được củng cố, điều chỉnh và hoàn thiện để thích ứng với những biến đổi của xã hội, khoa học - công nghệ và các thách thức toàn cầu. Chính trong quá trình vận động đó, pháp quyền khẳng định vai trò vừa là nguyên tắc tổ chức quyền lực, vừa là giá trị định hướng cho sự phát triển bền vững của nhà nước và xã hội.

Quá trình tiếp nhận giá trị pháp quyền ở Việt Nam: từ nhận thức lý luận đến hiện thực thể chế và thực tiễn

Quá trình tiếp nhận giá trị pháp quyền ở Việt Nam diễn ra

trong bối cảnh đặc thù của lịch sử chính trị - pháp lý và quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế. Đây là quá trình vừa mang tính tiếp biến tư tưởng, vừa mang tính lựa chọn và sáng tạo, gắn chặt với mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Trên phương diện nghiên cứu khoa học pháp lý, giá trị pháp quyền được tiếp cận ngày càng sâu sắc từ nhiều góc độ khác nhau. Từ chỗ chủ yếu được nhìn nhận như một mô hình nhà nước hoặc nguyên tắc tổ chức quyền lực, pháp quyền dần được phân tích như một giá trị nền tảng của đời sống pháp lý, gắn với dân chủ, quyền con người và kiểm soát quyền lực. Các công trình nghiên cứu trong những thập niên gần đây đã góp phần làm rõ nội hàm, đặc trưng và điều kiện bảo đảm pháp quyền trong bối cảnh Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các thành tựu lý luận của học thuật quốc tế¹⁵.

Trong *đào tạo pháp luật*, pháp quyền ngày càng trở thành nội dung cốt lõi trong chương trình giảng dạy ở các cơ sở đào tạo luật. Từ chỗ được đề cập gián tiếp thông qua các môn học về nhà nước và pháp luật, pháp quyền dần được giảng dạy như một hệ giá trị, gắn với tư duy pháp lý hiện đại, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người làm luật. Việc tiếp cận pháp quyền trong đào tạo không chỉ nhằm truyền đạt tri thức, mà còn hướng tới hình thành văn hóa pháp lý và ý thức thượng tôn pháp luật cho đội ngũ cán bộ pháp luật tương lai. Hiện nay, phần lớn các chương trình đào tạo luật và đào tạo chính trị ở nước ta đều có nội dung đào tạo về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

¹² Võ Khánh Vinh, *sđđ*.

¹³ Võ Khánh Vinh, *sđđ*.

¹⁴ Võ Khánh Vinh, *sđđ*.

¹⁵ Xem: Võ Khánh Vinh, *sđđ*; Đào Trí Úc, *Giáo trình Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

Trên phương diện thể chế và chính sách, quá trình tiếp nhận giá trị pháp quyền được thể hiện rõ nét trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các nguyên tắc như thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm quyền con người, kiểm soát quyền lực, cải cách tư pháp và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phản ánh sự nội luật hóa ngày càng rõ rệt các giá trị cốt lõi của pháp quyền¹⁶. Hiến pháp năm 2013 đánh dấu bước phát triển quan trọng khi lần đầu tiên ghi nhận rõ ràng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, qua đó tạo cơ sở hiến định cho việc hiện thực hóa giá trị pháp quyền trong toàn bộ hệ thống pháp luật.

Trong *thực tiễn tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước*, giá trị pháp quyền từng bước được cụ thể hóa thông qua cải cách lập pháp, hành pháp và tư pháp. Việc tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước, mở rộng cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, cũng như nâng cao vai trò của tòa án trong bảo vệ công lý là những biểu hiện quan trọng của quá trình hiện thực hóa pháp quyền. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy quá trình này còn đối mặt với nhiều thách thức, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực thực thi pháp luật và củng cố văn hóa pháp quyền trong xã hội.

Tổng thể cho thấy, quá trình tiếp nhận giá trị pháp quyền ở Việt Nam là quá trình vừa kế thừa, vừa đổi mới, vừa hội nhập, phản ánh sự vận động không ngừng của tư duy pháp lý và thực tiễn nhà nước trong điều kiện phát triển và toàn cầu hóa. Việc tiếp tục làm sâu sắc nhận

thức và hiện thực hóa giá trị pháp quyền có ý nghĩa quyết định đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Pháp quyền như một giá trị: giá trị nhận thức, giá trị lý luận và giá trị thực tiễn

Sự phát triển của pháp quyền trong lịch sử tư tưởng và thực tiễn pháp lý đạt đến đỉnh cao khi pháp quyền không còn được nhìn nhận đơn thuần như một nguyên tắc tổ chức quyền lực hay một mô hình nhà nước, mà được khẳng định như một giá trị nền tảng, chi phối cả nhận thức, lý luận và thực tiễn chính trị - pháp lý. Ở cấp độ này, pháp quyền vượt ra khỏi phạm vi kỹ thuật pháp lý để trở thành chuẩn mực đánh giá tính chính đáng, hiệu quả và nhân văn của quyền lực nhà nước.

Pháp quyền như một giá trị nhận thức

Pháp quyền trước hết là một giá trị nhận thức, bởi nó cung cấp khung tư duy căn bản để con người hiểu, lý giải và đánh giá mối quan hệ giữa pháp luật, quyền lực và con người. Trong tiếp cận pháp quyền, quyền lực nhà nước không còn được xem là thực thể tự thân hay đương nhiên chính đáng, mà là hiện tượng xã hội - pháp lý cần được hợp thức hóa và giới hạn bằng pháp luật.

Giá trị nhận thức của pháp quyền thể hiện ở khả năng phân biệt giữa quyền lực hợp pháp và quyền lực tùy tiện. Quyền lực chỉ được coi là chính đáng khi được thiết lập và thực thi trong khuôn khổ pháp luật, chịu sự kiểm soát pháp lý và hướng tới lợi ích chung. Nhờ đó, pháp quyền trở thành tiêu chí nhận thức quan trọng để đánh giá chất lượng của một chế độ chính trị - pháp lý.

Hơn nữa, pháp quyền giúp vượt qua quan niệm đồng nhất pháp luật với ý chí của nhà nước. Theo đó, pháp luật không chỉ là mệnh lệnh quyền lực, mà là hệ thống chuẩn mực chung, mang tính phổ quát, ổn định tương đối và có khả năng định hướng hành vi của cả nhà nước và xã hội. Lon L. Fuller khi bàn về “đạo đức nội tại của pháp luật” đã nhấn mạnh rằng chỉ khi pháp luật đáp ứng các yêu cầu như tính công khai, tính nhất quán và khả năng dự đoán, nó mới có thể thực hiện chức năng định hướng hành vi xã hội¹⁷.

Ở cấp độ nhận thức xã hội, pháp quyền góp phần hình thành văn hóa pháp lý, trong đó pháp luật được tôn trọng không chỉ vì sức mạnh cưỡng chế, mà vì tính chính đáng và công bằng mà nó đại diện. Một xã hội có nhận thức pháp quyền phát triển là xã hội trong đó cả nhà nước và công dân đều ý thức rõ giới hạn pháp lý của hành vi mình.

Pháp quyền như một giá trị lý luận

Ở cấp độ lý luận, pháp quyền giữ vị trí trung tâm trong các học thuyết hiện đại về nhà nước, pháp luật, dân chủ và quyền con người. Với tư cách là giá trị lý luận, pháp quyền vừa mang tính mô tả, vừa mang tính chuẩn mực, cho phép đánh giá và phê phán các thiết chế chính trị - pháp lý hiện hữu.

Thứ nhất, pháp quyền là giá trị hạt nhân của lý luận nhà nước pháp quyền. Các học thuyết hiện đại đều thống nhất rằng nhà nước pháp quyền không thể được xác định chỉ bằng sự tồn tại của hệ thống pháp luật, mà bằng chất lượng của mối quan hệ giữa quyền lực và pháp luật. Brian Z. Tamanaha cho rằng pháp quyền vừa là lý tưởng, vừa là thực tiễn, trong đó yếu tố giá trị đóng vai trò quyết định để phân biệt pháp

¹⁶ Nghị quyết số 27-NQ/TW/09/11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

¹⁷ Lon L. Fuller (1969), *The Morality of Law*, Yale University Press.

quyền thực chất với pháp quyền hình thức¹⁸.

Thứ hai, pháp quyền là giá trị trung gian kết nối pháp luật với các giá trị phổ quát như tự do, bình đẳng, công bằng và nhân phẩm con người. Joseph Raz chỉ ra rằng pháp quyền, dù không đồng nhất với công lý, vẫn là điều kiện thiết yếu để các giá trị đạo đức và quyền con người được hiện thực hóa thông qua pháp luật¹⁹. Do đó, pháp quyền không phải là giá trị trung tính, mà hàm chứa định hướng giá trị rõ ràng.

Thứ ba, pháp quyền giữ vai trò then chốt trong lý luận kiểm soát quyền lực. Các học thuyết về phân quyền, kiểm soát và đối trọng quyền lực đều lấy pháp quyền làm nền tảng. Trong tiếp cận này, quyền lực phải được thiết lập, phân công, phối hợp và kiểm soát thông qua pháp luật, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Pháp quyền vì thế trở thành tiêu chuẩn lý luận để đánh giá mức độ dân chủ và văn minh của một chế độ chính trị.

Thứ tư, trong lý luận về quyền con người, pháp quyền được xem là điều kiện không thể thiếu để các quyền không chỉ được ghi nhận về mặt hình thức mà còn được bảo đảm trong thực tế. Các văn kiện của Liên hợp quốc và thực tiễn quốc tế đều khẳng định rằng quyền con người chỉ có thể được bảo vệ hiệu quả trong một trật tự pháp lý dựa trên pháp quyền.

Cuối cùng, pháp quyền với tư cách là giá trị lý luận còn đóng vai trò phương pháp luận. Nó định hướng cách thức xây dựng pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước và giải thích pháp luật theo hướng đề cao công bằng, hợp lý và bảo vệ quyền con người.

Pháp quyền như một giá trị thực tiễn

Pháp quyền không chỉ tồn tại trong lĩnh vực tư duy và lý luận, mà còn được kiểm nghiệm và

khẳng định trong thực tiễn vận hành của nhà nước và xã hội. Với tư cách là giá trị thực tiễn, pháp quyền thể hiện ở khả năng điều chỉnh hiệu quả các quan hệ xã hội và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Trước hết, giá trị thực tiễn của pháp quyền thể hiện ở khả năng kiểm soát và hạn chế sự lạm quyền. Khi quyền lực bị ràng buộc bởi pháp luật, nguy cơ tùy tiện và tha hóa quyền lực được hạn chế. Cơ chế kiểm soát quyền lực thông qua pháp luật và tư pháp độc lập là biểu hiện tập trung của giá trị này.

Thứ hai, pháp quyền có giá trị thực tiễn trực tiếp trong việc ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Thông qua các thủ tục tố tụng công bằng, cơ chế khiếu kiện và trách nhiệm giải trình, pháp quyền tạo điều kiện để cá nhân có thể chống lại sự xâm phạm quyền từ phía nhà nước hoặc các chủ thể khác.

Thứ ba, pháp quyền góp phần tạo lập môi trường ổn định, minh bạch và có thể dự đoán cho phát triển kinh tế - xã hội. Các nghiên cứu của World Justice Project cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa mức độ pháp quyền và sự phát triển bền vững²⁰. Điều này khẳng định giá trị thực tiễn rộng lớn của pháp quyền vượt ra ngoài lĩnh vực pháp lý thuần túy.

Thứ tư, pháp quyền còn là phương thức điều hòa và giải quyết xung đột xã hội một cách hòa bình. Thay vì sử dụng bạo lực hay quyền lực thuần túy, pháp quyền cung cấp các cơ chế pháp lý dựa trên lý lẽ và công lý để giải quyết tranh chấp, qua đó củng cố niềm tin xã hội.

Thứ năm, giá trị thực tiễn của pháp quyền còn thể hiện ở khả năng thích ứng và tự điều chỉnh của hệ thống pháp luật trước những biến đổi của xã hội. Một trật tự pháp lý dựa trên pháp quyền là trật tự có khả năng cải cách và

hoàn thiện liên tục nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của phát triển.

Ý nghĩa phương pháp luận của giá trị pháp quyền đối với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Việc nhận thức pháp quyền như một giá trị có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Trước hết, nó đòi hỏi chuyển từ cách tiếp cận hình thức sang cách tiếp cận thực chất đối với pháp quyền, coi pháp quyền không chỉ là yêu cầu về hệ thống pháp luật mà là chuẩn mực chi phối toàn bộ hoạt động của quyền lực nhà nước. Thứ hai, giá trị pháp quyền định hướng việc hoàn thiện thể chế theo hướng kiểm soát quyền lực hiệu quả, tăng cường trách nhiệm giải trình và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Thứ ba, pháp quyền với tư cách là giá trị thực tiễn đặt ra yêu cầu xây dựng văn hóa pháp lý và nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội.

Kết luận

Từ góc độ lịch sử - logic - giá trị, có thể khẳng định rằng pháp quyền đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, từ những tư tưởng sơ khai về trật tự và quyền lực, qua các quan điểm và học thuyết lý luận, đến sự hiện thực hóa trong các mô hình nhà nước pháp quyền và cuối cùng được khẳng định như một giá trị nền tảng của xã hội hiện đại. Việc nhận thức pháp quyền như một giá trị, bao hàm cả giá trị nhận thức, giá trị lý luận và giá trị thực tiễn, không chỉ có ý nghĩa học thuật, mà còn mang ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn sâu sắc đối với công cuộc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền trong bối cảnh hiện nay.

V.K.V - N.V.K

¹⁸ Brian Z. Tamanaha (2004), *On the Rule of Law: History, Politics, Theory*, Cambridge University Press.

¹⁹ Joseph Raz (1979), *The Authority of Law: Essays on Law and Morality*, Oxford University Press.

²⁰ World Justice Project (2023), *Rule of Law Index*, World Justice Project.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2025 QUA BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

THS NGÔ TUYẾT MAI*

Tóm tắt: Trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng hệ thống pháp luật theo xu hướng đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc thì việc bảo đảm thi hành pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật là một trong những yêu cầu tất yếu. Bài viết tập trung phân tích vai trò then chốt của văn bản quy định chi tiết. Thông qua đánh giá thực trạng ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, tác giả chỉ ra một số hạn chế và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng và tính kịp thời của văn bản quy định chi tiết, góp phần tăng cường hiệu quả tổ chức thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Từ khóa: Văn bản quy định chi tiết, tổ chức thực hiện pháp luật, quy phạm pháp luật.

Abstract: In the context that Vietnam is building a law system according to the trend of meeting the requirements of the new era - the era of national rise, ensuring law enforcement and improving the efficiency of organizing the implementation of legislative documents is one of the indispensable requirements. The article focuses on analyzing the key role of detailed regulatory documents. Through assessing the current status of promulgating documents detailing the Law Promulgation of Legislative Documents 2025, the author points out a number of limitations and recommendations to improve the quality and timeliness of detailed regulatory documents, contributing to enhancing the effectiveness of organizing the implementation of the Law Promulgation of Legislative Documents 2025.

Keywords: Detailed regulatory documents, organization of law implementation, legislative.

Đặt vấn đề

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2025 ra đời mang theo kỳ vọng về một bước tiến mới trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác lập pháp trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta. Tuy nhiên, thành công thực sự của đạo luật này không chỉ nằm ở những quy định được ghi nhận, mà còn phụ thuộc vào khả năng tổ chức thực hiện một cách hiệu quả trên thực tế. Vì thế, việc ban hành các văn bản quy định chi tiết đóng vai trò vô cùng quan trọng, là cầu nối giúp Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 được triển khai một cách đồng bộ, thống nhất, làm cho luật trở nên khả thi và dễ áp dụng.

Sự cần thiết của ban hành văn bản quy định chi tiết trong tổ chức thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025

Ở Việt Nam hiện nay, hệ thống các VBQPPL đang được sắp xếp theo trật tự thứ bậc về giá trị pháp lý. Các văn bản có hiệu lực pháp lý cao như luật thường mang tính chất “khung”, tức là nhiều nội dung quan trọng chưa được quy định trực tiếp trong văn bản mà chỉ dừng lại ở mức độ chung nhất. Văn bản quy định chi tiết là loại VBQPPL được ban hành nhằm hướng dẫn, cụ thể hóa và triển khai các quy định của luật, pháp lệnh, tạo điều kiện để các quy định đó có thể được tổ chức thực hiện trong thực tế. Luật Ban hành VBQPPL

năm 2025 là đạo luật có vai trò nền tảng, điều chỉnh toàn bộ quy trình xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành và kiểm tra VBQPPL trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Tổ chức thực hiện Luật Ban hành VBQPPL 2025 (Luật năm 2025) là giai đoạn quan trọng quyết định việc Luật có đi vào cuộc sống hay chỉ dừng lại trên giấy. Đây là hoạt động được tiến hành với nhiều công việc khác nhau như: ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành VBQPPL; phổ biến, giáo dục VBQPPL; hướng dẫn áp dụng VBQPPL; giám sát, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật¹. Tuy nhiên, do phạm vi điều chỉnh của Luật năm 2025

* Trường Đại học Luật Hà Nội.

¹ Điều 59 Luật Ban hành VBQPPL 2025.

rộng, tính chất pháp lý phức tạp và sự tham gia của nhiều chủ thể nên việc cụ thể hóa luật thông qua các văn bản quy định chi tiết là hết sức cần thiết. Đây là yêu cầu tất yếu và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành Luật, bởi vì:

Thứ nhất, Luật năm 2025 chứa đựng nhiều nội dung mang tính khung, cần được cụ thể hóa để thi hành. Do tính chất là đạo luật thủ tục, điều chỉnh quy trình xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và tổ chức thi hành VBQPPL nên nhiều quy định trong luật chỉ dừng lại ở nguyên tắc, định hướng chung. Luật năm 2025 đã giới thiệu những điểm mới về nội dung quy trình, thủ tục xây dựng và ban hành VBQPPL, các văn bản quy định chi tiết sẽ có vai trò hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện các nội dung này, bảo đảm sự thống nhất và tránh những cách hiểu, cách làm khác nhau. Ví dụ, Luật đã quy định quy trình đánh giá tác động chính sách phải bổ sung hình thức lấy ý kiến là tham vấn chính sách trong quá trình xây dựng chính sách dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đây là một trong những hình thức mới để lấy ý kiến nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế hiện nay trong quy trình xây dựng pháp luật, nhất là trong quy trình lập đề nghị bởi việc xây dựng chính sách chưa được quan tâm đúng mức, chính sách được đề ra còn chung chung về nội dung và phương pháp, cần được hướng dẫn chi tiết. Như vậy, văn bản quy định chi tiết chính là công cụ mang tính “lập pháp bổ sung”, giúp lấp đầy các khoảng trống kỹ thuật trong các quy định chung của luật.

Thứ hai, trong quá trình thực hiện Luật năm 2025 có thể phát sinh những cách hiểu khác nhau về các thuật ngữ, khái niệm pháp lý, văn bản quy định chi tiết có thể giải thích, làm rõ những vấn đề này, bảo đảm sự áp dụng thống nhất của pháp luật. Ví dụ Điều 7 của Luật quy định về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và dịch VBQPPL đã được quy định cụ thể, rõ ràng tại Chương V (Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày) của Nghị định 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật. Có thể gọi hoạt động ban hành văn bản quy định chi tiết là giải pháp kỹ thuật nhằm khắc phục sự giới hạn về dung lượng và mức độ chi tiết của Luật năm 2025.

Thứ ba, văn bản quy định chi tiết Luật năm 2025 sẽ quy định rõ ràng hơn về trách nhiệm của các chủ thể trong quy trình xây dựng và ban hành VBQPPL. Luật năm 2025 đã trao thẩm quyền nhưng đồng thời cũng yêu cầu trách nhiệm cao hơn đối với từng chủ thể tham gia. Để xác định ranh giới trách nhiệm giữa các chủ thể như cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, thẩm tra, các bước thực hiện, thời hạn, chế độ phối hợp phải được quy định chi tiết. Các nghị định hướng dẫn đã cụ thể hóa điều này để tránh kéo dài thời gian ban hành hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan.

Thứ tư, trong bối cảnh hệ thống pháp luật ngày càng phức tạp, việc cụ thể hóa quy định của Luật năm 2025 còn góp phần bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của toàn hệ thống pháp luật. Các nghị định quy định chi tiết, như Nghị định 78/2025/NĐ-CP về quy trình xây dựng, Nghị định 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, Nghị định 80/2025/NĐ-CP về tổ chức thi hành VBQPPL

không chỉ cụ thể hóa Luật mà còn là điểm nối giữa Luật và các quy định chuyên ngành khác. Các văn bản này giúp hạn chế mâu thuẫn, chồng chéo và tạo cơ sở pháp lý để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng VBQPPL một cách hệ thống, đúng quy chuẩn, giúp bảo đảm sự thống nhất giữa Luật và các văn bản dưới luật. Bởi trong quá trình thi hành Luật năm 2015 và các văn bản liên quan đã bộc lộ một số vướng mắc về tính thống nhất, đồng bộ, khi văn bản quy định chi tiết Luật năm 2025 được ban hành sẽ góp phần giải quyết những vướng mắc này.

Thứ năm, việc ban hành văn bản quy định chi tiết Luật năm 2025 còn là cam kết của Nhà nước trong việc hiện thực hóa tinh thần đổi mới tư duy pháp lý theo hướng “pháp quyền hiện đại, minh bạch, khả thi và vì người dân, doanh nghiệp”. Trong bối cảnh yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, tăng cường trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa quản trị công, sự chi tiết và khả thi của văn bản hướng dẫn Luật năm 2025 chính là thước đo mức độ phục vụ của Nhà nước pháp quyền.

Tóm lại, việc ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là đòi hỏi khách quan từ thực tiễn, nhằm bảo đảm Luật được thực hiện một cách hiệu quả, góp phần xây dựng một hệ thống pháp luật minh bạch, dân chủ và phục vụ tốt hơn cho sự phát triển của đất nước. Luật Ban hành VBQPPL chính là đạo luật gốc, mang tính nền tảng trong kỹ thuật lập pháp nên việc ban hành đầy đủ và đúng hạn của các văn bản quy định chi tiết càng trở nên cấp thiết.

Thực trạng ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật năm 2025

Khoản 5 Điều 71 Luật năm 2025 đã giao “Chính phủ quy định chi tiết các Điều 7, Điều 31, khoản 1 Điều 32, Điều 34, khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 59, Điều 63, Điều 64, Điều 69, khoản 4 và khoản 5 Điều 70 và hướng dẫn thực hiện Luật này”². Căn cứ vào quy định đó, có thể đánh giá thực trạng ban hành văn bản quy định chi tiết Luật năm 2025 thông qua các khía cạnh sau:

Về tiến độ ban hành văn bản quy định chi tiết

Sự nghiêm túc trong trách nhiệm và tiến độ ban hành văn bản quy định chi tiết đã được thể hiện bằng việc Chính phủ đã ban hành kịp thời cả 03 nghị định được giao quy định chi tiết, có hiệu lực thi hành cùng ngày với Luật năm 2025 là ngày 01/4/2025³, bao gồm: Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 (sau được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 178/2025/NĐ-CP); Nghị định 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý VBQPPL; Nghị định số 80/2025/NĐ-CP về tổ chức thi hành VBQPPL.

Đây là một trong những điểm sáng rõ nét sau khi Luật năm 2025 có hiệu lực, là sự chủ động hơn của các cơ quan được giao xây dựng văn bản quy định chi tiết. Thay vì chờ Luật có hiệu lực rồi mới triển khai, nhiều bộ, ngành đã lập kế hoạch ban hành văn bản chi tiết ngay từ khi xây dựng dự thảo Luật. Bộ Tư pháp, với vai trò là cơ quan chủ trì về thể chế, đã chủ động xây dựng các kế hoạch để phân công rõ

trách nhiệm, thời hạn và phối hợp giữa các đơn vị thuộc bộ trong việc ban hành các văn bản chi tiết. Kết quả, 03 nghị định quy định chi tiết Luật năm 2025 được Quốc hội và Chính phủ giao đã được ban hành đúng tiến độ.

Về tính lặp lại nội dung của Luật năm 2025

Các văn bản quy định chi tiết Luật năm 2025 đã phần nào hạn chế lặp lại nội dung của luật - một điểm từng bị phê bình là phổ biến trong các văn bản quy định chi tiết trước đây. Đơn cử, Nghị định 78/2025/NĐ-CP là nghị định quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương cũng như hoạt động quản lý công tác xây dựng, ban hành VBQPPL. Trong đó đã không lặp lại các nguyên tắc, trình tự quy định trong Luật mà đi sâu vào các quy trình thực hiện cụ thể, trách nhiệm của từng chủ thể, điều kiện để triển khai một cách hiệu quả. Văn bản này cũng dành riêng một số điều khoản để hướng dẫn kiểm soát tiến độ ban hành văn bản quy định chi tiết, yêu cầu các bộ, ngành phải gửi báo cáo tiến độ định kỳ cho Văn phòng Chính phủ, tạo điều kiện cho việc theo dõi, kiểm tra và đôn đốc kịp thời.

Về mức độ quy định chi tiết và khả năng thi hành

Nghị định 78/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể, chi tiết các Điều 7, Điều 31, khoản 1 Điều 32, Điều 34, khoản 1 Điều 36, Điều 69, khoản 4 và khoản 5 Điều 70 mà Luật giao. Ví dụ: Khoản 1 Điều 32 của Luật quy định “Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, Chính phủ

ban hành nghị quyết thông qua chính sách làm cơ sở cho việc soạn thảo”, nội dung này đã được hướng dẫn rõ ràng về trình tự Chính phủ xem xét, thông qua chính sách tại phiên họp; trong trường hợp Chính phủ không họp, Thủ tướng Chính phủ quyết định gửi lấy ý kiến các thành viên Chính phủ bằng văn bản tại Điều 17 của Nghị định. Hoặc với Nghị định 79/2025/NĐ-CP được giao quy định chi tiết Điều 63 về kiểm tra, xử lý văn bản pháp luật và Điều 64 về rà soát, hệ thống hoá VBQPPL. Tại khoản 5 Điều 63 ghi rõ: “Việc xử lý văn bản trái pháp luật qua kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật”. Mức độ chi tiết trong Nghị định được thể hiện bằng trọn vẹn Mục 4 của Chương II từ Điều 23 đến Điều 28 được dành để quy định về hình thức, trình tự thủ tục, thời hạn, công bố văn bản xử lý văn bản trái pháp luật. Còn Nghị định 80/2025/NĐ-CP được Luật năm 2025 giao quy định chi tiết khoản 3 Điều 59 của Luật về trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL của cơ quan nhà nước. Toàn bộ nội dung Nghị định đã chi tiết hoá điều khoản này thông qua việc xây dựng kế hoạch triển khai, theo dõi, sơ kết, tổng kết và báo cáo tình hình thi hành tại Chương II (Tổ chức thi hành pháp luật) và Chương III (Trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật), giúp các cơ quan xác định rõ trách nhiệm và trình tự thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thi hành pháp luật. Những minh chứng trên cho thấy cả ba nghị định đều cung cấp hướng dẫn chi tiết, cụ thể, tạo ra khuôn khổ pháp lý rõ ràng và điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, cá nhân, tổ chức trong việc thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

² Khoản 1, Điều 57 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

³ Bộ Tư pháp, Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ban hành VBQPPL năm 2025, tháng 4/2025.

Về khả năng gây chồng chéo, vướng mắc

Luật năm 2025 và 03 nghị định quy định chi tiết đóng vai trò rất quan trọng là phục vụ việc ban hành nhiều luật nhằm tinh gọn hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Hiện tại mới chỉ trong giai đoạn đầu có hiệu lực của Luật năm 2025 và các nghị định quy định chi tiết nên vẫn chưa có thông tin phản ánh về việc các nghị định này gây ra chồng chéo hoặc vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, việc triển khai thực tế có thể phát sinh những vấn đề chưa lường trước, do đó, các cơ quan cần theo dõi sát sao và kịp thời điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn khi cần thiết.

Tóm lại, các Nghị định 78/2025/NĐ-CP, 79/2025/NĐ-CP và 80/2025/NĐ-CP đã được xây dựng với mục tiêu cụ thể hóa và hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Luật Ban hành VBQPPL năm 2025. Các nghị định đã cung cấp cơ sở pháp lý rõ ràng, giúp các cơ quan, tổ chức thực hiện đúng và hiệu quả các quy định của Luật Ban hành VBQPPL 2025. Kết quả đạt được này phần nào phản ánh vai trò trung tâm của Chính phủ trong việc định hình khung pháp lý hướng dẫn thực thi Luật, đồng thời cho thấy sự nỗ lực của Bộ Tư pháp nói riêng và các bộ, ngành khác nói chung trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

Một số hạn chế của việc ban hành văn bản quy định chi tiết và kiến nghị

Mặc dù đạt được những kết quả nhất định nhưng quá trình ban hành văn bản quy định chi tiết nói chung và văn bản quy định chi tiết Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 vẫn cho thấy một vài vấn đề cần bàn luận như sau:

Một là, việc luật cần nhiều văn bản quy định chi tiết mới có thể triển khai thực hiện gây ra chuỗi “chờ” trong tổ chức thi hành, khi chỉ một văn bản bị chậm sẽ có thể ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình. Nếu lạm dụng “luật khung, luật ống” sẽ khiến hệ thống pháp luật thiếu rõ ràng, minh bạch, làm tăng gánh nặng cho cơ quan soạn thảo và giảm niềm tin của người dân vào pháp luật.

Hai là, bất cập nổi bật trong thực tiễn xây dựng và ban hành văn bản quy định chi tiết Luật năm 2025 hiện nay là tình trạng các quy định về cùng một vấn đề bị phân tán rải rác trong nhiều văn bản khác nhau. Khi văn bản có hiệu lực pháp lý cao như luật không thể quy định chi tiết toàn bộ nội dung, các quy định cụ thể sẽ được phân bổ cho nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sự phân tán này gây khó khăn trong việc tra cứu, áp dụng và đối chiếu pháp lý, đặc biệt khi các văn bản hướng dẫn có thể bị sửa đổi, bổ sung theo thời gian mà không được cập nhật đồng bộ. Hệ quả là tính minh bạch và khả năng tiếp cận của hệ thống pháp luật bị hạn chế, làm suy giảm hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật trên thực tế, nhất là đối với những đối tượng áp dụng không chuyên về pháp lý.

Ba là, Luật năm 2025 quy định “văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết”⁴. Quy định này theo đánh giá là có phần khó khăn cho cơ chế kiểm soát, lại hơi cứng nhắc và thiếu thực tế. Thực tiễn cho thấy, thời gian từ khi Luật năm 2025 được công bố đến khi có hiệu lực thường rất ngắn (thông

thường từ vài tháng, ít văn bản có hiệu lực sau 01 năm); với không ít vấn đề Luật ủy quyền lại cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành văn bản quy định chi tiết. Trong số này, có những vấn đề khó, phức tạp, thậm chí chưa rõ về quan điểm, tư tưởng chính sách, cần có thời gian để nghiên cứu, soạn thảo hoặc phải xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền. Vì thế, việc thực hiện đúng quy định tại điều luật này thực chất là khó khả thi, nếu có thực hiện cũng rất hình thức, liệu chất lượng của văn bản có được bảo đảm hay không?

Bốn là, hiện vẫn chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của Quốc hội trong việc tham gia vào quá trình soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết. Do đó, trên thực tế, hoạt động kiểm soát của Quốc hội đối với những nội dung được ủy quyền ban hành còn mang tính bị động, thậm chí có lúc bị “gạt ra ngoài” quy trình xây dựng văn bản chi tiết. Việc kiểm soát hiện nay chủ yếu diễn ra ở giai đoạn trước, thông qua hoạt động thẩm tra của Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội và sự phát hiện, góp ý của đại biểu trong quá trình thảo luận, cho ý kiến về dự án luật.

Để các văn bản quy định chi tiết Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 thực sự phát huy vai trò là công cụ hữu hiệu, bảo đảm cho Luật được thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả, việc triển khai một hệ thống các giải pháp toàn diện là vô cùng cần thiết. Tác giả xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

Một là, tiếp tục duy trì sự chủ động và bảo đảm thực hiện đúng

⁴Điều 53 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết. Để triển khai Luật, ngay sau khi thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai trong đó xác định rõ danh mục các văn bản cần ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo cho từng văn bản, lộ trình thời gian cụ thể cho từng giai đoạn, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị liên quan. Việc xây dựng lộ trình chi tiết sẽ giúp các cơ quan chủ động trong công tác chuẩn bị, sự chậm trễ trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết có thể tạo ra khoảng trống pháp lý, gây khó khăn cho việc triển khai Luật trên thực tế, làm giảm sút hiệu quả tổ chức thực hiện. Ngoài ra, nên nghiên cứu việc áp dụng chế tài cụ thể đối với cơ quan, cá nhân chậm ban hành văn bản theo quy định của Luật.

Hai là, nâng cao chất lượng nội dung văn bản quy định chi tiết. Trong trường hợp có quá nhiều nội dung cần chi tiết hóa, hoặc các nội dung đó mang tính chất phức tạp, khó xử lý ngay cả trong chính văn bản luật được chi tiết cũng chưa giải quyết rõ thì việc kéo dài thời gian xây dựng văn bản quy định chi tiết là điều khó tránh khỏi. Vì vậy, cần phải ưu tiên xác định rõ nội dung giao quy định chi tiết, hạn chế việc giao quá nhiều nội dung quy định chi tiết trong luật. Song song, cần xác lập rõ ranh giới giữa nội dung luật và nội dung được phép chi tiết hóa. Luật nên quy định những nguyên tắc mang tính khung và chính sách, trong khi văn bản quy định chi tiết chỉ nên cụ thể hóa kỹ thuật, điều kiện, trình tự thủ tục để thuận lợi trong tổ chức thi hành.

Bên cạnh đó, các cơ quan soạn thảo nếu phân biệt rõ ranh giới giữa “văn bản quy định chi tiết” và “văn bản hướng dẫn thi hành” cũng giúp bảo đảm nội dung quy phạm pháp luật không bị “ăn đi”.

Ba là, để khắc phục tình trạng phụ thuộc quá mức vào văn bản chi tiết như “chờ hướng dẫn” trong tổ chức thi hành, cần hạn chế ban hành văn bản giao quy định chi tiết chung chung. Luật cần khuyến khích việc quy định rõ ràng, dễ hiểu ngay trong luật để hạn chế nhu cầu ban hành chi tiết, qua đó tạo điều kiện cho việc tổ chức thi hành ngay khi luật có hiệu lực mà không cần chờ văn bản bổ sung. Trước khi ban hành luật cũng nên căn cứ vào số lượng cần ban hành văn bản quy định chi tiết, tính phức tạp của vấn đề cần quy định chi tiết... để xác định thời điểm có hiệu lực một cách hợp lý.

Bốn là, nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động ban hành văn bản quy định chi tiết, cần xác lập rõ trách nhiệm của Quốc hội trong toàn bộ quá trình qua việc bổ sung quy định về cơ chế phối hợp giữa cơ quan chủ trì soạn thảo và các ủy ban của Quốc hội trong việc rà soát nội dung được ủy quyền giao quy định chi tiết. Đồng thời, cần thiết lập quy trình giám sát đối với việc thực hiện các nội dung ủy quyền, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, cần cần nhắc thiết lập chế tài hoặc hình thức nhắc nhở, kiến nghị xử lý trách nhiệm nếu văn bản chi tiết không được ban hành đúng tiến độ hoặc nội dung không phù hợp với luật mẹ.

Năm là, đẩy mạnh sự phối hợp và chia sẻ thông tin thường xuyên, hiệu quả giữa Bộ Tư pháp với các bộ, ngành trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết; kết hợp với xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin về tiến độ, nội dung dự thảo văn bản để các cơ quan liên quan có thể tham gia ý kiến kịp thời.

Sáu là, quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết cần được thực hiện bởi đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, am hiểu pháp luật và có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực liên quan. Việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia pháp lý, các nhà khoa học và đặc biệt là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các quy định là vô cùng quan trọng. Điều này giúp bảo đảm các văn bản được xây dựng không chỉ đúng về mặt pháp lý mà còn phù hợp với thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội, dễ dàng áp dụng và mang lại hiệu quả thiết thực. Các hình thức tham vấn đa dạng cần được áp dụng, như tổ chức hội thảo, lấy ý kiến bằng văn bản, trên môi trường mạng, để thu thập được nhiều ý kiến đóng góp giá trị.

Để Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 đi vào cuộc sống một cách hiệu quả, việc ban hành văn bản quy định chi tiết cần được nhìn nhận là khâu quyết định hiệu quả của tổ chức thực hiện pháp luật. Ban hành văn bản quy định chi tiết Luật không chỉ là yêu cầu kỹ thuật pháp lý mà còn là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

N.T.M

THỰC TRẠNG CẤU TRÚC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY*

TS PHẠM THỊ HƯƠNG LAN*

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam gồm hệ thống cấu trúc pháp luật và nội dung cơ bản của hệ thống cấu trúc pháp luật. Bên cạnh đó, tác giả có một vài đánh giá về thực trạng hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường trong đó có nội dung về chính sách về phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó có một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và pháp luật về phát triển kinh tế xanh nói riêng.

Từ khóa: Hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường, kinh tế xanh, chính sách pháp luật về phát triển kinh tế xanh.

Abstract: The article introduces the structure of the law system on environmental protection in Vietnam, including the law structure system and basic content of the law structure system. In addition, the author has some assessments on the current status of the law system for environmental protection, including the content of policies on green economic development in Vietnam today, based on that, there are some recommendations to improve the law on the structure of the law system on environmental protection in general and the law on green economic development in particular.

Keywords: Law system for environmental protection, green economy, law policies on green economic development.

Đặt vấn đề

Hệ thống pháp luật là một khái niệm chung bao gồm hai mặt cụ thể là hệ thống cấu trúc của pháp luật và hệ thống văn bản pháp luật¹. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam luôn được hoàn thiện, tạo nên một cấu trúc tương đối toàn diện và có mối liên hệ gắn bó với nhiều lĩnh vực chuyên ngành pháp luật khác. Việc nghiên cứu cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường có ý nghĩa quan trọng nhằm đánh giá thực trạng cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và chính sách pháp luật về phát triển kinh tế xanh nói riêng, làm rõ những ưu điểm cũng như những hạn chế, từ đó đưa ra định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường trong đó có chính sách pháp luật về phát triển kinh tế xanh phù hợp với yêu cầu hội

nhập quốc tế và thực tiễn quản lý, thực hiện bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Đánh giá thực trạng cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường

Ưu điểm

Hệ thống cấu trúc của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay bao gồm:

Thứ nhất, Hiến pháp năm 2013 tại Điều 43 quy định “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”. Đây là nền tảng hiến định cho pháp luật bảo vệ môi trường và cũng là cơ sở để định hướng xây dựng chính sách pháp luật về phát triển kinh tế xanh.

Thứ hai, hệ thống các luật gồm luật chuyên ngành và các luật có liên quan: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (thay thế Luật năm 2014), có hiệu lực từ 01/01/2022 (văn bản trung tâm,

điều chỉnh toàn diện); Luật Đất đai năm 2013, sửa đổi năm 2024); Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Thủy sản năm 2017; Luật Tài nguyên nước năm 2012, sửa đổi năm 2023); Luật Khoáng sản năm 2010, sắp thay thế bằng Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024); Luật Đa dạng sinh học năm 2008); Luật Đầu tư năm 2020...

Thứ ba, văn bản dưới luật gồm các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (ví dụ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường); Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ ngành hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường, đánh giá tác động môi trường, kiểm kê khí nhà kính, chất thải nguy hại... Các nghị định, thông tư hướng dẫn

* Bài viết là kết quả nghiên cứu khoa học thuộc đề tài cấp Bộ: “Chính sách pháp luật về phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay” thực hiện năm 2025-2026 do Viện Nhà nước và pháp luật chủ trì.

* Viện Nhà nước và pháp luật.

¹ Lê Minh Tâm, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 52.

được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục; bảo đảm kịp thời, đầy đủ, cụ thể, làm cơ sở để thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

Thứ tư, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, ví dụ như: Chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2030, tầm nhìn 2050; các quy hoạch bảo vệ môi trường vùng, tỉnh; kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, trái phiếu xanh, tín dụng xanh...

Thứ năm, các điều ước, công ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam tham gia như: Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Công ước Basel, Stockholm, Rotterdam về quản lý chất thải và hóa chất độc hại, Công ước về đa dạng sinh học (CBD) 1992; Công ước về bảo vệ tầng ô-zôn (VIENA) 1985; Hiệp định ASEAN về kiểm soát khói mù xuyên biên giới...

Qua đó cho thấy cấu trúc hệ thống của pháp luật về bảo vệ môi trường có tính tổng thể, nhất quán theo thứ bậc từ văn bản có giá trị cao nhất là Hiến pháp đến các quyết định, chỉ thị... Cấu trúc hệ thống pháp luật cũng khá đa dạng gồm cả các quy phạm điều chỉnh vấn đề trong nước và quốc tế.

Nội dung cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường có một số ưu điểm sau:

Thứ nhất, đã thể chế hóa phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng. Đại hội XIII của Đảng xác định nhiệm vụ bảo vệ môi trường là nội dung quan trọng trong quá trình phát triển đất nước nhanh, bền vững trong thời gian tới. Đại hội XIII tiếp tục khẳng định quan điểm phát triển kinh tế luôn gắn kết với bảo vệ môi trường trong từng bước và từng chính sách phát triển. Văn kiện Đại hội XIII cũng đề cập đến bảo vệ môi trường ở một số lĩnh

vực, nội dung cụ thể, như bảo vệ môi trường ở nông thôn; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường...

Thứ hai, thẩm quyền của các cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường cũng được phân định rõ như thẩm quyền và trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng thẩm quyền để địa phương quyết định và chịu trách nhiệm; phân cấp, phân quyền gắn với đơn giản hóa thủ tục hành chính...

Thứ ba, cấu trúc hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường thể hiện tính thống nhất và được xây dựng theo hệ thống nhiều tầng: từ Hiến pháp, Luật Bảo vệ môi trường, các luật chuyên ngành, nghị định, thông tư ngày càng hoàn thiện, giảm bớt các quy định mâu thuẫn, chồng chéo...

Thứ tư, nội dung các quy phạm trong cấu trúc mang tính liên ngành, có sự gắn bó, tương tác chặt chẽ với nhiều ngành luật và lĩnh vực quản lý khác nhau. Trước hết, pháp luật bảo vệ môi trường có mối liên hệ mật thiết với các ngành luật chuyên ngành khác như Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học..., bởi việc khai thác, sử dụng tài nguyên, khai thác thủy sản, lâm nghiệp đều phải gắn liền với yêu cầu bảo vệ môi trường và phục

hồi hệ sinh thái. Bên cạnh đó, pháp luật bảo vệ môi trường còn gắn với các ngành luật kinh tế - thương mại trong đó có lĩnh vực liên quan đến pháp triển kinh tế xanh như Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Thương mại, Luật Hải quan, Luật Thuế và tài chính, nhằm tích hợp các công cụ như đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, cơ chế thuế - phí môi trường và kiểm soát hàng hóa có nguy cơ gây ô nhiễm. Không chỉ vậy, pháp luật môi trường còn có mối liên hệ với các ngành luật xã hội như pháp luật dân sự (trách nhiệm bồi thường thiệt hại do ô nhiễm), pháp luật hình sự (tội phạm môi trường), pháp luật hành chính (xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường). Nhờ tính thống nhất, hoạt động thực thi pháp luật bảo vệ môi trường tránh được sự chồng chéo, trùng lặp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các chủ thể liên quan.

Thứ năm, nội dung hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường có tính mở và phát triển thể hiện ở khả năng thích ứng, bổ sung và hoàn thiện không ngừng để đáp ứng những yêu cầu mới của thực tiễn và sự thay đổi của bối cảnh trong nước cũng như quốc tế. Hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường không phải là một chỉnh thể bất biến, mà luôn được sửa đổi, bổ sung nhằm điều chỉnh kịp thời các vấn đề mới nảy sinh như biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học, rác thải nhựa, kinh tế tuần hoàn hay tín chỉ carbon. Bên cạnh đó, cấu trúc pháp luật còn có tính mở khi tạo điều kiện tiếp thu các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế, đồng thời lồng ghép với nhiều ngành luật khác để bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả trong quản lý. Nhờ đó,

pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam ngày càng hoàn thiện, hiện đại, có khả năng phát triển lâu dài và hội nhập sâu rộng với xu thế chung của thế giới.

Thứ sáu, ngày càng hoàn thiện và bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế, hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường đã từng bước hoàn thiện theo hướng đồng bộ, toàn diện và phù hợp với thông lệ quốc tế được thể hiện ở việc hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường của Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tiếp thu và nội luật hóa các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế đã được thừa nhận rộng rãi. Các nguyên tắc như phát triển bền vững, phòng ngừa, thận trọng, “người gây ô nhiễm phải trả tiền” hay trách nhiệm chung nhưng có phân biệt đã được đưa vào các văn bản pháp luật, đặc biệt là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Bên cạnh đó, cấu trúc pháp luật còn từng bước được điều chỉnh để bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, như Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Công ước đa dạng sinh học, Công ước Basel, Stockholm, Rotterdam về quản lý chất thải và hóa chất độc hại. Đồng thời, các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường cũng được xây dựng tiệm cận với thông lệ quốc tế và khu vực, tạo thuận lợi cho hợp tác, thương mại và hội nhập toàn cầu. Nhờ đó, cấu trúc hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường của Việt Nam không chỉ đáp ứng yêu cầu quản lý trong nước mà còn phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Một số hạn chế, bất cập

Về hệ thống cấu trúc của pháp luật về bảo vệ môi trường

Hệ thống văn bản pháp luật nhiều tầng nấc và số lượng khá

nhiều nên khó kiểm soát, còn phân tán và chồng chéo. Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường là trung tâm, nhưng ngoài ra còn nhiều luật liên quan khác và lại có quá nhiều các văn bản hướng dẫn thi hành và các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; quyết định của UBND tỉnh.... Số lượng nghị định, thông tư hướng dẫn nhiều và tính ổn định một số văn bản chưa cao vì phải thường xuyên thay đổi hoặc bổ sung.

Việc cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay còn tồn tại tình trạng tầng nấc gây phức tạp, khó khăn trong việc tiếp cận và thực thi. Bên cạnh Luật Bảo vệ môi trường giữ vai trò là luật khung còn có rất nhiều luật chuyên ngành, nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành và các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan, tạo thành một hệ thống đồ sộ nhưng thiếu sự tinh gọn. Sự phân tầng nhiều cấp độ và quy định chồng chéo khiến cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân khó nắm bắt đầy đủ nghĩa vụ, quyền lợi và quy trình pháp lý phải tuân thủ. Điều này không chỉ làm giảm tính minh bạch, mà còn tạo nguy cơ áp dụng pháp luật thiếu thống nhất giữa các địa phương.

Nội dung cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường

Về tổng quan, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cơ bản có tính tổng thể, toàn diện và hài hòa với hệ thống pháp luật nói chung và các luật chuyên ngành khác. Tuy nhiên, còn một số bất cập sau:

Thứ nhất, một số văn bản chưa được kịp thời ban hành để thể chế hóa chính sách của Đảng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế

và bảo vệ môi trường như các văn bản quy phạm nhằm phát triển kinh tế xanh, thúc đẩy lộ trình chuyển dịch năng lượng xanh, tài chính xanh tại Việt Nam; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc hình thành và vận hành thị trường carbon trong nước...

Thứ hai, hệ thống văn bản pháp luật trong cấu trúc pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay vẫn còn phân tán và chồng chéo. Một số văn bản chưa được kịp thời ban hành hoặc vừa mới ban hành trong năm 2025. Đáng lưu ý, đây là những văn bản quan trọng nhằm thúc đẩy lộ trình chuyển dịch năng lượng xanh, tài chính xanh tại Việt Nam; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc hình thành và vận hành thị trường carbon trong nước; đồng thời cũng là nội dung mới và khó (dự thảo Nghị định về sàn giao dịch carbon trong nước đã được Bộ Tư pháp thẩm định, song chưa được ban hành; Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án được cấp tín dụng xanh, trái phiếu xanh vừa mới ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 22/8/2025). Bộ Tư pháp đã đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu các vướng mắc này và sửa đổi tối đa trong quá trình xây dựng 1 luật sửa 15 luật, sẽ trình Quốc hội trong thời gian tới². Không ít quy định còn thiếu tính thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng và thực thi ở địa phương, làm giảm hiệu quả quản lý bảo vệ môi trường. Thực trạng này cho thấy cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường tuy đã có bước tiến quan trọng nhưng vẫn cần được

² Hà Phong, còn 24 khó khăn, vướng mắc liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường, <https://hanoimoi.vn/con-24-kho-khan-vuong-mac-lien-quan-den-luat-bao-ve-moi-truong-713127.html>, ngày 18/9/2025.

rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện để bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và khả thi trong thực tế.

Thứ ba, cấu trúc hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay vẫn chưa gắn kết chặt chẽ với cấu trúc của các hệ thống ngành pháp luật khác. Mặc dù có mối liên quan mật thiết với nhiều lĩnh vực như đất đai, xây dựng, đầu tư, thương mại, tài chính, hình sự... nhưng sự phối hợp giữa pháp luật bảo vệ môi trường với các ngành luật này còn thiếu đồng bộ. Trong nhiều trường hợp, quy định bảo vệ môi trường chưa được lồng ghép thống nhất vào quy trình quản lý nhà nước dẫn đến tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn. Cụ thể, mặc dù Chính phủ đã ban hành các nghị định có liên quan về bảo vệ môi trường, tuy nhiên, các nghị định này lại chưa bao gồm nội dung quy định lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường. Do đó, Bộ Xây dựng chưa có cơ sở để xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thực hiện lộ trình theo nhiệm vụ được giao. UBND cấp tỉnh chưa có cơ sở để xây dựng, trình hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường³. Thực trạng này làm giảm hiệu quả quản lý,

khiến việc bảo vệ môi trường chưa thực sự đi đôi với phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, cấu trúc hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường cần được xây dựng theo hướng gắn kết chặt chẽ với các ngành luật khác để tạo thành một chỉnh thể thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

Thứ tư, nội dung quy định về xử lý vi phạm trong hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường khó áp dụng, chưa thực sự phù hợp với thực tiễn, một số chế tài chưa đủ sức răn đe.

Thứ năm, mặc dù mức độ hài hòa với chuẩn mực quốc tế tuy đã được cải thiện nhưng chưa đồng bộ, một số quy định còn chậm thích ứng với các công ước, điều ước quốc tế như về biến đổi khí hậu, về đa dạng sinh học, về bảo vệ tầng ô-zôn...

Một số kiến nghị

Một là, cấu trúc hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường cần được rà soát, xây dựng theo hướng rõ ràng, dễ tiếp cận và thân thiện hơn với người thực thi.

Hai là, cần xây dựng cấu trúc hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu của đất nước trong thời kỳ mới, thể chế hóa định hướng của Đảng kịp thời ban hành các văn bản quan trọng trong hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường như chính sách pháp luật về phát triển kinh tế xanh, phát triển năng lượng xanh, tài chính xanh... nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc thực thi ở Việt Nam trong thời gian tới.

Ba là, xây dựng và rà soát lại hệ thống văn bản pháp luật trong cấu trúc pháp luật về bảo vệ môi trường tránh xảy ra phân tán và chồng chéo trong chính hệ thống Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện để bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và khả thi trong thực tế.

Bốn là, xây dựng cấu trúc hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường hướng tới có sự gắn kết chặt chẽ với cấu trúc của các hệ thống pháp luật khác như đất đai, xây dựng, đầu tư, thương mại, tài chính hay hình sự và quy định rõ sự phối hợp giữa pháp luật bảo vệ môi trường với các ngành luật này.

Năm là, nghiên cứu quy định xử lý vi phạm trong hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường để thực hiện áp dụng trong thực tiễn hiệu quả, bảo đảm các chế tài áp dụng khả thi và có tính răn đe.

Sáu là, xây dựng cấu trúc hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường trong thời gian tới cần hài hòa với chuẩn mực quốc tế, thích ứng với các công ước, điều ước quốc tế như cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các điều ước, công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia (Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, Công ước Basel, Công ước Stockholm...). Ban hành các hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với cam kết quốc tế nhưng vẫn khả thi đối với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong nước.

P.T.H.L

³ Anh Thảo, *Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường: Người gây ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm*, <https://daibieunhandan.vn/viec-thuc-hien-chinh-sach-phap-luat-ve-bao-ve-moi-truong-nguoi-gay-o-nhiem-moi-truong-phai-chiu-trach-nhiem-10387136.html>, ngày 18/9/2025.

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA NỘI BỘ Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH

TS ĐOÀN THỊ DƯƠNG HUYỀN*

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn của hoạt động kiểm tra nội bộ trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, trong bối cảnh đất nước đang bước vào thời kỳ đổi mới và có nhiều chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật thay đổi về tăng cường tự chủ giáo dục đại học và hội nhập quốc tế sâu rộng. Tác giả tập trung làm rõ những hạn chế trong mô hình tổ chức, nhân sự và quy trình kiểm tra nội bộ hiện nay. Đồng thời, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế kiểm tra nội bộ như một công cụ quan trọng bảo đảm tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, tăng cường hiệu lực quản trị và nâng cao chất lượng đào tạo trong “kỷ nguyên vườn mình” của giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khóa: Kiểm tra nội bộ, giáo dục đại học, tự chủ đại học.

Abstract: The article analyzes the theoretical, legal and practical basis of internal inspection activities in Vietnamese higher education institutions, in the context that the country is entering a period of innovation and there are many changing guidelines, method, policies and laws on strengthening higher education autonomy and wide - deep international integration. The author focuses on clarifying the limitations in the current organizational model, personnel and internal inspection process. At the same time, the article proposes a number of solutions to improve the internal inspection mechanism as an important tool to ensure autonomy associated with accountability, enhance administrative effectiveness and improve training quality in the “era of rise” of Vietnamese higher education.

Keywords: Internal inspection, higher education, university autonomy.

Mở đầu

Trong những năm gần đây, thuật ngữ “Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam” đã được nhắc đến rất nhiều. Đó chính là “thời kỳ phát triển, giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu”¹. Đây là giai đoạn đất nước ta đang chứng kiến những thay đổi sâu rộng trên tất cả lĩnh vực từ kinh tế, chính trị - xã hội đến công nghệ và môi trường. Những thay đổi, biến động này không chỉ tạo ra cơ hội mà còn đặt ra nhiều thách thức cho quản trị đại học trong việc định hình nền giáo dục quốc

gia. “Bảo đảm quyền tự chủ đầu đủ, toàn diện cho các cơ sở giáo dục đại học” - “Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo” - “Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học” - “Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo”² được coi là những trụ cột về các giải pháp của “kỷ nguyên vườn mình” giai đoạn phát triển mới của các trường đại học. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về quản trị minh bạch, trách nhiệm giải trình và cơ chế giám sát hiệu quả.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kiểm tra nội bộ (KTNB) hay kiểm soát nội bộ nổi lên như một cấu phần không thể thiếu trong hệ

thống quản trị đại học hiện đại. KTNB không chỉ giúp các cơ sở giáo dục phát hiện, phòng ngừa sai phạm mà còn hỗ trợ nhà trường tự đánh giá việc tuân thủ pháp luật, quy chế và mục tiêu chiến lược. Theo xu hướng quốc tế, KTNB trong đó có kiểm toán nội bộ được xem là “vòng kiểm soát thứ ba” trong mô hình quản trị ba lớp phòng thủ (three lines of defense) trong quản lý và kiểm soát rủi ro hiệu quả³.

Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý của KTNB trong giáo dục đại học, thực trạng tổ chức và vận hành KTNB ở các trường đại học Việt Nam và kiến nghị những giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động này trong bối cảnh hội nhập và tự chủ toàn diện.

* Trường Đại học Công đoàn.

¹ Nguyễn Ngọc Hà, *Khái niệm, nội hàm kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam*, Hội thảo khoa học quốc gia “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, 2024.

² Đây là nội dung của những nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương.

³ The three lines of defense in effective risk management and control. (2013). 121691 PROF-Position Paper 3 Lines of Defense_Digital Version_CX.indd.

Cơ sở lý luận và pháp lý về kiểm tra nội bộ trong giáo dục đại học

Cơ sở lý luận

Theo một số tác giả, “Kiểm tra là hoạt động đo lường để đưa ra các kết quả các nhận xét phán quyết dựa vào các thông tin thu được theo công cụ đã chuẩn bị trước với mục đích xác định xem cái gì đã đạt được cái gì chưa đạt được, những nguyên nhân”⁴.

Theo bài viết của Thanh tra Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn năm 2021, kiểm tra là “xem xét tình hình thực tế thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nói chung hay một công tác cụ thể được giao để đánh giá, nhận xét... Kiểm tra cũng là công tác thuộc nhiệm vụ của cơ quan cấp trên đối với cấp dưới, của thủ trưởng đối với nhân viên”⁵.

Kiểm tra nội bộ trường học là hoạt động xem xét và đánh giá các hoạt động giáo dục, điều kiện dạy - học, giáo dục trong phạm vi nội bộ nhà trường nhằm mục đích phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung, phát triển nhà trường, phát triển người giáo viên và học sinh nói riêng⁶.

Trên cơ sở những quan điểm về kiểm tra và KTNB trường học, theo tác giả, KTNB ở các cơ sở giáo dục đại học được hiểu là hoạt động tự giám sát của một tổ chức nhằm đánh giá việc tuân thủ pháp luật, quy chế nội bộ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Hình thức KTNB rất phong phú, có thể phân loại theo các dấu hiệu: theo thời gian có kiểm tra đột xuất và kiểm tra định kỳ; theo nội dung có kiểm tra toàn diện và kiểm tra chuyên đề; theo phương pháp có kiểm tra trực tiếp và kiểm tra gián tiếp; theo số lượng của đối tượng kiểm tra có kiểm tra toàn bộ và kiểm tra có lựa chọn.

Trong giáo dục đại học, KTNB không chỉ là công cụ kiểm soát tuân thủ mà còn là một phương tiện cải tiến chất lượng, giúp nhà trường nâng cao hiệu lực quản trị và quản lý rủi ro. Quản trị đại học hiện đại đòi hỏi cơ chế KTNB độc lập tương đối, có chức năng tham mưu, đánh giá và khuyến nghị cải tiến liên tục. KTNB cũng đóng vai trò cầu nối giữa hội đồng trường, ban giám đốc/ban giám hiệu và các đơn vị chức năng trong việc bảo đảm minh bạch, hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Cơ sở pháp lý

Để hoạt động KTNB ở các cơ sở giáo dục đại học được diễn ra thường xuyên và có hiệu quả cần phải có những cơ sở pháp lý làm căn cứ cho hoạt động này. Ở Việt Nam, hoạt động này ngày càng được chú trọng trong các văn bản pháp lý mới. Luật Thanh tra năm 2025 nhấn mạnh vai trò của kiểm tra, giám sát trong khu vực công và tại các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có cơ sở giáo dục đại học⁷. Tại Luật Giáo dục đại học năm 2012, được sửa đổi,

bổ sung năm 2018 cũng đã xác định rõ yêu cầu tăng cường cơ chế giám sát nội bộ khi giao nhiệm vụ này cho hội đồng trường và bảo đảm tự chủ gắn liền với trách nhiệm giải trình⁸ và tại Điều 70 của Luật cũng quy định rõ trách nhiệm “Cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự thanh tra và kiểm tra theo quy định của pháp luật. Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về thanh tra, kiểm tra trong cơ sở giáo dục đại học”. Năm 2025, Luật Giáo dục đại học mới đã được thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 quy định một trong những quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học là tăng cường cơ chế giám sát nội bộ, bảo đảm tự chủ gắn liền với trách nhiệm giải trình⁹.

Các văn bản dưới luật như Nghị định số 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục đại học có quy định tại khoản 2 Điều 31 “Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục sai phạm trong hoạt động của mình; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền”.

Ngoài ra, trong một số văn bản dưới luật có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy pháp chế ở các đơn vị sự nghiệp. Đây là bộ phận quan trọng trong tổ chức của các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn

⁴ Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh và Lê Mỹ Dung, *Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2014.

⁵ *Sự tương đồng và khác biệt giữa thanh tra và kiểm tra giáo dục*, <https://langson.edu.vn/tin-tuc-su-kien/su-tuong-dong-va-khac-biet-giua-thanh-tra-va-kiem-tra-giao-d.html>.

⁶ Ngô Thị Phương Hiền, Quản lý hoạt động kiểm tra nội bộ ở các trường THPT quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2018, tr. 11.

⁷ Tại khoản 1, Điều 61, Luật Thanh tra năm 2025 có quy định Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật. Nếu phát hiện sai phạm thì áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật trường hợp cần thiết yêu cầu hoặc đề nghị thanh tra, nếu có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc.

⁸ Tại điểm 2, Điều 16 Luật Giáo dục đại học có quy định “Giám sát việc thực hiện quyết định của hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của trường đại học và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng đại học; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của trường đại học.”

⁹ Tại điểm g khoản 2 Điều 14 Luật Giáo dục đại học năm 2025 quy định “...thực hiện hoạt động tự kiểm tra theo quy định của pháp luật”.

thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó có các cơ sở giáo dục đại học). Cụ thể, tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, tại Điều 2 quy định vị trí, chức năng của tổ chức pháp chế “là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp hội đồng quản lý, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập”. Tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP quy định 4 nhiệm vụ lớn của tổ chức pháp chế ở các đơn vị sự nghiệp công lập là xây dựng nội quy, quy chế; tham mưu, tư vấn pháp lý; phổ biến, giáo dục pháp luật; đôn đốc, kiểm tra thực hiện pháp luật, nội quy, quy chế. Điều này một lần nữa cho thấy rằng, ở các cơ sở giáo dục đại học, công tác KTNB được giao cho bộ phận thanh tra - pháp chế là đầu mối tham mưu cho người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học.

Từ những văn bản quy phạm pháp luật trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước về các cơ sở giáo dục đại học đã có những văn bản hành chính chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm tra nội bộ. Công văn số 5360/BGDĐT-TTr ngày 29/9/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra nội bộ gồm các nội dung thanh tra,

kiểm tra công tác tuyển sinh các trình độ; kiểm tra trách nhiệm quản lý của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu của các đơn vị; công tác xây dựng, ban hành văn bản, quy định nội bộ; việc tổ chức quản lý quá trình đào tạo, quản lý văn bằng, chứng chỉ; việc tự chủ mở ngành các trình độ; các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; việc liên kết đào tạo với nước ngoài; việc đầu tư, quản lý, sử dụng tài sản công, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và dạy học; việc bảo đảm an ninh, an toàn trường học; công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong các trường.

Gần đây có Công văn số 4725/BGDĐT-PC ngày 13/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đã một lần nữa tái khẳng định nhiệm vụ quan trọng của công tác kiểm tra nội bộ trong bối cảnh đất nước đang phát triển vươn mình¹⁰.

Thực trạng hoạt động kiểm tra nội bộ tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

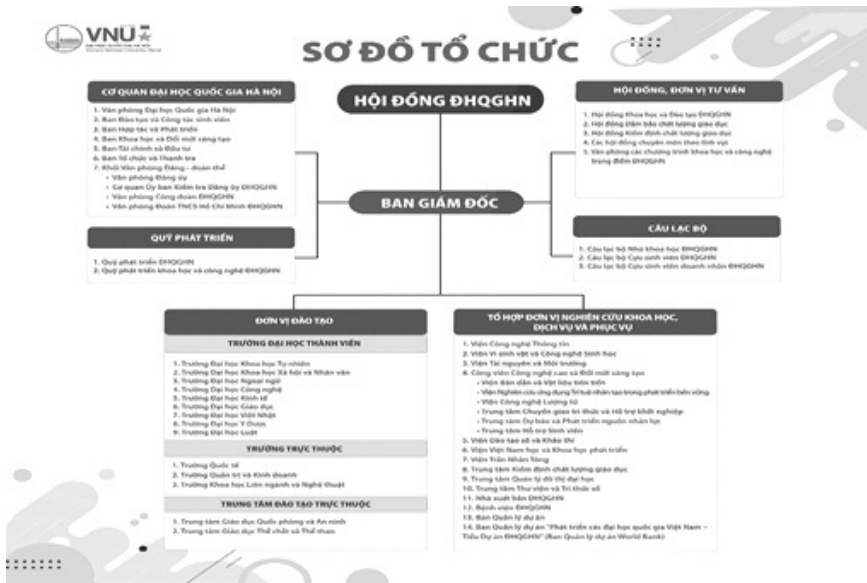
Về cơ sở pháp lý, theo nghiên cứu của tác giả ở một số cơ sở giáo dục đại học, kết quả cho thấy các cơ sở giáo dục đại học cũng đã tích cực xây dựng cơ sở pháp lý là những quy định về công tác kiểm tra nội bộ. Trong số đó có Quyết định số 2784/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/12/2021 về việc ban hành quy định về hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ của Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Quyết định số 1052/QĐ-ĐHTM ngày 27/6/2022 ban hành quy định về hoạt động

thanh tra, kiểm tra nội bộ của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 1850/QĐ-ĐHNT ngày 19/6/2023 ban hành quy định về công tác kiểm tra nội bộ của Trường Đại học Ngoại thương... Những văn bản này đều xét theo đề nghị của trường phòng thanh tra và pháp chế, cho thấy hoạt động KTNB của các cơ sở giáo dục đại học đều thuộc một trong những nhiệm vụ của phòng chức năng này.

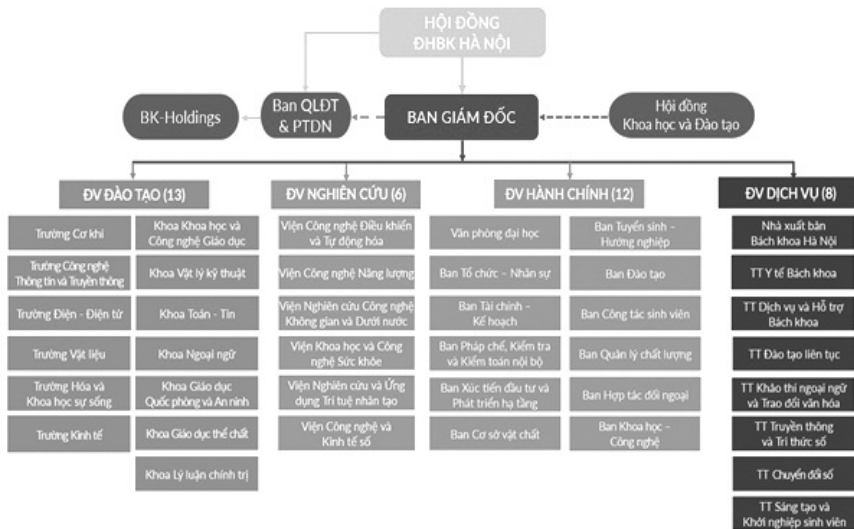
Về mô hình tổ chức, theo khảo sát của tác giả ở 16 cơ sở giáo dục đại học¹¹ về cơ cấu tổ chức, kết quả cho thấy có 15 cơ sở giáo dục đại học đã có bộ phận là đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng tham mưu của thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học về hoạt động KTNB với tên gọi khác nhau. Trong đó có 08 trường có tên gọi là phòng thanh tra, pháp chế; 01 cơ sở có tên gọi là ban tổ chức và thanh tra; 01 cơ sở có tên gọi là ban thanh tra, pháp chế và kiểm toán nội bộ; 02 cơ sở có tên gọi là phòng thanh tra, pháp chế và bảo đảm chất lượng; 01 cơ sở có tên gọi là phòng pháp chế và kiểm tra nội bộ; 02 cơ sở có tên gọi là ban/phòng pháp chế. Theo mô hình tổ chức, bộ phận này thuộc ban giám đốc/ban giám hiệu. Trong số 15 cơ sở giáo dục đại học trên, có duy nhất 01 cơ sở giáo dục đại học đã kịp thời cập nhật theo Công văn hướng dẫn số 4725/BGDĐT-PC ngày 13/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chắc chắn rằng trong thời gian tới, các cơ sở giáo dục đại học sẽ có những nghiên cứu và thực hiện các quy trình để chuyển đổi tổ

¹⁰ Quy định một trong những nhiệm vụ chung của tổ chức pháp chế trong bối cảnh mới là “Các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục cần chủ động kiện toàn tổ chức thanh tra - pháp chế theo hướng chuyển thành tổ chức pháp chế và kiểm tra nội bộ, không làm tăng đầu mối, biên chế nhưng bảo đảm nâng cao hiệu lực giám sát nội bộ, kiểm soát rủi ro pháp lý, phục vụ tốt hơn cho quản trị đơn vị và nâng cao kỷ cương, kỷ luật hành chính trong toàn ngành”.

¹¹ Khảo sát trên website chính thức của 15 cơ sở giáo dục đại học trải dài trên cả nước bao gồm: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Công đoàn, Trường Đại học Thủ Đức, Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Thương mại, Đại học Y dược TP. HCM, Trường Đại học Luật TP. HCM; Đại học Cần Thơ; Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên; Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội.



Sơ đồ 1. Tổ chức bộ máy của Đại học Quốc gia Hà Nội¹².



Sơ đồ 2. Tổ chức bộ máy của Đại học Bách khoa Hà Nội¹³.

chức cho phù hợp. Qua đây có thể thấy rằng, tên gọi của đơn vị thực hiện chuyên trách về KTNB chưa có sự đồng bộ, điều này cũng khá dễ hiểu vì mỗi cơ sở giáo dục có chiến lược phát triển khác nhau.

Về nhân lực và năng lực chuyên môn, nhân lực thực hiện chức năng tham mưu cho hoạt động KTNB được biên chế ở phòng,

ban thực hiện chức năng thanh tra, pháp chế, kiểm tra nội bộ... Tiêu chuẩn nhân sự của đơn vị này sẽ áp dụng theo tiêu chuẩn nhân sự thực hiện hoạt động pháp chế viên/pháp chế viên chính/pháp chế viên cao cấp đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 56/2024/NĐ-CP. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ vận dụng các tiêu

chuẩn, chế độ của pháp chế viên để lựa chọn, bố trí, sử dụng và quyết định các chế độ đối với người làm công tác pháp chế. Vì vậy, đội ngũ làm công tác KTNB chủ yếu hiện nay đã được chuẩn hóa khi tuyển dụng đầu vào có yêu cầu trình độ phải là cử nhân luật trở lên, sau đó được các cơ sở giáo dục đào tạo cử đi bồi dưỡng nghiệp vụ. Tuy nhiên, trong quá trình KTNB khi thành lập đoàn kiểm tra sẽ vẫn có các thành viên kiêm nhiệm, ít được đào tạo bài bản về pháp luật, kế toán - kiểm toán hoặc quản trị đại học.

Về quy trình và phạm vi hoạt động, hoạt động kiểm tra nội bộ ở các cơ sở giáo dục đại học sẽ tập trung vào các nội dung như kiểm tra công tác tuyển sinh, đào tạo, tổ chức, tài chính đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về những lĩnh vực này hay không. Quy trình để tiến hành một cuộc KTNB cũng đã được các trường xây dựng thông qua các quy phạm nội bộ. Các cơ sở giáo dục về cơ bản đều thực hiện các bước: chuẩn bị kiểm tra; thành lập đoàn/tổ kiểm tra; xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra; tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra; kết thúc đợt kiểm tra; theo dõi, đơn đốc khắc phục sau kiểm tra. Quy trình này về cơ bản đã đáp ứng đầy đủ các bước trong quá trình kiểm tra, giúp cho hoạt động của cơ sở giáo dục thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và của từng cơ sở giáo dục đại học nói riêng. Tuy nhiên, về cơ bản nội dung của các cuộc kiểm tra chủ yếu tập trung vào các hoạt động kiểm tra việc thực hiện nội quy của cơ sở giáo dục, hay hoạt động tuyển sinh, đào tạo. Còn hoạt động kiểm tra hồ sơ tài

¹² <https://vnu.edu.vn/gioi-thieu/co-cau-to-chuc/so-do-to-chuc>, ngày 01/11/2025.

¹³ <https://hust.edu.vn/vi/co-cau-to-chuc/bai-viet/gioi-thieu-chung.html>, ngày 01/11/2025.

chính vẫn chưa được đi sâu. Ngoài ra, các hoạt động kiểm tra chuyên sâu về học thuật, nghiên cứu khoa học hay hợp tác quốc tế còn ít được chú trọng.

Giải pháp tăng cường hoạt động kiểm tra nội bộ trong kỷ nguyên vươn mình

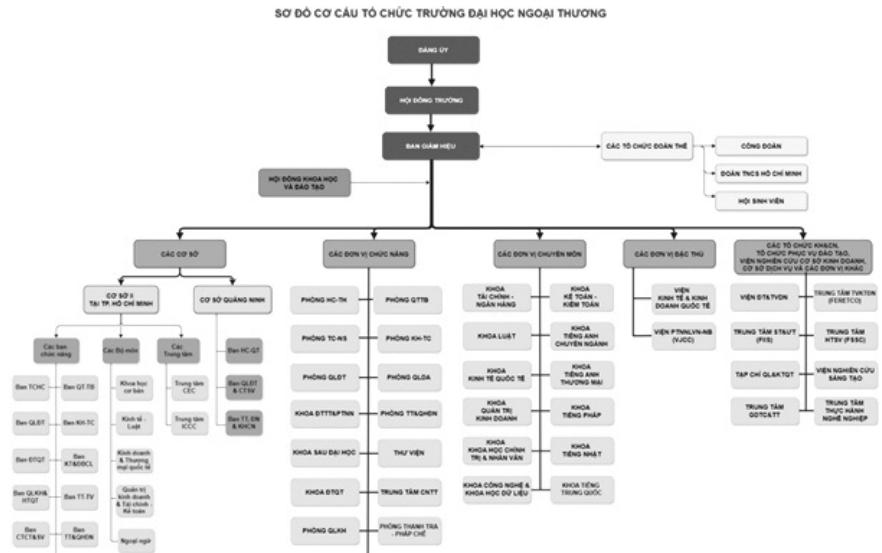
Hoàn thiện hành lang pháp lý

Cần sớm ban hành một nghị định hoặc thông tư riêng hướng dẫn việc tổ chức, vận hành và thẩm quyền của bộ phận KTNB trong các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 khi không còn thanh tra chuyên ngành. Văn bản này nên làm rõ mối quan hệ trong hoạt động KTNB, đồng thời xác định rõ trách nhiệm giải trình của hội đồng trường, hiệu trưởng và người đứng đầu đơn vị kiểm tra.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học chưa có quy định cụ thể cần phải xây dựng quy phạm nội bộ quy định về hoạt động KTNB, những cơ sở nào đã có cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với những quy định của pháp luật và những văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên.

Hoàn thiện bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ kiểm tra nội bộ

Để công tác KTNB đạt hiệu quả tốt, các cơ sở giáo dục đại học cần tổ chức lại đơn vị có chức năng chuyên trách là đơn vị thanh tra - pháp chế, đặc biệt trong bối cảnh hệ thống cơ cấu tổ chức hành chính có nhiều thay đổi, hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật cần phải chỉnh sửa. Các cơ sở giáo dục đại học cần rà soát các quy định của pháp luật, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, nhanh



Sơ đồ 3. Tổ chức bộ máy của Trường Đại học Ngoại thương¹⁴.

chóng chuyển đổi mô hình “phòng thanh tra - pháp chế” trước đây thành mô hình “phòng pháp chế - kiểm tra nội bộ” nhằm bảo đảm duy trì cơ chế giám sát pháp lý và kiểm soát nội bộ hiệu quả trong toàn hệ thống giáo dục đại học, bảo đảm không hình thức, không chồng chéo, phát huy thực chất vai trò kiểm soát nội bộ trong môi trường tự chủ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phối hợp với các cơ sở giáo dục đào tạo mở các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng kiểm tra, phân tích rủi ro, đạo đức nghề nghiệp. Các cơ sở giáo dục đại học tạo mọi điều kiện cho các viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng này. Ngoài ra, cơ sở giáo dục cần bố trí nhân sự KTNB chuyên trách, có chế độ đãi ngộ và thăng tiến phù hợp để thu hút nhân lực chất lượng cao.



Ảnh minh họa.

¹⁴ <https://ftu.edu.vn/gi%E1%BB%9Bi-th%E1%BB%87u/19-s%E1%BB%A9-m%E1%BB%87nh-t%E1%BA%A7m-nh%C3%ACn-tri%E1%BA%BFt-l%C3%BD-gi%C3%A1o-d%E1%BB%A5c-v%C3%A0-c%C3%A1c-gi%C3%A1-tr%E1%BB%8B-c%E1%BB%91t-l%C3%B5i/1107-co-c-u-t-ch-c-tru-ng-d-i-h-c-ngo-i-thuong>, ngày 01/11/2025.



Ảnh minh họa.

Tăng cường tính độc lập và trách nhiệm giải trình

Các cán bộ lãnh đạo, cấp ủy, chính quyền cần quan tâm hơn nữa đối với công tác kiểm tra, hỗ trợ tích cực đối với công tác này để KTNB thực sự là công cụ quan trọng góp phần trợ giúp đắc lực cho thủ trưởng cơ sở, góp phần trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Để thực hiện được giải pháp này, ban giám đốc/ban giám hiệu/hội đồng trường cần phê duyệt trực tiếp kế hoạch KTNB hàng năm và giám sát kết quả thực hiện. Báo cáo KTNB phải được công bố công khai trong phạm vi nội bộ, làm căn cứ cho thanh tra và kiểm định chất lượng.

Ứng dụng công nghệ số

Xu hướng ứng dụng công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của cơ sở giáo dục đại học ngày càng sâu rộng. Vì vậy, hoạt động KTNB của các cơ sở giáo dục cũng cần phải sử dụng các công nghệ này

để làm tăng hiệu quả phân tích, đánh giá các hoạt động KTNB.

Xây dựng văn hóa liêm chính và kiểm soát nội bộ toàn diện

Bên cạnh thể chế và công nghệ, cần nuôi dưỡng văn hóa liêm chính trong toàn trường. Mỗi giảng viên, viên chức cần coi việc tuân thủ quy định và tự kiểm tra là trách nhiệm nghề nghiệp. KTNB chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong môi trường minh bạch, có sự đồng thuận và tham gia của toàn thể cộng đồng học thuật. Ngoài ra cần có cơ chế phối hợp hoạt động giữa các đơn vị. Vì công tác KTNB là hoạt động kiểm tra, giám sát của tất cả các đơn vị và cá nhân, để công tác này đạt hiệu quả cao, các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng cơ chế hoạt động phối hợp chặt chẽ giữa các phòng và các đơn vị hữu quan trong trường. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong trường có trách nhiệm phối hợp, hợp tác các yêu cầu, quy định về công tác KTNB, tạo điều kiện thuận lợi

cho các cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ KTNB thực hiện nhiệm vụ.

Kết luận

Hoạt động KTNB trong các cơ sở giáo dục đại học không chỉ là một yêu cầu pháp lý mà còn là công cụ quản trị tiên tiến, giúp nhà trường chủ động kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả tự chủ. Trong kỷ nguyên vươn mình của giáo dục Việt Nam, việc tăng cường KTNB là chìa khóa để hiện thực hóa tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, góp phần khẳng định vị thế và chất lượng của các trường đại học Việt Nam trong khu vực và thế giới.

Để KTNB thực sự trở thành “lá chắn mềm” của quản trị đại học, cần sự đồng bộ từ thể chế, nguồn lực, công nghệ đến nhận thức. Bộ Giáo dục và Đào tạo nên xem xét ban hành hướng dẫn khung về KTNB, tạo nền tảng pháp lý thống nhất. Các cơ sở giáo dục cần chủ động đầu tư và coi KTNB như một giá trị cốt lõi của quản trị hiện đại.

Đ.T.D.H

Cải chính bổ sung tên tác giả

Do sơ suất, bài viết “Xây dựng mô hình luật sư công tại Việt Nam: Bài học từ Singapore trong tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế” đăng trên số tháng 12/2025 đã bị thiếu tên tác giả, BBT bổ sung thêm tên tác giả: Nguyễn Minh Tiến - sinh viên Khoa Luật Đại học Phenikaa.

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NGHỀ LUẬT SƯ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

NGUYỄN THỊ KIM HOÀNG*

Tóm tắt: Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), đã và đang tác động sâu sắc đến nhiều ngành nghề ở hầu hết mọi lĩnh vực, trong đó có cả ngành luật và nghề luật sư. Cách mạng AI không chỉ mở ra những cơ hội lớn để tự động hóa và tối ưu hóa quy trình làm việc, cải thiện hiệu quả và độ chính xác trong xử lý dữ liệu cũng như các vấn đề pháp lý mà còn đặt ra những thách thức mới về vai trò của luật sư trong thời đại kỷ nguyên số. Bài viết phân tích những cơ hội và khía cạnh tích cực mà AI mang lại cho nghề luật về các công cụ hỗ trợ trong nghiên cứu và thực hành pháp luật, đồng thời cũng đưa ra đánh giá về những thách thức mà AI tác động đến ngành luật và nghề luật sư.

Từ khóa: Cách mạng AI, nghề luật sư, kỷ nguyên số.

Abstract: The strong development of science and technology, especially artificial intelligence (AI), has had a profound impact on many professions in almost every field, including the law industry and the lawyer profession. The AI revolution not only opens up great opportunities to automate and optimize work processes, improve efficiency and accuracy in data processing as well as legal issues, but also poses new challenges for the role of lawyers in the digital era. The article analyzes the opportunities and positive aspects that AI brings to the law profession in terms of support tools in law research and practice, and also provides an assessment of the challenges that AI impacts on the law industry and the lawyer profession.

Keywords: AI revolution, lawyer profession, digital era.

Đặt vấn đề

Sự bùng nổ của khoa học công nghệ và làn sóng phát triển mạnh mẽ như vũ bão của cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang có những bước chuyển biến quan trọng đối với nhân loại. Sự xuất hiện của các công nghệ tiên tiến, máy móc hiện đại, đặc biệt phải kể đến là trí tuệ nhân tạo (AI) đã mang lại những thay đổi sâu sắc trong hầu hết mọi lĩnh vực đời sống. Với khả năng xử lý dữ liệu nhanh chóng cùng những tính năng vượt trội, AI đang dần trở thành yếu tố quyết định và then chốt trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề, bao gồm cả những ngành nghề truyền thống đòi hỏi tư duy logic và sự chính xác cao như ngành luật. Trong bối cảnh này, vai trò của luật sư không thể chỉ giới hạn ở các công việc truyền thống

như tư vấn pháp lý hay bào chữa, tranh tụng. Thay vào đó, luật sư cần tái định hình để thích ứng với công nghệ hiện đại và kỷ nguyên số. Cụ thể, luật sư cần không ngừng cải tiến và trang bị cho mình những năng lực ứng dụng AI để nâng cao chất lượng dịch vụ pháp lý, tăng hiệu suất và hiệu quả công việc, tối ưu hóa quá trình nghiên cứu pháp luật, cũng như mở rộng năng lực phân tích pháp lý nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng và xã hội. AI không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà còn đóng vai trò là động lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong ngành luật, đặc biệt là đối với nghề luật sư. Sự kết hợp giữa AI và hoạt động pháp lý sẽ tạo ra những cơ hội lớn nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức về mặt chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho luật sư.

Tác động của AI đối với ngành luật

Công cụ nghiên cứu các vấn đề pháp lý

Công tác nghiên cứu là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của hầu hết các chức danh, công việc trong ngành luật và kể cả luật sư. AI có khả năng xử lý và phân tích khối lượng lớn tài liệu pháp lý trong thời gian ngắn, giúp luật sư dễ dàng tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật, án lệ và tài liệu liên quan. Các hệ thống AI hiện đại như: ChatGPT, OpenAI, Bing AI (Microsoft), Gemini (Bard), Perplexity AI... có thể cung cấp kết quả tìm kiếm tương đối chính xác và nhanh chóng trong việc tích hợp nhiều nguồn thông tin, từ đó tiết kiệm thời gian nghiên cứu cho luật sư. Sự hỗ trợ này không chỉ nâng cao hiệu quả làm việc mà còn bảo đảm rằng

* Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

luật sư luôn cập nhật với các quy định và thực tiễn mới nhất.

Phân tích pháp lý

Phân tích pháp lý là công việc tốn nhiều thời gian đòi hỏi luật sư phải có sự tìm hiểu chuyên sâu nhưng thông qua AI, mọi thứ được cải thiện tối ưu một cách hiệu quả. AI không chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm thông tin mà còn có khả năng phân tích các tình huống pháp lý phức tạp. Thông qua các thuật toán, AI có thể so sánh và đối chiếu các vụ việc tương tự, nhận diện các yếu tố quan trọng và đánh giá khả năng thành công của các lập luận pháp lý. Điều này giúp luật sư đưa ra các quyết định chiến lược hơn trong quá trình chuẩn bị. Bằng cách phân tích các dữ liệu hiện có, AI có thể cung cấp những nhận định có giá trị, hỗ trợ luật sư trong việc xác định hướng đi cho vụ việc của mình. Ví dụ như AI không chỉ giúp xem xét hồ sơ vụ việc mà còn cả tính hợp pháp của các hợp đồng mà công ty ký. Các công ty luật chủ yếu tham gia vào việc xem xét các hợp đồng mà khách hàng của họ ký. AI giúp xác định các rủi ro hoặc vấn đề liên quan đến hợp đồng và các luật sư sẽ chỉnh sửa các điều khoản đó theo yêu cầu của khách hàng, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật¹.

Soạn thảo hợp đồng

Một trong những lĩnh vực mà AI thể hiện rõ nét nhất là soạn thảo hợp đồng. Thay vì phải soạn thảo từng điều khoản một cách thủ công, công cụ AI hiện nay có thể tự động hóa quá trình này. AI cung cấp các mẫu hợp đồng dựa trên thông tin đầu vào và yêu cầu cụ thể của khách hàng, đồng thời có thể nhận diện và gợi ý các điều khoản cần thiết,

từ đó giảm thiểu sai sót trong quá trình soạn thảo. Ví dụ như hãng AI có Chatbot Lumi có tính năng tương tự như ChatGPT, được thiết kế có vai trò hỗ trợ luật sư truy vấn và xem xét các phần quan trọng của hợp đồng để xác định những nội dung không phù hợp với quy định pháp luật và sai với yêu cầu của khách hàng². Việc này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn nâng cao độ chính xác và tính hiệu quả của các hợp đồng được soạn thảo.

Quản lý dữ liệu

Trong lĩnh vực pháp lý, việc quản lý dữ liệu là một thách thức không nhỏ. AI có thể hỗ trợ luật sư trong việc tổ chức, lưu trữ và truy xuất dữ liệu một cách hiệu quả. Các hệ thống quản lý thông minh có thể phân loại và tổ chức thông tin từ các vụ án, tài liệu và thông tin khách hàng, giúp luật sư dễ dàng theo dõi tiến độ công việc và quản lý thời gian một cách hợp lý. Điều này không chỉ làm giảm khối lượng công việc thủ công mà còn giúp luật sư tập trung hơn vào các nhiệm vụ quan trọng.

Dự đoán các kết quả pháp lý

Một trong những ứng dụng nổi bật nhất của AI trong lĩnh vực pháp lý là khả năng dự đoán kết quả của các vụ án³. Bằng cách sử dụng phân tích dữ liệu, AI có thể đánh giá khả năng thành công của một vụ án dựa trên các yếu tố như án lệ, hành vi của thẩm phán và các yếu tố khác. Thông tin này có thể giúp luật sư đưa ra quyết định và lựa chọn phương án tối ưu nhất cho khách hàng. Việc dự đoán kết quả pháp lý không chỉ giúp luật sư chuẩn bị tốt hơn trước vụ kiện mà còn tạo ra sự tin tưởng cho khách

hàng khi họ thấy rằng luật sư có khả năng đánh giá và xử lý vụ án một cách chuyên nghiệp.

Nhìn chung, sự phát triển của AI có ý nghĩa quan trọng đối với hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp lý. Điều này đã góp phần mở ra nhiều cơ hội mới cho các luật sư, từ việc hỗ trợ nghiên cứu, phân tích pháp lý, soạn thảo hợp đồng đến quản lý dữ liệu và dự đoán kết quả pháp lý, AI không chỉ nâng cao hiệu quả làm việc mà còn cải thiện chất lượng dịch vụ pháp lý. Những ứng dụng này không chỉ giúp luật sư tiết kiệm thời gian và công sức mà còn góp phần nâng cao độ chính xác và tính hiệu quả trong công việc.

Những cơ hội và thách thức của AI đối với nghề luật sư

Những cơ hội và tiềm năng vượt trội

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ, AI đã và đang trở thành một phần không thể thiếu trong nhiều lĩnh vực, trong đó có ngành luật. Sự ứng dụng của AI trong công việc hàng ngày của luật sư không chỉ tối ưu hóa quy trình làm việc mà còn giúp giảm thiểu chi phí và nâng cao khả năng phân tích.

Thứ nhất, AI cung cấp công cụ giúp tối ưu hóa quy trình làm việc. Như đã phân tích ở trên, AI có khả năng tự động hóa nhiều công việc lặp đi lặp lại, từ việc soạn thảo tài liệu pháp lý đến quản lý dữ liệu. Các hệ thống AI có thể tạo ra các hợp đồng tiêu chuẩn, đơn từ và các tài liệu pháp lý khác chỉ trong thời gian ngắn, giảm thiểu thời gian mà luật sư phải dành cho công việc này. Bên cạnh đó, AI cũng hỗ trợ trong việc tổ chức và lưu trữ tài

¹ Dr. Inderpreet Kaur and (Late) Mr. Chander Gopal Puri, "Impact of Artificial Intelligence on Legal Industry", International Journal of law management and Humanities, Volume 4, Issue 2, 2021.

² Thế Vinh, *AI pháp chế đã có thể thương thảo hợp đồng bảo mật không cần con người*, <https://vietnamnet.vn/ai-phap-che-tu-thuong-thao-hop-dong-bao-mat-khong-can-con-nguoi-2212365.html>, ngày 11/3/2025.

³ Abirami Vina, *How AI in the Legal Industry is Transforming Law Practices*, <https://www.ultralytics.com/vi/blog/how-ai-in-the-legal-industry-is-transforming-law-practices>, ngày 11/03/2025.

liệu, cho phép luật sư truy cập thông tin một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn. Tại các nước tiên tiến đã áp dụng công nghệ AI để nghiên cứu các hồ sơ tố tụng qua các phần mềm (software) nhằm giảm thiểu chi phí từ những năm qua, từ nghiên cứu hồ sơ (legal research) cho đến soạn thảo văn bản (drafting legal documents) đều được giải quyết qua máy tính⁴.

Thứ hai, giảm thiểu về chi phí. Một trong những lợi ích lớn nhất của việc áp dụng AI trong ngành luật là khả năng giảm thiểu chi phí. Thay vì phải tốn hàng giờ để nghiên cứu và phân tích các thông tin pháp lý, luật sư có thể sử dụng các công cụ AI để tìm kiếm và phân tích dữ liệu trong thời gian ngắn hơn rất nhiều. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn giảm thiểu chi phí cho cả luật sư và khách hàng. Hơn nữa, sự xuất hiện của các dịch vụ pháp lý trực tuyến dựa trên AI cũng mở ra cơ hội cho những người có thu nhập thấp tiếp cận dịch vụ pháp lý với mức giá hợp lý hơn thay vì phải đến trực tiếp văn phòng trao đổi và thỏa thuận về giá cả dịch vụ.

Thứ ba, nâng cao khả năng phân tích. AI còn mang lại lợi ích đáng kể trong việc nâng cao khả năng phân tích của luật sư. Các hệ thống phân tích dữ liệu có thể xem xét các vụ việc đã được xét xử trước đó và dự đoán kết quả của các vụ kiện sắp tới, từ đó giúp luật sư xây dựng phương án phù hợp, phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra, chuẩn bị tốt các hồ sơ, giấy tờ liên quan nhằm đưa ra phương án tư vấn phù

hợp, bảo vệ tốt hơn cho quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng.

Thứ tư, AI giúp mở rộng phạm vi dịch vụ pháp lý. Ngày nay, rất nhiều những luật sư hoạt động dưới mô hình của công ty luật, việc sử dụng AI, ChatGPT và những phần mềm trí tuệ nhân tạo khác sẽ mang lại những lợi ích to lớn trong việc mở rộng và đa dạng hóa dịch vụ. AI cũng cho phép các công ty luật cung cấp dịch vụ nhanh chóng và hiệu quả hơn, đáp ứng các yêu cầu pháp lý phức tạp của khách hàng, kể cả những khách hàng ở xa về mặt địa lý thông qua các hình thức trao đổi trực tuyến. Việc này tạo điều kiện cho các công ty luật mở rộng mạng lưới khách hàng và cung cấp dịch vụ đa quốc gia mà vẫn duy trì được chất lượng. Nhờ AI, các công ty luật có thể cung cấp các dịch vụ pháp lý toàn diện và mở rộng phạm vi hoạt động ra nhiều thị trường khác nhau, từ đó đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Những thách thức của AI đối với nghề luật sư

Công nghệ AI đang dần trở thành một công cụ quan trọng trong ngành luật, không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình làm việc mà còn giảm thiểu chi phí và nâng cao khả năng phân tích của luật sư. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích mà AI mang lại, thực tế tồn tại những vấn đề thách thức đáng quan tâm, cụ thể:

Thứ nhất, AI đang dần thay thế các công việc truyền thống. Tuy rằng AI được tạo ra bởi con người, nhưng thực tế cho thấy những nguy cơ về gia tăng tỷ lệ

nhân sự ngành luật thất nghiệp cao trong kỷ nguyên số. Theo báo cáo của công ty tư vấn The Boston Consulting Group và Trường Luật Bucerius, các phần mềm AI LegalTech có thể thực hiện được 30% đến 50% công việc mà các luật sư mới vào nghề đang làm⁵. Với những khả năng vượt trội của AI, các nhân sự ngành luật sẽ cần phải chuyên môn hóa về năng lực cũng như kỹ năng để ứng dụng vào các công việc mà AI chưa có khả năng tiếp cận. Đứng trước một môi trường mang tính cạnh tranh cao khi có sự can thiệp của công nghệ đòi hỏi nhân sự ngành luật phải không ngừng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của mình, đặc biệt là các luật sư. Thực tế cho thấy quy mô của các công ty luật sẽ giảm bớt các vị trí trợ lý, giúp việc vì sẽ có ít công việc liên quan đến giấy tờ hành chính hơn, các công việc tổng hợp, tìm kiếm các quy định pháp luật, án lệ có thể được ChatGPT đưa ra câu trả lời một cách nhanh chóng hơn là với con người⁶.

Thứ hai, AI có tính cạnh tranh cao công việc và tác động đến sự phân cấp trong nghề luật. Việc sử dụng AI trong lĩnh vực pháp lý có thể dẫn đến sự phân hóa trong nghề luật vì khả năng có thể tạo ra sự khác biệt rõ rệt giữa những luật sư có khả năng sử dụng công nghệ AI và những luật sư không thể thích nghi với công nghệ này. Những luật sư biết khai thác các công cụ AI có thể tăng hiệu suất công việc, giảm thiểu sai sót và nâng cao chất lượng dịch vụ, từ đó trở nên uy tín và thu hút khách hàng. Ngược lại, những luật sư không

⁴ Ngô Anh Cường, Sự “nổi dậy” của trí tuệ nhân tạo “AI”: ngành Luật Việt Nam có cần phải đổi mới?, <https://phaply.net.vn/su-noi-day-cua-tri-tue-nhan-cao-ai-nganh-luat-viet-nam-co-can-phai-doi-moi-a256672.html>, ngày 11/3/2025.

⁵ Christian Veith, Michael Bandlow, Michael Harnisch, Hariolf Wenzler, Markus Hartung, and Dirk Hartung (2016), *How Legal Technology Will Change the Business of Law*, The Boston Consulting Group: https://docs.wixstatic.com/ugd/b30d31_7b407b2c8c6b44d697957b7fa5db48c8.pdf, ngày 11/3/2025.

⁶ Nguyễn Mỹ Linh, Nghề luật trước những tác động của trí tuệ nhân tạo và những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động đào tạo luật ở Việt Nam, <https://lsvn.vn/nghe-luat-truoc-nhung-tac-dong-cua-tri-tue-nhan-cao-va-nhung-yeu-cau-dat-ra-doi-voi-hoat-dong-dao-tao-luat-o-viet-nam-1706110660-a140398.html>, ngày 11/3/2025.

có khả năng hoặc không thích ứng với AI sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì chất lượng dịch vụ pháp lý, cạnh tranh về giá cả và có nguy cơ bị tụt hậu trong môi trường pháp lý của thời đại số. Do đó, khả năng ứng dụng AI không chỉ trở thành một thước đo lợi thế cạnh tranh mà còn là yếu tố phân cấp để luật sư duy trì và phát triển trong môi trường pháp lý hiện đại.

Thứ ba, AI có khả năng dẫn đến những vi phạm về đạo đức và vi phạm tính bảo mật. Do những tính năng của AI như ChatGPT hoạt động dựa trên cơ sở thu thập và phân tích dữ liệu nên nguồn cung cấp thông tin đòi hỏi phải đủ và cần thiết. Vì vậy, những dữ liệu, thông tin của cá nhân trong quá trình cung cấp có thể bị đánh cắp hoặc khai thác trái phép mà không có cơ chế giám sát, kiểm soát hiệu quả. Việc ChatGPT hay AI cho ra những giải pháp hữu hiệu như thế nào còn tùy thuộc vào luật sư cung cấp bao nhiêu nguồn thông tin, nên trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ việc cũng như để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, vấn đề bảo mật thông tin gặp nhiều thách thức. Không chỉ vậy, việc các thông tin rò rỉ ra bên ngoài cũng có thể dẫn đến những vi phạm trong Bộ quy tắc Đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Bản chất của nghề luật có những yêu cầu cao về chuẩn mực đạo đức và được hệ thống thành những quy tắc nghề nghiệp riêng của mỗi quốc gia, vì vậy việc sử dụng AI cũng cần phải quan tâm đến khía cạnh đạo đức hành nghề, việc lạm dụng quá mức có thể gây ra những hậu quả to lớn và ảnh hưởng sâu sắc đến tư cách luật sư cũng như đạo đức chung của nghề luật.

Thứ tư, việc sử dụng AI có khả năng vi phạm về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. AI là những công nghệ có khả năng sáng tạo cao, vì vậy những sản phẩm của AI tạo ra mang tính tổng hợp dựa trên các nội dung có sẵn của mọi nền tảng. Dù là công nghệ mang nhiều khả năng vượt trội, song việc AI cho ra những sản phẩm như thế nào đều dựa trên những lập trình của người dùng. Do vậy, trong trường hợp những luật sư soạn thảo hợp đồng hay soạn những thư tư vấn dựa trên AI có khả năng sẽ tạo ra sự trùng lặp giữa các luật sư với nhau. Hơn hết, điều tối kỵ trong ngành luật cũng như các ngành khác chính là bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, do vậy mà AI là công nghệ có khả năng dẫn đến vi phạm đạo văn, vi phạm về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, độ tin cậy và xác thực về các thông tin mà AI cung cấp cũng là những vấn đề rủi ro thách thức đối với luật sư và các nhân sự khác trong ngành luật. Công nghệ AI hay ChatGPT được đánh giá cao với khả năng tìm và tổng hợp thông tin nhanh chóng, tuy nhiên, mọi thông tin cung cấp đôi khi thiếu tính chính xác và không được biểu thị dưới nguồn trang chính thống. Điển hình về một vụ việc thực tế vào ngày 22/6/2023 của thẩm phán quận Manhattan P. Kevin Castel đã yêu cầu các luật sư Steven Schwartz và Peter LoDuca nộp phạt do đã nộp một hồ sơ pháp lý trong đó có 6 nội dung trích dẫn vụ kiện không có thật, được tạo ra bởi chatbot ứng dụng ChatGPT⁷.

Như vậy, sự ra đời và phát triển của AI cũng như các công cụ trí tuệ nhân tạo đã mang lại nhiều cơ hội cho nghề luật sư và

ngành luật. Bên cạnh những khả năng vượt trội cùng những tính năng hữu hiệu, AI cũng mang lại không ít thách thức cho nghề luật. Đứng trước những vấn đề đó, các luật sư cần thiết phải tái định hình lại cơ cấu nhân lực và không ngừng phát triển nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của mình trong kỷ nguyên số để thích ứng kịp thời với xu thế phát triển của thời đại.

Một số đề xuất hoàn thiện hoạt động nghề luật sư Việt Nam trong thời đại số trước những tác động của AI

Xây dựng khung pháp lý riêng về trí tuệ nhân tạo

Ngày 23/11/2024, Quốc hội đã thảo luận tại tổ về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số, quá trình thảo luận, nhiều đại biểu đồng tình với việc cho rằng cần dành một chương riêng và cần nghiên cứu toàn diện để xây dựng một đạo luật riêng về AI của Việt Nam⁸. Tác giả đồng tình với quan điểm cần thiết lập một đạo luật riêng về AI để điều chỉnh toàn diện những vấn đề phát sinh từ công nghệ này. Hiện nay đã có nhiều Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI, điển hình như Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030. Điều này cho thấy sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng AI vào đời sống của hầu hết các lĩnh vực. Việc đào tạo không chỉ giúp các chuyên gia, luật sư có kiến thức vững vàng về pháp lý mà còn tạo ra các nghiên cứu về việc áp dụng pháp luật AI vào

⁷ Nguyễn Mỹ Linh, *tlđd*.

⁸ Cao Nguyên, *Cần thiết có đạo luật riêng của Việt Nam về AI*, <https://laodong.vn/thoi-su/can-thiet-co-dao-luat-rieng-cua-viet-nam-ve-ai-1425452.lido>, ngày 16/01/2025.

thực tiễn, từ đó đóng góp vào việc xây dựng chính sách và pháp luật. Đây là một yếu tố cần thiết để các cơ quan quản lý có thể đáp ứng kịp thời với những thay đổi của công nghệ AI, đồng thời bảo đảm việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của con người.

Nâng cao kiến thức và kỹ năng về công nghệ

Để bảo đảm chương trình đào tạo nghề luật tại Việt Nam đáp ứng được những thách thức mới trong thời đại công nghệ số, việc tích hợp các vấn đề liên quan đến AI và ChatGPT là rất cần thiết. Những năm gần đây, AI đã có những bước tiến đáng kể, ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều lĩnh vực, bao gồm cả pháp luật, vì vậy các chương trình đào tạo nghề luật cần được cập nhật liên tục để kịp thời nắm bắt những thay đổi, giúp luật sư cũng như những người tập sự hành nghề luật sư thích nghi với môi trường làm việc mới.

Trước tiên, cần thiết phải xây dựng một môn học riêng biệt về AI và luật. Môn học này không chỉ giúp các nhà làm luật nắm bắt được các khía cạnh pháp lý liên quan đến AI, mà còn cung cấp cái nhìn sâu sắc về trách nhiệm pháp lý, bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư trong bối cảnh công nghệ ngày càng phát triển. Ngoài ra, việc tổ chức các khóa học ngắn hạn cùng các hội thảo chuyên đề về AI gắn liền với các lĩnh vực pháp lý cũng góp phần giúp luật sư cập nhật những thông tin mới. Hơn nữa, công nghệ cũng có thể được ứng dụng trong phương pháp giảng dạy. Việc áp dụng mô phỏng các vụ kiện pháp lý liên quan đến AI sẽ tạo điều kiện cho luật sư, người tập sự hành nghề luật sư thực

hành và trải nghiệm thực tế. Sử dụng ChatGPT như một công cụ hỗ trợ trong nghiên cứu, phân tích và tạo lập tài liệu pháp lý cũng là một cách hữu ích để nâng cao kỹ năng hành nghề của luật sư.

Bên cạnh đó, đội ngũ luật sư cũng cần có ý thức chủ động học hỏi, nghiên cứu, bổ sung kiến thức về công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau trong nước cũng như quốc tế nhằm nâng cao khả năng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng ngày càng cao trong thời đại công nghệ số không ngừng phát triển. Ngoài ra, Việt Nam cũng nên tham khảo các chương trình đào tạo từ các quốc gia tiên tiến. Ví dụ, Harvard sẽ tổ chức các chương trình nghị sự “Artificial Intelligence and Intellectual Property Law Conference Agenda” nhằm bàn luận về AI, mối liên hệ và tác động của nó đến luật Sở hữu trí tuệ⁹. Không chỉ vậy, tại Đại học Stanford có khóa học mới về Thực hành chính sách: AI hỗ trợ pháp lý¹⁰, ở khóa học này sinh viên sẽ chia thành các nhóm nhỏ bao gồm các nhóm hỗ trợ pháp lý tuyến đầu và tòa án quan tâm đến việc sử dụng AI để cải thiện khả năng giúp đỡ những người phải đối mặt với việc trục xuất, các vấn đề về tư pháp hình sự, thu hồi nợ, bạo lực gia đình và các vấn đề pháp lý khác. Những mô hình này có thể cung cấp hướng đi cho việc xây dựng chương trình đào tạo nghề luật tại Việt Nam, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế thông qua các chương trình trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ giữa luật sư Việt Nam với luật sư nước ngoài.

Việc cập nhật chương trình đào tạo nghề luật với các nội dung liên quan đến AI không chỉ giúp luật sư nắm bắt xu hướng tất yếu của công nghệ mà còn trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp trong thời đại số. Điều này góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực pháp luật của Việt Nam, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường nhân lực hiện đại.

Thứ ba, chuyển đổi mô hình làm việc kết hợp giữa luật sư và AI. Sự phụ thuộc hoàn toàn vào AI có thể dẫn đến những rủi ro không mong muốn, bao gồm sự thiếu chính xác và sự thiếu nhạy bén trong việc hiểu biết các yếu tố của pháp luật. Do đó, việc chuyển đổi mô hình làm việc kết hợp giữa luật sư và AI là cần thiết để tối ưu hóa hiệu quả trong nghề luật.

Trong quá trình làm việc, luật sư sau khi thu thập thông tin từ khách hàng sẽ sử dụng AI để phân tích dữ liệu. AI giúp nhận diện các vấn đề pháp lý quan trọng và cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu pháp lý, hỗ trợ luật sư trong việc xây dựng các tư vấn chính xác. Bên cạnh đó, AI còn có thể tự động hóa việc soạn thảo các tài liệu pháp lý như hợp đồng hoặc đơn từ, giúp tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai sót. Trong các vụ kiện hoặc đàm phán, AI phân tích dữ liệu để đưa ra dự đoán, giúp luật sư có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đàm phán, phản biện hiệu quả hơn. Để mô hình này hoạt động hiệu quả, luật sư cần được đào tạo về công nghệ và AI, không chỉ để sử dụng hiệu quả mà còn để phát

⁹ Artificial Intelligence and Intellectual Property Law Conference Agenda, https://hls.harvard.edu.translate.google/artificial-intelligence-and-intellectual-property-law-conference-artificial-intelligence-and-intellectual-property-law-conference-agenda/?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=sc, ngày 12/3/2025.

¹⁰ Policy Practicum: AI For Legal Help, <https://law.stanford.edu/courses/policy-practicum-ai-for-legal-help/>, ngày 12/3/2025.

triển các kỹ năng mềm như giao tiếp và tư duy phản biện.

Mô hình làm việc này giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, đồng thời giúp luật sư tiết kiệm thời gian và tăng cường khả năng cạnh tranh trong môi trường pháp lý ngày càng phức tạp.

Thứ tư, xây dựng các quy tắc đạo đức về sử dụng AI. Việc ứng dụng công nghệ AI tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến đạo đức và giá trị cốt lõi của pháp lý. Do đó, việc xây dựng các quy chuẩn đạo đức và nguyên tắc sử dụng AI trong nghề luật là điều cần thiết để bảo vệ quyền lợi của khách hàng và duy trì sự công bằng, minh bạch trong các quyết định pháp lý.

Năm 2018, Giáo sư Marc Rotenberg, Chủ tịch Trung tâm thông tin bảo mật điện tử (EPIC) đã công bố Hướng dẫn chung về AI, gồm 12 điều khoản được cho là tiêu chuẩn đạo đức sử dụng AI¹⁰. Vào tháng 11/2021, UNESCO cũng đã đưa ra tiêu chuẩn toàn cầu đầu tiên về đạo đức AI - Khuyến nghị về Đạo đức của trí tuệ nhân tạo¹¹. Nội dung của khuyến nghị xác định một số nguyên tắc đạo đức quan trọng cần áp dụng trong phát triển và triển khai AI bao gồm tính minh bạch, trách nhiệm, công bằng và khả dĩ, tôn trọng quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân, và sự bảo đảm của AI.

Đối với Việt Nam, việc áp dụng các chính sách này là rất cần thiết trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ. Để khai thác tối đa tiềm năng của AI, Việt Nam cần xây dựng một khung pháp lý rõ ràng về đạo đức AI, bao gồm các quy tắc và hướng dẫn cụ thể cho tổ chức,

doanh nghiệp và cá nhân. Để làm được điều này, trong thời gian tới cần triển khai một số nội dung, công việc sau:

(1) Nghiên cứu kinh nghiệm của các tổ chức, quốc gia trên thế giới về chính sách đạo đức AI;

(2) Phân tích, tổng hợp các quy định pháp luật ở các lĩnh vực gặp nhiều vấn đề liên quan đến đạo đức AI;

(3) Xây dựng luật, dự thảo về luật sử dụng AI hoặc các văn bản dưới luật về AI cùng những bộ nguyên tắc chung về đạo đức khi sử dụng AI, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh ở Việt Nam;

(4) Thiết kế quy tắc đạo đức AI cho từng lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là ngành luật;

(5) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện chính sách để kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình ứng dụng;

(6) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ của AI bằng các phần mềm chống gian lận;

Ngoài ra, các chương trình giáo dục về đạo đức AI nên được đưa vào các cấp bậc từ phổ thông đến đại học và đào tạo sau đại học để nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ.

Việc xây dựng các quy chuẩn đạo đức và nguyên tắc liên quan đến việc sử dụng AI trong nghề luật là rất cần thiết để bảo đảm rằng công nghệ không làm mất đi giá trị cốt lõi của pháp lý. Bằng cách thiết lập các nguyên tắc công bằng, minh bạch, bảo vệ quyền riêng tư, trách nhiệm, đạo đức và đào tạo, ngành luật có thể ứng dụng AI một cách có trách nhiệm và hiệu quả. Điều này không chỉ bảo vệ quyền lợi của khách hàng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành luật trong kỷ nguyên số.

Kết luận

Hiện nay, trí tuệ nhân tạo phát triển đã mang đến một thời kỳ đầy triển vọng nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho nghề luật sư trong kỷ nguyên số. Công nghệ AI không chỉ hỗ trợ tối ưu hóa quy trình nghiên cứu và phân tích pháp lý, mà còn mở rộng phạm vi và tốc độ cung cấp dịch vụ, giúp luật sư đáp ứng nhu cầu pháp lý ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Sự phát triển mạnh mẽ của AI đã góp phần mở ra những cơ hội trong việc nâng cao hiệu quả công việc, tăng cường khả năng cạnh tranh và tạo điều kiện cho nghề luật phát triển trong môi trường toàn cầu hóa. Tuy nhiên, sự phát triển của AI cũng đặt ra những vấn đề lớn đối với giới luật sư khi đứng trước những áp lực phải đổi mới và thích nghi. Những luật sư không thích ứng kịp và trang bị các kỹ năng công nghệ cần thiết sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì giá trị nghề nghiệp. Có thể thấy, sự phân hóa rõ rệt giữa những người có khả năng khai thác AI hiệu quả và những người chưa thích nghi được với công nghệ đang dần trở thành thách thức lớn cho ngành luật nói chung và cộng đồng luật sư nói riêng. Do đó, để duy trì và phát triển nghề luật trong thời đại kỷ nguyên số, đội ngũ luật sư cần chủ động học hỏi và làm quen với những tiến bộ của AI, không ngừng rèn luyện kỹ năng mới và đổi mới tư duy pháp lý, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa AI và pháp luật. Sự chuẩn bị này không chỉ giúp các luật sư Việt Nam phát huy tối đa tiềm năng do AI mang lại, mà còn bảo đảm rằng họ sẽ tiếp tục sứ mệnh của mình trong việc bảo vệ công lý, duy trì đạo đức nghề nghiệp và phục vụ lợi ích của khách hàng, xã hội trong thời đại số.

N.T.K.H

¹⁰ Universal Guidelines for Artificial Intelligence of EPIC, https://bostonglobalforum-org.translate.goog/initiative/aiws-and-the-age-of-global-enlightenment/7-layer-model-of-ai-world-society/universal-guidelines-for-artificial-intelligence-of-epic/?x_tr_sl=en&x_tr_tl=vi&x_tr_hl=vi&x_tr_pto=sc, ngày 12/3/2025.

¹¹ Ethics of Artificial Intelligence, <https://www.unesco.org/en/artificial-intelligence/recommendation-ethics>, ngày 12/3/2025.

LUẬT SƯ BẢO VỆ BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LUẬT, ĐẠO ĐỨC NGHỀ LUẬT SƯ VÀ ĐÀO TẠO LUẬT

ThS.LS LƯU THỊ NGỌC LAN*

Tóm tắt: Bị hại là chủ thể chịu thiệt hại trực tiếp do hành vi phạm tội gây ra và có quyền được bảo vệ thông qua các cơ chế pháp lý, thông qua hoạt động của những người hành nghề luật chuyên nghiệp - trong đó có sự tham gia của luật sư. Luật sư, với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong tố tụng hình sự, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm công lý, hỗ trợ bị hại tiếp cận công bằng pháp luật. Trên thế giới, nhiều quốc gia đã xây dựng cơ chế pháp lý tương đối hoàn thiện cho hoạt động này. Tuy nhiên, tại Việt Nam, pháp luật còn tồn tại những hạn chế về quy định và thực tiễn áp dụng quyền, nghĩa vụ của luật sư bảo vệ bị hại. Bên cạnh đó, các nguyên tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp cũng còn nhiều bất cập cần điều chỉnh. Bài viết tiếp cận vấn đề từ ba phương diện: pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và đào tạo luật, qua đó chỉ ra những yêu cầu đặt ra trong công tác đào tạo kiến thức, kỹ năng và đạo đức cho đội ngũ luật sư bảo vệ bị hại, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ cho bị hại trong tố tụng hình sự.

Từ khóa: Luật sư, bị hại, tố tụng hình sự, đạo đức nghề nghiệp, đào tạo luật.

Abstract: The victim is the subject who suffers direct damage caused by the crime and has the right to be protected through legal mechanisms, through the activities of professional law practitioners, including the participation of lawyers. Victim protection lawyers, as protectors of the victims' legitimate rights and interests in criminal procedure, play an important role in ensuring justice and supporting victims in accessing justice. Around the world, many countries have built legal mechanisms for this activity. However, in Vietnam, the law still has limitations in terms of regulations and practices in applying the rights and obligations of lawyers protecting victims. Besides, ethical principles and professional conduct also have many shortcomings that need to be adjusted. The article approaches the issue from three aspects: law, professional ethics and law training, thereby pointing out the requirements in training knowledge, skills and ethics for the team of lawyers protecting victims, and at the same time proposing a number of solutions to improve the effectiveness of protecting victims in criminal procedure.

Keywords: Lawyers, victims, criminal procedure, professional ethics, law training.

Đặt vấn đề

Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân và bảo vệ công lý là những mục tiêu trọng tâm xuyên suốt. Trong số các chủ thể là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thì luật sư bảo vệ bị hại đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, giúp bị hại tiếp cận công lý một cách đầy đủ, thuận tiện. Việc nhìn nhận đầy đủ và toàn diện vai trò của luật sư bảo vệ cho bị hại là yêu cầu cấp thiết, không chỉ trên phương diện pháp luật mà còn cả từ góc độ đạo đức nghề nghiệp và công tác đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư chuyên sâu trong lĩnh vực hình sự.

Pháp luật về luật sư bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự trên thế giới

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã thiết lập khuôn khổ pháp lý rõ ràng và đầy đủ để luật sư được tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng. Các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là những nguyên tắc về bảo vệ nạn nhân và bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý, cũng đã tạo ra những tác động tích cực tới việc định hình vai trò và vị trí của luật sư trong hoạt động bảo vệ bị hại.

Ở một số quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức..., luật sư bảo vệ bị hại được công nhận là một chủ thể tố tụng độc lập, có vai trò không kém phần quan trọng so với luật sư bào chữa cho bị can, bị cáo.

* Đoàn Luật sư TP. Hà Nội, Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (PACC).

Tại Hoa Kỳ, bị hại không trực tiếp có luật sư trong tố tụng hình sự (vì công tố viên đại diện cho lợi ích công), nhưng nhiều bang có cơ chế luật sư riêng cho nạn nhân trong một số giai đoạn nhất định, đặc biệt khi xét xử tội phạm tình dục, bạo lực gia đình. Mặc dù Hoa Kỳ không có bộ luật tố tụng hình sự thống nhất cho cả liên bang và các bang nhưng quốc gia này có nhiều văn bản pháp lý quan trọng xác lập địa vị của bị hại và luật sư đại diện cho họ. Thông qua điều khoản “advice of attorney”, luật sư được bị hại mời thể hiện vai trò thông qua các hoạt động tố tụng như tham dự điều trần, đưa ra yêu cầu bồi thường và bảo đảm quyền được đối xử công bằng đối với bị hại. Công tố viên phải có nghĩa vụ thông báo cho bị hại biết về quyền có luật sư của mình, đây là một nền tảng quan trọng để bị hại được tham gia tích cực vào quá trình tố tụng¹. Quy định này đặt nền móng cho việc công nhận địa vị pháp lý của luật sư bảo vệ bị hại. Vai trò của luật sư bảo vệ bị hại càng được củng cố hơn khi pháp luật có quy định bị hại có các quyền như quyền thông báo, quyền được tham gia tố tụng, quyền được bảo vệ và được đại diện bởi luật sư. Luật sư được quyền kiến nghị lên tòa nếu quyền của họ bị xâm phạm². Mặc dù vậy, khi tham gia tố tụng, luật sư bảo vệ bị hại vẫn gặp phải những hạn chế nhất định như không được xem là một bên chính thức và không có tư cách tố tụng độc lập, không có quyền đưa ra cáo buộc, truy tố, điều tra hay phản bác tranh luận của luật sư bị cáo. Luật sư bảo vệ bị hại không có



Luật sư trợ giúp pháp lý cho người dân là bị hại trong một vụ án hình sự tại Trụ sở tiếp công dân Trung ương.

quyền khởi tố hay phản đối thỏa thuận nhận tội, bị hạn chế quyền phát biểu, tranh luận tại phiên tòa, quyền tiếp cận hồ sơ và không có quyền kháng cáo bản án hình sự.

Tại Nhật Bản, hệ thống tư pháp hình sự Nhật Bản có sự kết hợp tố tụng tranh tụng và thẩm vấn, nên vai trò tố tụng của bị hại và luật sư đại diện cho họ được quy định tương đối đặc thù. Địa vị pháp lý của luật sư bảo vệ bị hại được quy định cụ thể trong Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản. Theo đó, luật sư được đại diện theo ủy quyền của bị hại để thực hiện quyền tố tụng khi tham gia vào các vụ án mà bị hại là nạn nhân của các tội nghiêm trọng như: hiếp dâm, giết người, các hành vi xâm phạm trẻ em, bạo lực nghiêm trọng... Luật sư bảo vệ bị hại có các quyền như tham gia phiên tòa hình sự bình

đẳng như luật sư bào chữa và công tố, được trình bày quan điểm về tội danh của bị cáo, hậu quả và những thiệt hại, được yêu cầu về hình phạt đối với bị cáo. Luật sư bảo vệ bị hại được quyền tham gia xét hỏi, đại diện bị hại đưa ra yêu cầu bồi thường dân sự. Nếu bị hại không có điều kiện về tài chính, luật sư được nhà nước hỗ trợ kinh phí trong trường hợp tòa án chỉ định luật sư, được thực hiện bởi hệ thống “Luật sư hỗ trợ nạn nhân”³. Tuy nhiên, pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản có hạn chế là luật sư bảo vệ bị hại không được xác định là một bên tố tụng, bị hạn chế quyền tiếp cận hồ sơ, không có quyền phản đối quyết định của công tố, chỉ được tham gia phiên tòa khi có sự đồng ý của tòa, phạm vi tranh tụng bị giới hạn, không được tranh luận về tội danh, chỉ có ý kiến về hình

¹ Điều khoản “Advice of attorney, § 10607(c), Victims’ Rights and Restitution Act of 1990 (Luật về Quyền của nạn nhân và bồi thường thiệt hại năm 1990).

² Crime Victims’ Rights Act (CVRA) 2004 – 18 U.S.C. § 3771

³ Điều 316-33 đến Điều 316-36, Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản 2007 (刑事訴訟法 – Keiji Sosho Ho); các Điều 7, Điều 11, Điều 18 Luật về Hỗ trợ nạn nhân tội phạm Nhật Bản năm 2000 (被害者等基本法 – Basic Act on Crime Victims).

phạt và bồi thường, không có vai trò tố tụng chính thức như luật sư bào chữa hay công tố viên tức vẫn chỉ đóng vai trò hỗ trợ gián tiếp cho bị hại.

Tại Đức, bị hại được thừa nhận có địa vị pháp lý độc lập và được coi là nguyên đơn phụ - phụ tố (nebenkläger), được chủ động tham gia vào quá trình tố tụng và được quyền có luật sư bảo vệ, hỗ trợ pháp lý cho mình, theo hình thức thức luật sư hay được chỉ định bởi nhà nước nếu bị hại là nạn nhân thuộc các loại tội phạm như bạo lực gia đình nghiêm trọng, xâm hại tình dục, tội phạm có tính chất khủng bố hay các hành vi cố ý gây thương tích nghiêm trọng⁴. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Đức (Strafprozessordnung - StPO), luật sư bảo vệ bị hại khi được công nhận là nguyên đơn phụ có thể nhân danh bị hại thực hiện các hành vi tố tụng. Luật sư có một số quyền cơ bản như tham gia bảo vệ bị hại trong suốt quá trình tố tụng từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, đưa ra yêu cầu thu thập chứng cứ, có quyền hỏi cung bị cáo, có mặt tham dự các phiên tòa, tham gia xét hỏi, trình bày lập luận pháp lý, đưa quan điểm về hình phạt đối với bị cáo. Luật sư phát huy vai trò của mình trong việc bảo đảm rằng bị hại không tiếp tục bị tổn thương thứ cấp trong quá trình tố tụng như quá trình tham dự vào việc thẩm vấn nhạy cảm hoặc đối chất với bị cáo. Luật sư được quyền thay mặt bị hại đưa ra yêu cầu bồi thường dân sự và yêu cầu kháng cáo. Mặc dù có vai trò quan trọng nhưng luật sư bảo vệ bị hại vẫn có những hạn chế nhất định so với các chủ thể tố

tụng khác như luật sư bào chữa hay công tố viên. Họ chỉ được xác định là nguyên đơn phụ mà không có tư cách là một bên chính thức, một chủ thể tố tụng độc lập và chỉ có đầy đủ quyền tố tụng khi được xác định là nguyên đơn phụ (nebenkläger).

Tại Hà Lan, luật sư bảo vệ bị hại được xác định là người đại diện pháp lý để bảo vệ các quyền tố tụng và bảo vệ cá nhân bị hại. Điều này thể hiện rõ trong Bộ luật Tố tụng hình sự Hà Lan (Wetboek van Strafvordering - Sv) và Luật về trợ giúp pháp lý (Wet op de Rechtsbijstand - Wrb). Do pháp luật có quy định quyền của bị hại được có luật sư đại diện nên luật sư tham gia tố tụng gặp nhiều thuận lợi. Hình thức luật sư tham gia tố tụng có thể do bị hại mời hay được chỉ định⁵, trợ giúp pháp lý⁶. Luật sư bảo vệ bị hại có các quyền tố tụng như quyền được đại diện cho bị hại, được tư vấn, soạn thảo văn bản pháp lý, quyền được đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ nhân chứng, phản đối việc đình chỉ điều tra, truy tố, quyền tham gia phiên tòa, phát biểu, tranh luận... Tuy vậy, luật sư bảo vệ bị hại gặp một số hạn chế như họ không được coi là một bên tố tụng chính thức, bị hạn chế quyền tiếp cận hồ sơ, hạn chế khi phát biểu tại phiên tòa, không có quyền kháng cáo bản án hình sự...

Tại Trung Quốc, luật sư bảo vệ bị hại tham gia tố tụng với tư cách người đại diện ủy quyền hoặc người ủy quyền hợp pháp để bảo vệ quyền lợi bị hại. Luật sư được tham gia vào tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng từ điều tra, truy tố, xét xử và thi

hành án. Tại giai đoạn điều tra, luật sư bảo vệ bị hại có quyền thay mặt bị hại nộp đơn tố cáo, kiến nghị khởi tố vụ án hình sự, được yêu cầu cơ quan điều tra bảo vệ sự an toàn cá nhân cho nhân chứng, bị hại, được quyền thu thập chứng cứ về những thiệt hại của bị hại, đề xuất giám định tâm lý, tổn hại sức khỏe, thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội gây ra. Trong giai đoạn truy tố, luật sư bảo vệ bị hại có các quyền như nghiên cứu hồ sơ vụ án, nêu ý kiến đối với các quyết định tố tụng, tranh luận với kiểm sát viên về các vấn đề liên quan đến vụ án. Tại giai đoạn xét xử, luật sư được quyền có mặt tại phiên tòa, nêu quan điểm bảo vệ bị hại, đưa ra yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị các biện pháp bảo đảm an toàn cá nhân cho bị hại. Đến giai đoạn thi hành án, luật sư bảo vệ bị hại được quyền giám sát việc thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại, tư vấn pháp lý, giúp đỡ bị hại các thủ tục khiếu nại hoặc có thể đưa ra yêu cầu thi hành án bổ sung nếu xét thấy cần thiết⁷. Bên cạnh đó, Luật Luật sư Trung Quốc đã có những quy định nhằm bảo đảm quyền hành nghề của luật sư như quyền gặp gỡ thân chủ, đưa ra ý kiến pháp lý, xem xét các tài liệu liên quan, quyền được bảo vệ khỏi sự can thiệp trái pháp luật từ cơ quan nhà nước⁸. Tuy nhiên, so với luật sư bào chữa thì luật sư bảo vệ bị hại bị hạn chế quyền chủ động trong quá trình tham gia tố tụng hình sự, không phải là bên tố tụng độc lập.

Như vậy có thể thấy rằng, mặc dù pháp luật tố tụng hình sự mỗi nước khi quy định về địa

⁴ Điều 397, Điều 397a, Điều 406g, Điều 406f Bộ luật Tố tụng hình sự Đức.

⁵ Điều 51a, Điều 51b, Điều 51c, Điều 51e; Điều 51f Bộ luật Tố tụng hình sự Hà Lan.

⁶ Điều 2, Điều 12 Luật về trợ giúp pháp lý của Hà Lan.

⁷ Các Điều 35, Điều 82, Điều 183, Điều 191, Điều 287 Bộ luật Tố tụng hình sự Trung Quốc (Luật sửa đổi năm 2018)

⁸ Các Điều 33, 34 Luật Luật sư Trung Quốc

vị pháp lý của luật sư bảo vệ bị hại đều có những hạn chế nhất định nhưng nhìn chung các nước trên thế giới đều có xu hướng tăng cường bảo vệ vai trò chủ động của bị hại và khuyến khích sự tham gia của luật sư nhằm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng bình đẳng, thể hiện tư tưởng lấy con người làm trung tâm. Luật sư bảo vệ bị hại ngoài việc đại diện, hỗ trợ bị hại thực hiện các quyền tố tụng, bảo vệ nhân phẩm, sự an toàn cá nhân của bị hại, còn có vai trò quan trọng trong việc góp phần vào công lý phục hồi và hiệu quả của hệ thống tư pháp hình sự.

Pháp luật về luật sư bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự tại Việt Nam

Trong hệ thống các chủ thể tham gia tranh tụng, ngoài vai trò của người bào chữa, luật sư còn giữ vai trò then chốt và là lực lượng chủ yếu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại. Luật sư tham gia tố tụng dựa trên yêu cầu của bị hại và sự chấp thuận của cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định pháp luật.

Về tiến trình lập pháp, nếu Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) 1988 chưa đề cập đến vai trò người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, Bộ luật TTHS 2003 mới dừng lại ở việc bổ sung hạn chế các quyền của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, bao gồm luật sư tại giai đoạn xét xử, thì Bộ luật TTHS 2015 đã đánh dấu bước ngoặt khi mở rộng quyền tranh tụng ở mọi giai đoạn.

Định hướng này tiếp tục được khẳng định tại Nghị quyết 27-NQ/TW (2022) và Nghị quyết 66-NQ/TW (2025), nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế và nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư

trong bối cảnh cải cách tư pháp.

Cụ thể, Điều 62 Bộ luật TTHS 2015 khẳng định quyền nhờ người bảo vệ của bị hại, trong khi Điều 84 quy định chi tiết về thời điểm tham gia, thủ tục và các quyền, nghĩa vụ tố tụng. Luật sư có thể tham gia sớm từ giai đoạn điều tra, được thực hiện các quyền quan trọng như: đưa ra yêu cầu, kiến nghị; thu thập tài liệu, chứng cứ; tham gia hỏi cung, đối chất; tiếp cận hồ sơ vụ án và trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa.

Song hành với đó, Luật Luật sư 2006 (sửa đổi, bổ sung 2012) xác lập hành lang pháp lý toàn diện, định hình luật sư là chủ thể nghề nghiệp độc lập, chuyên nghiệp. Luật sư có quyền hành nghề trung thực, tiếp cận thông tin và có nghĩa vụ bảo vệ tốt nhất lợi ích khách hàng, giữ bí mật thông tin và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy địa vị pháp lý của luật sư bảo vệ bị hại vẫn còn mang tính hình thức. Vai trò của họ chưa được bảo đảm tương xứng với người bào chữa, đặc biệt là sự thiếu vắng cơ chế tham gia ở giai đoạn tiền tố tụng khi bị hại nộp đơn tố giác. Những rào cản về quyền tiếp cận hồ sơ thiếu kịp thời, sự thiếu đồng bộ trong quy định pháp luật và hạn chế về hỗ trợ pháp lý miễn phí cho bị hại hiện đang là những trở ngại lớn, làm suy giảm hiệu quả bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự.

Tiêu chuẩn đạo đức nghề luật của luật sư bảo vệ cho bị hại trong tố tụng hình sự Việt Nam

Bộ quy tắc Đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam (ban hành theo Quyết định 201/QĐ-HĐLSTQ ngày 13/12/2019) là hệ thống chuẩn mực hành vi

bắt buộc, định hướng giá trị cốt lõi cho luật sư trong quá trình hành nghề. Mặc dù không có chương riêng biệt dành cho việc bảo vệ bị hại, các quy tắc chung vẫn trực tiếp điều chỉnh và định hình vai trò của luật sư trong việc bảo vệ quyền lợi cho thân chủ là người bị hại. Đối với nhóm đối tượng này, việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là thước đo vị thế của luật sư trước xã hội qua các khía cạnh cụ thể sau:

Thứ nhất, luật sư hoạt động hành nghề độc lập, trung thực và tôn trọng sự thật khách quan (Quy tắc 2). Đây là nguyên tắc nền tảng giúp luật sư giữ vững bản lĩnh trước áp lực từ xã hội, truyền thông hoặc các yếu tố cảm tính thường xuất hiện trong các vụ án hình sự. Luật sư bảo vệ bị hại phải bảo vệ quyền lợi thân chủ dựa trên sự thật khách quan, tuyệt đối không bóp méo tình tiết vụ án để tạo sức ép lên các bên. Vai trò của luật sư lúc này là chủ thể hỗ trợ công lý, bổ trợ cho quá trình tìm ra sự thật của cơ quan tố tụng.

Thứ hai, luật sư có nghĩa vụ bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng (Quy tắc 5 và Quy tắc 12). Luật sư có trách nhiệm đặt lợi ích của bị hại lên hàng đầu, thực hiện công việc với sự tận tâm và bản lĩnh cao nhất. Việc bảo vệ không được mang tính hình thức hay hời hợt do định kiến xã hội đối với vụ án. Sự tận tâm này giúp bị hại tiếp cận công lý một cách thực chất, bảo đảm các thiệt hại về thể chất, tinh thần và tài sản được xem xét thỏa đáng trong khuôn khổ pháp luật.

Thứ ba, luật sư có nghĩa vụ tôn trọng khách hàng, đặc biệt là nhóm yếu thế (Quy tắc 6). Sự tôn trọng là tiền đề để xây dựng niềm tin giữa luật sư và bị hại. Luật sư có nghĩa vụ tôn trọng ý

chí, nguyện vọng hợp pháp của thân chủ, không áp đặt quan điểm cá nhân. Trong các vụ án hình sự, bị hại thường là những người chịu tổn thương tâm lý nặng nề, do đó, thái độ tôn trọng và thấu hiểu của luật sư góp phần quan trọng vào việc phục hồi quyền lợi và giảm bớt gánh nặng tâm lý cho họ.

Thứ tư, luật sư có nghĩa vụ minh bạch về thù lao và bảo đảm tính nhân văn (Quy tắc 8). Quy tắc này yêu cầu luật sư phải giải thích công khai, trung thực về mức phí dịch vụ. Luật sư bảo vệ bị hại tuyệt đối không được lợi dụng tình thế quẫn bách hoặc sự thiếu hiểu biết của nạn nhân để trục lợi, ép buộc chi trả các khoản phí không minh bạch hoặc vượt quá thỏa thuận. Việc xem xét các yếu tố đặc thù của bị hại khi tính thù lao thể hiện tính nhân văn sâu sắc của nghề luật.

Thứ năm, luật sư cần kiểm soát xung đột lợi ích và quyền từ chối vụ việc phù hợp với quy định của pháp luật (Quy tắc 13 và Quy tắc 15). Trong môi trường tố tụng phức tạp, luật sư cần chủ động nhận diện và từ chối các vụ việc có xung đột lợi ích giữa khách hàng cũ và mới, hoặc khi khách hàng có yêu cầu trái đạo đức, vi phạm pháp luật. Việc chủ động rút lui khi thấy khách hàng che giấu sự thật hoặc có ý đồ không trong sáng khẳng định sự kiểm soát và chính trực của luật sư.

Có thể thấy, dù chưa có quy định riêng biệt, nhưng hệ thống quy tắc đạo đức hiện hành đã bao quát đầy đủ các yêu cầu đối với luật sư bảo vệ bị hại, từ sự trung thực, khách quan đến tinh thần nhân văn và trách nhiệm xã hội. Việc tuân thủ nghiêm cần các chuẩn mực này chính là chìa khóa để nâng cao hiệu quả tranh tụng và bảo đảm sự công bằng trong tố tụng hình sự.

Đào tạo luật và vai trò của luật sư bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự

Trong hoạt động hành nghề, luật sư bảo vệ bị hại chỉ thực sự phát huy vai trò khi được đào tạo bài bản, có kiến thức chuyên sâu về pháp luật tố tụng hình sự và các luật chuyên ngành liên quan (Luật Trẻ em, Luật Phòng chống bạo lực gia đình...). Bên cạnh việc trau dồi đạo đức và bản lĩnh, luật sư cần nắm vững các kỹ năng đặc thù như thu thập chứng cứ, đưa ra kiến nghị và thực hiện tranh tụng tại phiên tòa. Đây là kết quả của một quá trình đào tạo lâu dài từ bậc cử nhân đến bồi dưỡng nghề nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo hiện nay vẫn tồn tại những bất cập cơ bản:

Về đào tạo kiến thức pháp luật

Dù các cơ sở đào tạo đã tích hợp giảng dạy các kỹ năng hỗ trợ và ngoại khóa, nhưng với định mức 120-130 tín chỉ, rất khó để yêu cầu tăng thêm dung lượng cho các học phần thực hành chuyên sâu. Thực tiễn cho thấy đào tạo luật chưa chú trọng đúng mức đến kiến thức liên ngành như tâm lý học, xã hội học và kỹ năng giao tiếp với đối tượng dễ bị tổn thương. Nhiều chương trình cử nhân còn nặng về lý thuyết thuần túy, thiếu tính thực tiễn và sự tích hợp kiến thức liên ngành. Đặc biệt, các kỹ thực tập sinh viên chưa được định hướng rõ ràng về loại hình nghề nghiệp hay đối tượng khách hàng, dẫn đến việc tiếp cận kỹ năng nghề nghiệp còn rời rạc, chưa có tiêu điểm.

Về rèn luyện đạo đức nghề luật

Rèn luyện đạo đức giúp luật sư xây dựng bản lĩnh, xác định giới hạn bảo vệ và tạo dựng niềm tin cho bị hại, từ đó duy trì phẩm giá nghề nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động này hiện vẫn còn những hạn chế: thứ nhất,

trong đào tạo và hành nghề, vấn đề đạo đức vẫn còn mang tính khô cứng, giáo điều, thiếu sự gắn kết với môi trường thực tiễn; thứ hai, mặc dù đã có chuẩn đầu ra về đạo đức và trách nhiệm xã hội, nhưng các tiêu chí lượng hóa để đo lường cụ thể mức độ đạt được của người học vẫn chưa rõ ràng, việc đánh giá trong các kỳ kiểm tra còn thiếu tính tích hợp.

Về đào tạo kỹ năng nghề luật

Kỹ năng nghề nghiệp là năng lực thực hành giúp luật sư vận dụng pháp luật và hiểu biết tâm lý vào giải quyết vụ việc, làm tăng tính chuyên nghiệp và uy tín tranh tụng. Thế nhưng, tại các cơ sở đào tạo hiện nay, kỹ năng bảo vệ bị hại vẫn bộc lộ nhiều khoảng trống:

Thứ nhất, kỹ năng tranh tụng hình sự chủ yếu tập trung vào người bị buộc tội, các cơ sở đào tạo vẫn đang “ưu ái” kỹ năng của người bào chữa hơn người bảo vệ.

Thứ hai, việc bảo vệ người yếu thế mới chỉ tập trung vào người chưa thành niên, các nhóm nạn nhân đặc thù khác chưa được định hình kỹ năng chuyên biệt.

Thứ ba, chưa chú trọng đào tạo các kỹ năng mềm thiết yếu như bảo mật thông tin, kỹ năng lắng nghe, thấu hiểu và trấn an tâm lý bị hại. Thiếu hụt các kỹ năng này có thể dẫn đến “tổn thương thứ cấp” cho nạn nhân và vi phạm quy tắc đạo đức.

Thứ tư, dù chú trọng thực hành nhưng chủ yếu vẫn dựa trên hồ sơ và diễn án tại tòa; các kỹ năng tiếp xúc khách hàng, thu thập chứng cứ thực địa vẫn chưa có phương thức thực hành sát thực tế, một phần do rào cản pháp lý khi giảng viên và học viên chưa được tham gia tố tụng thực chất.

Như vậy, từ những bất cập trong cơ chế đào tạo dẫn đến đội ngũ luật sư bảo vệ bị hại bị hạn chế về năng lực hành nghề. Việc

không xác định đúng địa vị pháp lý của bị hại và thiếu hụt kỹ năng không chỉ làm giảm hiệu quả bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thân chủ mà còn ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng, chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp.

Một số kiến nghị hoàn thiện

Từ thực tiễn đào tạo nghề luật và thực tiễn tranh tụng cho thấy đội ngũ luật sư bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự hiện nay vẫn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp. Đây là một rào cản lớn đối với sự phát triển đội ngũ luật sư trước thềm hội nhập. Những vấn đề bất cập nêu trên đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới chương trình đào tạo luật và đào tạo nghề luật sư theo hướng chuyên biệt hóa, tăng cường kỹ năng thực hành và giáo dục đạo đức nghề nghiệp sâu sắc hơn. Việc hình thành đội ngũ luật sư bảo vệ bị hại chuyên nghiệp và có chất lượng trong tương lai không thể chỉ dừng lại ở năng lực pháp lý, sự am hiểu pháp luật mà có sự kết hợp hài hòa giữa chuyên môn, đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả vai trò luật sư bảo vệ bị hại, cần thiết phải có những giải pháp đồng bộ từ thể chế pháp luật đến chính sách nghề nghiệp và giáo dục luật. Tác giả đề xuất một số giải pháp theo các nhóm trọng tâm như sau:

Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Với định hướng “Phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật với yêu cầu đồng bộ, thống nhất, khả thi cao, bảo đảm quyền con người, quyền công dân”⁹, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật để nâng cao vai trò của luật sư bảo vệ bị hại là yêu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay. Các luật cần hoàn thiện không chỉ bao gồm

Bộ luật Tố tụng hình sự đang được sửa đổi, bổ sung năm 2025 mà còn đòi hỏi rà soát, bổ sung các quy định liên quan của pháp luật chuyên ngành khác như Luật Luật sư, Luật Trợ giúp pháp lý, Luật Trẻ em, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Phòng, chống mua bán người... từ đó xây dựng một hành lang pháp lý rõ ràng, đồng bộ và hiệu quả.

Đối với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần bổ sung quyền cho người bảo vệ bị hại, tiệm cận với các quyền dành cho người bào chữa, cần sửa đổi, bổ sung những nội dung sau: quy định rõ hơn về vai trò chủ động của luật sư bảo vệ bị hại trong việc thu thập chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng như đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra; mở rộng đối tượng được chỉ định luật sư là bị hại trong các vụ án về các tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, song song với việc mở rộng đối tượng trợ giúp pháp lý. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và chế tài với cơ quan, cá nhân tiến hành tố tụng khi vi phạm, cản trở hoạt động của người bào chữa, người bảo vệ. Cần có các quy định tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan tiến hành tố tụng để hạn chế lạm quyền, bảo đảm quyền con người của bị hại và những người tham gia tố tụng. Mặt khác, cần khẩn trương quy định để hiện thực hóa chủ trương giảng viên luật cũng có thể trở thành luật sư, cho phép học viên đào tạo nghề luật được tham gia một số hoạt động tố tụng trong phạm vi tập sự nghề luật.

Đối với Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành, cần thiết bổ sung quy định về lĩnh vực hành nghề đặc thù là bảo vệ bị hại là nạn nhân của tội phạm trong tố tụng hình sự, xây dựng

cơ chế hỗ trợ luật sư bảo vệ bị hại trong điều kiện bị hại là người yếu thế có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, xác định rõ luật sư bảo vệ bị hại là một chủ thể độc lập như người bào chữa.

Đối với Luật Trợ giúp pháp lý, cần thiết mở rộng phạm vi trợ giúp pháp lý, sửa đổi theo hướng đối với những bị hại là nạn nhân của tội phạm có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (trẻ em từ 16-18 tuổi, phụ nữ bị xâm hại tình dục, phụ nữ là nạn nhân mua bán người, người khuyết tật...) là đối tượng được trợ giúp pháp lý mà không phụ thuộc vào điều kiện có khó khăn về tài chính hay không, hoặc bị hại là nạn nhân của tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Đồng thời tăng cường cơ chế để giám sát độc lập hoạt động trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hình sự, phát huy vai trò của luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý bảo vệ bị hại.

Một số luật chuyên ngành khác như Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Phòng, chống mua bán người, Luật Trẻ em... cần bổ sung quy định tạo điều kiện thuận lợi hơn cho luật sư bảo vệ bị hại trong quá trình tham gia tố tụng (thời điểm luật sư được tiếp xúc với bị hại, quyền của luật sư khi tham gia tố tụng, trách nhiệm tạo điều kiện của cơ quan tố tụng, cơ chế phối hợp giữa luật sư với các cơ quan hỗ trợ bị hại...) bởi lẽ luật sư không chỉ là đại diện pháp lý cho bị hại trước cơ quan tố tụng mà còn là chỗ dựa tinh thần giúp bị hại ổn định tâm lý, vượt qua những khó khăn, mặc cảm để tiếp cận công lý dễ dàng hơn.

Ngoài ra, cũng cần thiết phải nghiên cứu và xây dựng Luật Hỗ trợ nạn nhân của tội phạm thành một luật chuyên ngành riêng chứa đựng các quy phạm pháp luật ghi nhận địa vị pháp lý của bị hại, luật sư bảo vệ bị hại cũng

⁹ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XIII).

như thiết lập cơ chế phối hợp giữa luật sư với các tổ chức xã hội và cơ quan tiến hành tố tụng, tạo điều kiện để bị hại có điều kiện tiếp cận công lý một cách dễ dàng hơn.

Giải pháp nâng cao đạo đức luật sư

Đối với Bộ quy tắc Đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư hiện hành, cần thiết phải có nội dung quy định cụ thể hơn về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư bảo vệ bị hại, trách nhiệm của luật sư bảo vệ bị hại trong việc rèn luyện chuyên môn, kỹ năng hành nghề cho nhóm đối tượng đặc thù, trau dồi đạo đức ứng xử, bản lĩnh nghề nghiệp để thực hiện tốt vai trò bảo vệ bị hại. Đồng thời cần có chế tài xử lý nghiêm những luật sư có hành vi vi phạm chuẩn mực, đạo đức khi bảo vệ bị hại, xâm phạm đến danh dự, quyền con người của bị hại là nạn nhân của tội phạm.

Đối với luật sư bảo vệ bị hại, việc quy định tăng cường đạo đức và quy tắc nghề nghiệp luật sư trong Bộ quy tắc Đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư sẽ là kim chỉ nam định hướng, góp phần tạo nên uy tín của luật sư trước cộng đồng xã hội và tạo niềm tin cho bị hại khi tham gia tố tụng, đồng thời, cũng là một trong những giải pháp giúp nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ luật sư bảo vệ bị hại hiện tại và trong tương lai.

Giải pháp đổi mới chương trình đào tạo luật

Trong lĩnh vực đào tạo luật, có thể bổ sung vào chương trình cử nhân luật các môn học chứa đựng nội dung tăng cường các chuyên đề liên quan đến kỹ năng bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự, quyền của nạn nhân trong tố tụng hình sự, đặc biệt là các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo vệ bị hại hay chuyên đề pháp luật về bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự đồng thời lồng ghép các kiến

thức liên ngành như tâm lý học, xã hội học, quyền con người. Ngoài ra, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng gắn kết giữa lý thuyết với thực tiễn nhằm phát triển kỹ năng thực hành nghề luật cho sinh viên. Tăng cường các hội thảo quốc tế về quyền con người và bảo vệ bị hại, khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, viết khóa luận, đề tài tốt nghiệp liên quan đến bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự.

Tại Học viện Tư pháp, cần thiết bổ sung vào chương trình đào tạo ở mức chuyên sâu chuyên đề về kỹ năng của luật sư bảo vệ bị hại trong tố tụng hình sự ở tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự (tố giác, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án). Đặc biệt, chú trọng đào tạo kỹ năng nhận diện vấn đề, hỗ trợ và bảo vệ bị hại là người yếu thế: người khuyết tật, phụ nữ, người già, trẻ em, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân của tội phạm mua bán người... Đồng thời, gắn nội dung về giảng dạy về đạo đức nghề nghiệp luật sư với những tình huống thực tế, lồng ghép các tiêu chuẩn đạo đức quốc tế trong bảo vệ bị hại, về vai trò của luật sư vận dụng vào Việt Nam. Những văn bản quốc tế đó không chỉ có ý nghĩa trong việc tham khảo, vận dụng, định hướng cách thức đào tạo luật sư theo hướng chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập mà còn bảo đảm nâng cao hiệu quả bảo vệ bị hại theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp luật sư.

Liên đoàn Luật sư Việt Nam hay Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trong chương trình tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn cho luật sư hàng năm cần thiết phải xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên đề chuyên sâu về bảo vệ bị hại tập trung vào những nội dung đặc thù như: kiến thức về quyền của nạn nhân

theo pháp luật quốc tế và trong nước; kỹ năng hỗ trợ tâm lý bị hại, kỹ năng tham gia ngay từ giai đoạn tố giác đến giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; kỹ năng phỏng vấn, thu thập chứng cứ, đưa ra yêu cầu bồi thường dân sự cho bị hại, làm việc với các cơ quan tiến hành tố tụng, cũng như kỹ năng tranh tụng tại các giai đoạn tố tụng.

Kết luận

Luật sư bảo vệ bị hại không chỉ có vai trò quan trọng trong việc đồng hành, đại diện, hỗ trợ và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong tố tụng hình sự mà còn góp phần bảo đảm cho bị hại được tiếp cận công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được hiến định. Thực tiễn cho thấy trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, luật sư bảo vệ bị hại còn gặp nhiều khó khăn, cản trở. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, cản trở đó nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là do hành lang pháp lý còn chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ và thiếu tính thống nhất. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ luật sư lại chưa quan tâm đúng mức, chưa tập trung vào rèn luyện kỹ năng, đạo đức và định hướng hành nghề bảo vệ người bị hại. Do vậy, việc đưa ra những giải pháp phù hợp trên cơ sở tiếp cận các phương diện pháp luật, đạo đức nghề luật và đào tạo luật là cần thiết, có ý nghĩa thiết thực, sâu sắc và toàn diện trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay. Địa vị pháp lý của luật sư bảo vệ bị hại chỉ được nâng tầm khi khung pháp lý có những quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch; lương tâm, đạo đức, bản lĩnh của luật sư được củng cố, tăng cường; phương thức đào tạo luật và bồi dưỡng chuyên môn được thay đổi, mở rộng phù hợp với thông lệ quốc tế và bối cảnh hội nhập.

L.T.N.L

TÁC ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON ĐỐI VỚI XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH TẠI VIỆT NAM*

TS TRẦN NGỌC HIỆP*

Tóm tắt: Kinh tế xanh đã trở thành một định hướng phát triển quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Tại Việt Nam, kinh tế xanh không chỉ được xác lập trong các chiến lược, chương trình phát triển quốc gia mà còn gắn chặt với việc thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Trong bối cảnh đó, thị trường tín chỉ carbon nổi lên như một công cụ kinh tế quan trọng, góp phần thúc đẩy quá trình giảm phát thải, phân bổ hiệu quả nguồn lực và khuyến khích đầu tư vào các hoạt động thân thiện với môi trường. Bài viết tập trung làm rõ bản chất của kinh tế xanh, đồng thời phân tích tác động của thị trường tín chỉ carbon đối với xu hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam.

Từ khóa: Kinh tế xanh, tín chỉ carbon, phát triển bền vững.

Abstract: Green economy has become an important development direction in the context of global climate change and requires transforming the growth model towards sustainability. In Vietnam, the green economy is not only established in national development strategies and programs but also closely linked to the implementation of international commitments on reducing greenhouse gas emissions. In that context, the carbon credit market has emerged as an important economic tool, contributing to promoting the process of reducing emissions, effectively allocating resources and encouraging investment in environmentally friendly activities. The article focuses on clarifying the nature of the green economy and analyzing the impact of the carbon credit market on the green economic development trend in Vietnam.

Keywords: Green economy, carbon credits, sustainable development.

Tổng quan về kinh tế xanh

Bản chất của kinh tế xanh

Thuật ngữ “kinh tế xanh” (green economy) lần đầu tiên được giới thiệu bởi các nhà kinh tế học môi trường trong báo cáo mang tên Blueprint for a Green Economy vào năm 1989 cho Chính phủ Anh, do nhóm tác giả David Pearce, Anil Markandya và Edward Barbier thực hiện¹. Báo cáo này tập trung vào việc xác định sự phát triển bền vững và những tác động của nó đối với tăng trưởng kinh tế và chính sách công. Sau đó, các tác giả đã mở rộng khái niệm này trong hai báo

cáo tiếp theo vào năm 1991² và 1994³, chuyển từ chính sách môi trường quốc gia sang các thách thức kinh tế toàn cầu liên quan đến biến đổi khí hậu và mất mát tài nguyên. Tuy nhiên, phải đến năm 2008, trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, thuật ngữ này mới thực sự thu hút sự chú ý trên phạm vi quốc tế. Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đã khởi xướng Sáng kiến Kinh tế Xanh (Green Economy Initiative) vào tháng 10/2008, nhằm cung cấp phân tích và hỗ trợ chính sách cho đầu tư vào các lĩnh vực xanh⁴. Năm 2010, Đại hội đồng Liên hợp quốc

đã chỉ định kinh tế xanh là chủ đề trọng tâm của Hội nghị Rio+20 năm 2012⁵, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc đưa khái niệm này vào chương trình nghị sự toàn cầu.

Từ góc độ của các tổ chức quốc tế, trước hết UNEP đã đưa ra định nghĩa được công nhận tương đối rộng rãi khi cho rằng “kinh tế xanh là nền kinh tế mang lại phúc lợi cho con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể các rủi ro môi trường và sự khan hiếm sinh thái. Đó là nền kinh tế ít carbon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hòa nhập xã hội”⁶. Khái niệm

* Bài viết trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp Trường của Trường Đại học Luật Hà Nội “Giao dịch mua bán tín chỉ carbon trong bối cảnh phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam”.

* Trường Đại học Luật Hà Nội.

¹ Pearce, D. W., Markandya, A., & Barbier, E. B. (1989). Blueprint for a green economy. London: Earthscan.

² Pearce, D. W., Barbier, E. B., & Markandya, A. (1991). Blueprint 2: Greening the world economy. London: Earthscan.

³ Pearce, D. W., Barbier, E. B., & Markandya, A. (1994). Blueprint 3: Measuring sustainable development. London: Earthscan.

⁴ Xem thêm tại <https://archive.iwlearn.org/unep.org/greeneconomy/default.htm>.

⁵ Xem thêm tại <https://www.unep.org/explore-topics/environmental-rights-and-governance/what-we-do/supporting-2030-agenda/implementation>.

⁶ UNEP. (2011). Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication (Synthesis for Policy Makers). Nairobi: United Nations Environment Programme, https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/126GER_synthesis_en.pdf, ngày 06/11/2025.

này nhấn mạnh ba trụ cột của phát triển bền vững bao gồm kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó sự tăng trưởng về thu nhập và việc làm được thúc đẩy bởi đầu tư công và tư nhân vào các hoạt động giúp giảm lượng khí thải carbon, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên, cũng như ngăn chặn mất đa dạng sinh học. Trong khi đó, Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) không sử dụng thuật ngữ “kinh tế xanh” mà thay bằng thuật ngữ có tính chất tương đồng là “tăng trưởng xanh”, theo đó “tăng trưởng xanh có nghĩa là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế trong khi bảo đảm rằng các tài sản thiên nhiên tiếp tục cung cấp các nguồn lực và dịch vụ môi trường mà phúc lợi của chúng ta phụ thuộc vào đó”⁷. Khái niệm này nhấn mạnh vai trò của vốn tự nhiên như một yếu tố sản xuất và tầm quan trọng của việc nâng cao phúc lợi thông qua quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên. Tương tự, Ngân hàng Thế giới (WB) định nghĩa tăng trưởng xanh là tăng trưởng kinh tế hiệu quả, sạch và có khả năng phục hồi, tức là hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên, sạch trong giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường, đồng thời có khả năng phục hồi chống chịu trước các rủi ro tự nhiên⁸. Theo cách tiếp cận này, tăng trưởng xanh tập trung vào việc khắc phục các thất bại thị trường làm giảm hiệu quả kinh tế, trong đó các chính sách xanh có thể đóng góp vào tăng trưởng kinh tế bằng cách điều chỉnh các thất bại này.

Theo quan điểm của Liên minh Kinh tế xanh (Green Economy Coalition), kinh tế xanh là một nền kinh tế mang lại phúc lợi và công bằng cho mọi người, đồng thời vận hành trong những giới hạn sinh thái của hành tinh⁹. Bên cạnh đó, tác giả Loiseau và cộng sự trong nghiên cứu tổng quan về kinh tế xanh và các khái niệm liên quan đã chỉ ra rằng kinh tế xanh bao gồm nhiều khái niệm đa dạng như sản xuất sạch, hiệu quả tài nguyên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế sinh học, sinh thái công nghiệp và các giải pháp dựa trên thiên nhiên. Nghiên cứu này cũng phát hiện rằng hơn 35% tài liệu khoa học liên kết kinh tế xanh với phát triển bền vững, cho thấy vai trò của kinh tế xanh như một con đường hướng tới tính bền vững của phát triển kinh tế¹⁰.

Như vậy, có thể thấy rằng kinh tế xanh là một thuật ngữ đa chiều, được xây dựng dựa trên nền tảng lý thuyết vững chắc từ kinh tế học môi trường và kinh tế học sinh thái, đồng thời được củng cố bởi các bằng chứng thực nghiệm từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau. Kinh tế xanh đại diện cho một mô hình phát triển mới, hướng tới sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang kinh tế xanh không chỉ đơn thuần là vấn đề kỹ thuật hay tài chính, mà còn đòi hỏi sự thay đổi sâu sắc trong thể chế, chính sách, hành vi và các chuẩn mực xã hội. Trong đó,

khi đề cập đến kinh tế xanh, có ba đặc điểm cốt lõi không thể thiếu gắn liền với bản chất của thuật ngữ này, đó là phát thải carbon thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm công bằng, hòa nhập xã hội.

Kinh tế xanh là nền kinh tế phát thải carbon thấp

Đặc trưng cơ bản của kinh tế xanh là hướng đến việc giảm thiểu tối đa lượng phát thải khí nhà kính (GHG), đặc biệt là khí carbon dioxide (CO₂) vốn là nguyên nhân chủ yếu gây ra biến đổi khí hậu toàn cầu. Nền kinh tế phát thải carbon thấp không chỉ đơn thuần là giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất và tiêu dùng, mà còn bao gồm việc chuyển đổi sang các mô hình phát triển bền vững dựa trên năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và cơ chế định giá carbon. Theo UNEP, việc xây dựng một nền kinh tế xanh đòi hỏi các quốc gia đầu tư vào những lĩnh vực giúp giảm thiểu đáng kể rủi ro môi trường và sự khan hiếm sinh thái¹¹, trong đó trọng tâm là giảm phát thải carbon trong mọi hoạt động kinh tế. Ở cấp độ chính sách, mô hình kinh tế phát thải thấp thường được gắn với việc áp dụng các công cụ kinh tế như thuế carbon, hệ thống giao dịch tín chỉ carbon, hoặc ưu đãi đầu tư cho năng lượng sạch. Đặc điểm này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn, khi các ngành kinh tế xanh trở thành động lực đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

⁷ OECD. (2011). Towards Green Growth. Paris: OECD Publishing, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2011/05/towards-green-growth_g1g1342a/9789264111318-en.pdf, ngày 06/11/2025.

⁸ World Bank. (2012). Inclusive Green Growth: The Pathway to Sustainable Development, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/368361468313515918/pdf/691250PUB0Publ067902B09780821395516.pdf>, ngày 06/11/2025.

⁹ Green Economy Coalition. (2012). The Green Economy Pocketbook - The case for action, <https://www.greeneconomycoalition.org/assets/reports/GEC-Reports/gec-2012-green-economy-pocketbook.pdf>, ngày 06/11/2025.

¹⁰ Loiseau et al. (2016). Green economy and related concepts: An overview. Journal of Cleaner Production Volume 139, tr. 361 – 371, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2016.08.024>, ngày 06/11/2025.

¹¹ UNEP. (2011), *Idid*.

Kinh tế xanh sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo tồn vốn tự nhiên

Một trong những đặc trưng cốt lõi của kinh tế xanh là hướng đến việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm và tái tạo các nguồn tài nguyên thiên nhiên nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững lâu dài. Trong mô hình kinh tế truyền thống, tăng trưởng thường dựa trên khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến suy thoái môi trường và cạn kiệt các nguồn lực thiết yếu. Ngược lại, kinh tế xanh đặt trọng tâm vào việc “tách rời” tăng trưởng kinh tế khỏi việc tiêu thụ tài nguyên, nghĩa là đạt được sự tăng trưởng về GDP mà không làm gia tăng tương ứng lượng tài nguyên sử dụng hay gây áp lực lên hệ sinh thái. Bên cạnh đó, việc bảo tồn vốn tự nhiên không chỉ mang ý nghĩa môi trường mà còn có giá trị kinh tế, bởi tài nguyên thiên nhiên chính là nền tảng cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Việc duy trì hệ sinh thái khỏe mạnh chính là nền tảng giúp giảm chi phí đầu vào, tăng khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc môi trường và bảo đảm an ninh sinh thái dài hạn. Do đó, hiệu quả sử dụng tài nguyên không chỉ là mục tiêu môi trường mà còn là chiến lược phát triển kinh tế bền vững.

Kinh tế xanh bảo đảm tính công bằng và hòa nhập xã hội

Một đặc trưng quan trọng khác của kinh tế xanh đó là hướng đến sự phát triển toàn diện, trong đó lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội được phân bổ công bằng giữa các tầng lớp dân cư. Kinh tế xanh không chỉ nhằm giảm phát thải carbon và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên mà còn

hướng đến nâng cao phúc lợi cho con người, tạo cơ hội việc làm và giảm thiểu bất bình đẳng xã hội. Ở góc độ chính sách, việc bảo đảm công bằng xã hội trong kinh tế xanh được thể hiện qua các biện pháp như chuyển đổi công bằng trong quá trình thay đổi mô hình sản xuất; hỗ trợ người lao động trong các ngành chịu tác động của quá trình “xanh hóa” nền kinh tế; mở rộng tiếp cận các dịch vụ cơ bản như năng lượng sạch, nước, y tế và giáo dục; bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương trước các rủi ro môi trường. Tóm lại, quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh chỉ có thể thành công nếu các chính sách bảo đảm được tính bao trùm lên các tầng lớp xã hội và giảm thiểu tác động bất lợi đối với người nghèo và nhóm yếu thế¹².

Xu thế chuyển đổi sang kinh tế xanh trên phạm vi toàn cầu

Trước hết, quá trình chuyển đổi sang kinh tế xanh đã trở thành một xu hướng tất yếu và cấp bách trên phạm vi toàn thế giới, được thúc đẩy bởi sự kết hợp của nhiều yếu tố chính trị, kinh tế và môi trường. Thế giới hiện nay đang ở một giai đoạn nhạy cảm, khi các cuộc khủng hoảng đan xen, từ xung đột vũ trang, khủng hoảng nhân đạo, biến đổi khí hậu đến mất đa dạng sinh học và bất bình đẳng gia tăng, từ đó tạo ra áp lực mạnh mẽ buộc các quốc gia phải chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng xanh hơn và công bằng hơn¹³. Thêm vào đó, Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu đã tạo ra khuôn khổ pháp lý quốc tế quan trọng cho quá trình chuyển đổi này. Tính đến năm 2024, 195

trong số 198 bên tham gia Công ước Khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đã trở thành bên tham gia Hiệp định Paris, với các cam kết cắt giảm phát thải và hợp tác ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu¹⁴. Hơn nữa, cho đến tháng 10/2024, khoảng 145 quốc gia đã công bố hoặc đang xem xét các mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (net zero), bao gồm Trung Quốc, EU và Ấn Độ, đại diện cho 88% tổng phát thải khí nhà kính toàn cầu¹⁵.

Trong quá trình này, Trung Quốc đã khẳng định vị thế dẫn đầu toàn cầu trong chuyển đổi năng lượng xanh với mức đầu tư 818 tỷ USD vào năm 2024, hơn gấp đôi bất kỳ nền kinh tế khác trên thế giới. Cụ thể, Trung Quốc đóng góp 134 tỷ USD trong tổng số 202 tỷ USD tăng trưởng đầu tư toàn cầu năm 2024, đại diện cho hai phần ba sự tăng trưởng của thế giới¹⁶. Khi chuẩn hóa theo quy mô nền kinh tế, đầu tư của Trung Quốc tương đương 4,5% GDP - tỷ lệ cao hơn nhiều so với EU-27 (2,0%) và Hoa Kỳ (1,2%). Động lực thúc đẩy đầu tư của Trung Quốc không chỉ đến từ chính sách khí hậu mà còn từ mục tiêu giảm phụ thuộc vào nhập khẩu dầu khí và khẳng định vị thế lãnh đạo trong các lĩnh vực công nghệ mới.

Bên cạnh đó, Hoa Kỳ đã ban hành Đạo luật Giảm lạm phát (Inflation Reduction Act - IRA) vào năm 2022, được coi là nỗ lực lớn nhất trong lịch sử quốc gia này để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu với sứ mệnh giảm 40% phát thải khí nhà kính vào năm 2030 so với năm 2005. Ngoại trừ Trung Quốc, IRA có giá trị khoảng 0,5% GDP của Hoa Kỳ,

¹² OECD. (2011), *ltd.*

¹³ Green Economy Coalition. (2024). The status of the transition to green & fair economies: 2024, https://www.greenecoalition.org/assets/reports/GEC-Reports/GEC_Status_of_Transition_Green_Fair_Economies_2024_FINAL.pdf, ngày 06/11/2025.

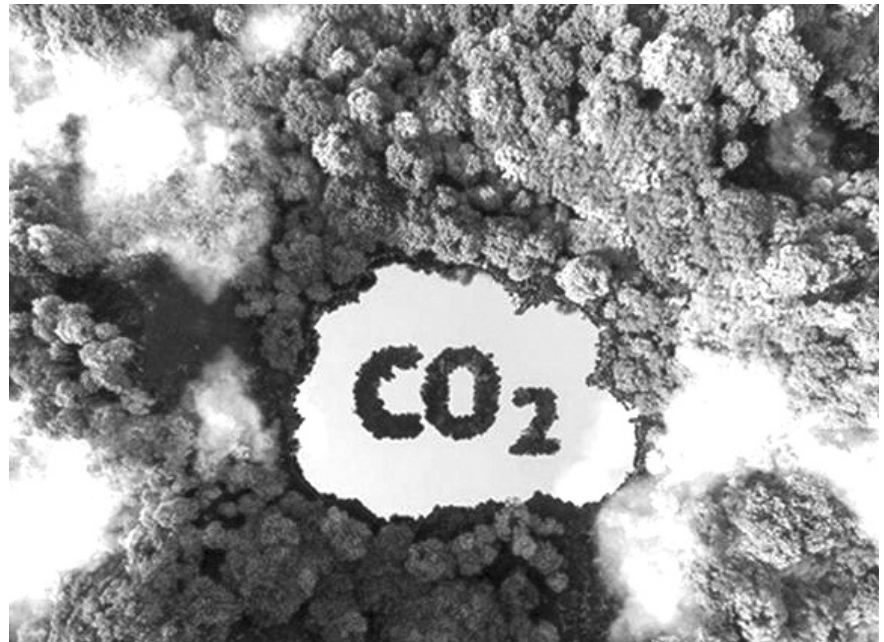
¹⁴ Xem thêm tại <https://unfccc.int/process/the-paris-agreement/status-of-ratification>.

¹⁵ Xem thêm tại <https://climateactiontracker.org/global/cat-net-zero-target-evaluations/>.

¹⁶ Xem thêm tại https://assets.bbhub.io/professional/sites/24/951623_BNEF-Energy-Transition-Trends-2025-Abridged.pdf.

có thể là nguồn tài trợ lớn nhất so với các quốc gia khác trên toàn thế giới. Đồng thời, đầu tư năng lượng tái tạo của Hoa Kỳ đã tăng 60% trong năm 2023 và đạt con số 92,9 tỷ USD và đảo ngược sự suy giảm của năm trước. Tương tự, Thỏa thuận Xanh của EU (EU Green Deal) nhằm mục tiêu biến EU trở thành khu vực trung hòa khí hậu đầu tiên vào năm 2050, đã được triển khai mặc cho bối cảnh đại dịch và khủng hoảng năng lượng gia tăng. Theo đó, Ủy ban châu Âu cam kết huy động ít nhất 1.000 tỷ euro đầu tư bền vững trong thập kỷ này cho các lĩnh vực từ nông nghiệp đến tài chính, từ đổi mới đến giao thông. Mức đầu tư năng lượng tái tạo của châu Âu cũng cho thấy sự phát triển mạnh mẽ khi tăng 42,9% trong năm 2023 lên 134,4 tỷ USD¹⁷.

Đối với phần còn lại của thế giới, ngày càng nhiều quốc gia không chỉ nắm bắt cơ hội từ năng lượng xanh mà còn hình thành các cách tiếp cận kinh tế vĩ mô riêng đối với khí hậu, tự nhiên và chuyển đổi công bằng. Rwanda và Campuchia là những quốc gia mới nhất tham gia Chương trình Hành động của Liên hợp quốc vì nền kinh tế xanh (PAGE) để phát triển chiến lược kinh tế xanh của riêng mình. Tương tự, Việt Nam, Ethiopia, Colombia, Peru và Indonesia đều đã phát triển các kế hoạch kinh tế xanh quốc gia. Tuy nhiên, nhiều nền kinh tế mới nổi và đang phát triển cũng phải đối mặt với những thách thức riêng biệt trong việc tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo, bao gồm bất ổn chính trị, bất ổn kinh tế vĩ mô (liên quan đến lạm phát và tỷ giá hối đoái), vấn đề chính sách và quy định, điểm yếu thể chế và sự thiếu minh bạch. Từ đó, các chi phí tài trợ danh nghĩa



Hình minh họa.

cho kinh tế xanh có thể cao gấp bảy lần ở các nước mới nổi và đang phát triển so với các nước phát triển như Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu.

Nhìn chung, xu hướng chuyển đổi sang kinh tế xanh trên phạm vi toàn cầu đang diễn ra với quy mô và tốc độ chưa từng có, được thúc đẩy bởi sự kết hợp của các cam kết khí hậu quốc tế, chính sách công nghiệp chiến lược và sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ xanh. Với đầu tư toàn cầu vượt 2 nghìn tỷ USD vào năm 2024 và hơn 145 quốc gia cam kết đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0, nền kinh tế xanh đã chuyển từ một tầm nhìn xa vời thành một thực tế đang hình thành. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này vẫn chưa đồng đều giữa các khu vực, với những khoảng cách lớn về đầu tư, công nghệ và năng lực thể chế giữa các nước phát triển và đang phát triển. Thách thức lớn nhất không chỉ là tăng quy mô đầu tư mà còn là bảo đảm tính công bằng, toàn diện và bền vững của quá

trình chuyển đổi, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị gia tăng và nhu cầu cấp bách về các loại khoáng sản là nguyên liệu cho hoạt động sản xuất của kinh tế xanh.

Định hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam

Việt Nam đã đặt ra mục tiêu đầy tham vọng trong định hướng phát triển kinh tế xanh. Tại Hội nghị COP26 năm 2021, Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050, bao gồm ba khí nhà kính chính là CO₂, CH₄ và N₂O. Để đạt được mục tiêu này, đặc biệt trong bối cảnh là một trong năm quốc gia chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu, Việt Nam đã từng bước xây dựng hệ thống pháp lý tương đối toàn diện để đưa ra định hướng phát triển kinh tế xanh. Trụ cột lớn nhất trong hệ thống này chính là Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được ban hành theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021, khẳng định tăng

¹⁷ Xem thêm tại <https://www.ren21.net/gsr-2024/>.

trường xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, giảm thiểu các tổn thương của con người trước biến đổi khí hậu, hình thành xã hội văn minh, hiện đại, hòa mình với thiên nhiên và môi trường. Tiếp theo đó, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 được ban hành theo Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 nhằm cụ thể hóa chiến lược thành 18 chủ đề, 57 nhóm nhiệm vụ và 134 hoạt động cụ thể. Cùng với đó, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 và Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 đã tạo nên bộ khung chính sách đồng bộ định hướng quá trình chuyển đổi xanh.

Chiến lược phát triển kinh tế xanh của Việt Nam xác định bốn nhóm lĩnh vực thiết yếu cần ưu tiên đầu tư và phát triển.

Thứ nhất, phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió và điện mặt trời. Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII điều chỉnh), được phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025, Việt Nam đặt mục tiêu tỷ lệ năng lượng tái tạo (không tính thủy điện) trong cơ cấu nguồn điện đạt khoảng 28-36% vào năm 2030 và định hướng đến năm 2050 tỷ lệ này lên đến 74-75%, thể hiện sự phát triển mạnh mẽ trong việc chuyển dịch sang mô hình phát triển kinh tế xanh và phát thải thấp.

Thứ hai, phát triển hệ sinh thái hydro sạch dựa trên năng lượng tái tạo để phục vụ công nghiệp, giao thông vận tải và làm nguồn điện dự phòng. Theo tính toán, nhu cầu nội địa cho khí hydro sạch sẽ đạt 25-45 triệu tấn vào năm 2050, từ đó đóng góp 40-45 tỷ USD vào GDP và tạo ra 40-50 nghìn việc làm.

Thứ ba, chuyển đổi năng lượng trong giao thông vận tải và logistics, chuyển dịch từ động cơ đốt trong sang xe điện chạy bằng pin và bằng hydro. Việc chuyển đổi hoàn toàn phương tiện đường bộ có thể mang lại 50-60 tỷ USD vào GDP, hơn 150 nghìn việc làm và giảm 200 triệu tấn CO₂ so với mức cơ sở vào năm 2050.

Thứ tư, xanh hóa các ngành công nghiệp và sản xuất thông qua áp dụng công nghệ thu giữ, sử dụng và lưu trữ carbon (CCUS), nâng cao hiệu suất sản xuất và sử dụng năng lượng bền vững¹⁸.

Để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế xanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề xuất 08 nhóm hành động ưu tiên trong khuôn khổ ngắn và trung hạn. Trong ngắn hạn (giai đoạn 2024-2025), trọng tâm là xây dựng nền móng cho tài chính xanh quốc gia thông qua hoàn thiện cơ chế pháp lý cho trái phiếu xanh, thị trường các-bon và các công cụ tài chính mới; triển khai các dự án thí điểm về hydro sạch, năng lượng tái tạo và giao thông xanh; xây dựng hệ thống đo lường, giám sát và báo cáo (MRV) về khí nhà kính; đẩy mạnh đầu tư nhà nước kết hợp hợp tác quốc tế để phát triển công nghệ mới. Trong trung và dài hạn (giai đoạn 2026-2050), định hướng tập trung vào việc liên tục cập nhật khuôn khổ luật pháp và cơ chế ưu đãi; hoàn thiện và mở rộng thị trường trái phiếu xanh và thị trường các-bon; nội

địa hóa chuỗi cung ứng xe điện và thiết bị năng lượng tái tạo; mở rộng các dự án về CCUS sang các ngành phát thải cao như thép và hóa chất; phát triển tiềm năng xuất khẩu hydro sạch và sản phẩm xanh; xây dựng Việt Nam thành trung tâm năng lượng tái tạo của khu vực. Tám nhóm hành động cụ thể bao gồm: (1) lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh vào các quy hoạch ngành, liên ngành, liên vùng và địa phương; (2) xây dựng chiến lược quốc gia và lộ trình rõ ràng cho các lĩnh vực phức tạp như hydro sạch và giao thông xanh; (3) triển khai các dự án tăng tốc chiến lược tăng trưởng xanh cấp tỉnh/thành phố; (4) hoàn thiện hệ thống phân loại xanh đồng nhất; (5) nghiên cứu và ban hành các chính sách khuyến khích hỗ trợ; (6) xây dựng các mô hình dự án thí điểm; (7) xây dựng kế hoạch huy động và quản lý nguồn lực; (8) tăng cường vai trò Ban chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh.

Có thể thấy định hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam đã được thể chế hóa thông qua hệ thống pháp lý toàn diện với các mục tiêu đầy tham vọng hướng tới Net Zero 2050. Với tiềm năng tự nhiên dồi dào về năng lượng tái tạo, vị trí địa lý thuận lợi và cam kết chính trị mạnh mẽ, Việt Nam có cơ hội lớn để chuyển đổi thành công sang nền kinh tế carbon thấp. Tuy nhiên, để hiện thực hóa các mục tiêu này, Việt Nam cần khẩn trương giải quyết các thách thức về nguồn lực tài chính, hoàn thiện thể chế và chính sách, nâng cao nhận thức và năng lực triển khai ở các cấp, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế để tiếp cận công nghệ và nguồn vốn xanh. Sự phối hợp đồng bộ giữa Chính phủ, khu vực tư

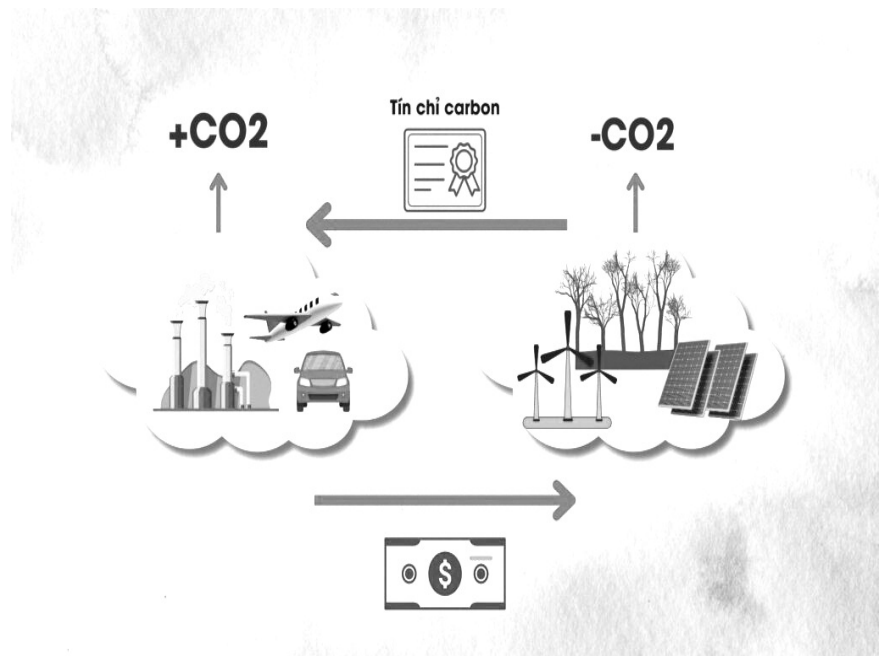
¹⁸ Boston Consulting Group, (2023), Báo cáo triển khai kết luận phiên họp toàn thể lần thứ nhất Ban chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh, [https://fileportal.cms.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-10/Bao%20cao%20TTX%20\(ban%20tom%20tat\).pdf](https://fileportal.cms.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-10/Bao%20cao%20TTX%20(ban%20tom%20tat).pdf), ngày 06/11/2025.

nhân, địa phương và cộng đồng quốc tế sẽ là yếu tố quyết định thành công của quá trình chuyển đổi xanh, góp phần đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế phát triển bền vững trong khu vực và trên thế giới.

Mối quan hệ giữa thị trường tín chỉ carbon và định hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam

Thị trường tín chỉ carbon là công cụ thúc đẩy sự phát triển của chiến lược kinh tế xanh tại Việt Nam

Nhằm hiện thực hóa chiến lược kinh tế xanh, Nhà nước đã sử dụng các công cụ nhất định nhằm điều chỉnh hành vi gây phát thải theo cơ chế thị trường. Thị trường tín chỉ carbon, với chức năng định giá các hoạt động giảm phát thải, đã trở thành cấu phần nội tại của chiến lược phát triển kinh tế xanh của Việt Nam. Theo đó, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã đưa ra định hướng chung phải “giảm cường độ phát thải khí nhà kính”, đồng thời quan điểm của Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thành lập và phát triển thị trường carbon tại Việt Nam đã thể hiện yêu cầu “phát triển thị trường carbon tại Việt Nam phù hợp với pháp luật và điều kiện thực tiễn, định hướng phát triển quốc gia, cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính mà Việt Nam tham gia và xu hướng phát triển thị trường carbon toàn cầu”. Như vậy, sự tồn tại của thị trường tín chỉ carbon vừa là điều kiện thúc đẩy kinh tế xanh khi tạo ra động lực giảm phát thải, vừa là hệ



Hình minh họa.

quả tất yếu của quá trình chuyển đổi hướng tới nền kinh tế carbon thấp. Nói cách khác, thị trường tín chỉ carbon không nằm ngoài chiến lược kinh tế xanh mà chính là biểu hiện cụ thể của chiến lược này trong lĩnh vực định giá phát thải.

Một cơ chế quan trọng của nền kinh tế xanh là sự chuyển dịch dòng vốn vào các lĩnh vực giảm phát thải, năng lượng tái tạo và sử dụng tài nguyên hiệu quả. Tín chỉ carbon, với tư cách là một loại hàng hóa tài chính, tạo ra dòng doanh thu bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ sạch, qua đó khắc phục điểm nghẽn thường thấy của kinh tế xanh là chi phí đầu tư ban đầu lớn. Ở Việt Nam, các dự án năng lượng tái tạo, trồng rừng, tái chế chất thải hoặc cải thiện quy trình vận hành có thể tạo ra nguồn cung tín chỉ carbon và đưa vào giao dịch trên thị trường nội địa hoặc quốc tế. Đồng thời, giao dịch tín chỉ carbon đã đưa ra cơ chế định giá cụ thể đối với hoạt

động phát thải khi các doanh nghiệp có lượng phát thải cao phải chi trả để mua tín chỉ bù đắp lượng phát thải của mình. Việc chuyển hóa chi phí phát thải vào các hoạt động kinh doanh từ đó làm thay đổi cấu trúc chi phí của nền kinh tế, khiến phương thức sản xuất xanh trở nên cạnh tranh hơn. Thêm vào đó, khi chi phí mua tín chỉ carbon trở nên đáng kể, doanh nghiệp buộc phải đầu tư vào công nghệ giảm phát thải để tối ưu chi phí trong dài hạn. Đối với các ngành công nghiệp của Việt Nam có xu hướng gây ô nhiễm cao như thép, xi măng, nhiệt điện hay giao thông vận tải, yêu cầu MRV khi tham gia thị trường carbon góp phần thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, hệ thống quản trị phát thải và các mô hình sản xuất tuần hoàn. Hơn nữa, một nền kinh tế xanh đòi hỏi hệ thống quản trị môi trường hiện đại, minh bạch và dựa trên cơ sở dữ liệu. Việc vận hành thị trường tín chỉ carbon theo quy định của

Nghị định 06/2022/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn buộc Việt Nam thiết lập các hệ thống MRV, sổ đăng ký carbon quốc gia, cơ chế phân bổ hạn ngạch và cơ chế giao dịch tập trung, dự kiến vận hành thí điểm từ năm 2025 và chính thức từ năm 2029. Các hệ thống này vừa phục vụ hoạt động của thị trường carbon, vừa nâng cao năng lực quản trị môi trường quốc gia vốn là yếu tố nền tảng của kinh tế xanh.

Sự phát triển của nền kinh tế xanh tạo điều kiện, định hình và thúc đẩy thị trường tín chỉ carbon

Một nền kinh tế xanh, khi mở rộng đầu tư vào năng lượng tái tạo, nông lâm nghiệp bền vững, xử lý chất thải và các mô hình tuần hoàn, sẽ tạo ra khối lượng lớn hoạt động giảm phát thải mới. Những hoạt động này là cơ sở trực tiếp cho việc cung cấp tín chỉ carbon, nghĩa là kinh tế xanh nuôi dưỡng nguồn cung của thị trường carbon. Sự phát triển của kinh tế xanh càng mạnh, càng nhiều dự án đạt điều kiện tham gia chương trình tín chỉ nội địa hoặc quốc tế, từ đó càng làm sâu sắc hơn năng lực vận hành thị trường giao dịch.

Ngoài ra, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và các cam kết Net Zero của Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu giảm phát thải cấp quốc gia. Chính những mục tiêu chiến lược này buộc Nhà nước phải xây dựng khung pháp lý đầy đủ cho thị trường carbon bao gồm phân bổ hạn ngạch, đấu giá, giao dịch nội địa, liên kết thị trường quốc tế. Như vậy, bản thân định hướng kinh tế xanh quyết định cấu trúc, cơ chế và mức độ phát triển của thị trường giao dịch carbon. Không có chiến lược xanh hóa nền kinh tế,

thị trường carbon sẽ chỉ tồn tại phân mảnh, tự phát và thiếu động lực mở rộng.

Hơn nữa, chính sách kinh tế xanh của Việt Nam, đặc biệt là cam kết Net Zero vào năm 2050 cùng định hướng phát triển năng lượng tái tạo sẽ tạo động lực thu hút dòng vốn FDI và vốn tư nhân vào các dự án giảm phát thải, vốn là nền tảng của giao dịch mua bán tín chỉ carbon. Khi các nhà đầu tư quốc tế nhìn thấy Việt Nam đưa ra các cam kết phát triển kinh tế xanh, họ tin tưởng hơn vào sự ổn định của hệ thống giao dịch mua bán tín chỉ carbon và sẵn sàng tham gia thị trường. Do vậy, kinh tế xanh không chỉ tạo ra cung - cầu đối với tín chỉ carbon, mà còn hình thành niềm tin và vốn cho thị trường carbon vận hành.

Cuối cùng, khi Việt Nam theo đuổi định hướng kinh tế xanh, Nhà nước buộc phải thiết lập hệ thống chuẩn hóa phát thải, MRV, kiểm kê khí nhà kính và phân bổ hạn ngạch phát thải cho từng ngành, lĩnh vực. Chính quá trình chuẩn hóa này tạo điều kiện vật chất và kỹ thuật cho thị trường giao dịch carbon phát triển. Nói cách khác, chính kinh tế xanh với yêu cầu định lượng hóa phát thải đã làm xuất hiện môi trường pháp lý và hệ thống dữ liệu mà giao dịch tín chỉ carbon cần để tồn tại. Từ đó, có thể khẳng định rằng không có hạ tầng xanh thì không thể hình thành nên thị trường tín chỉ carbon vận hành một cách hiệu quả.

Đánh giá về mối quan hệ giữa thị trường tín chỉ carbon và định hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam

Việc phân tích hai chiều tác động giữa thị trường tín chỉ carbon và chiến lược phát triển kinh tế xanh như đã nói ở trên cho thấy đây không phải là hai cấu phần

rời rạc, mà là hai yếu tố liên kết chặt chẽ, tạo thành một hệ thống vận động thống nhất. Ở chiều thứ nhất, thị trường tín chỉ carbon đóng vai trò như một công cụ kinh tế góp phần hiện thực hóa các trụ cột cốt lõi của chiến lược tăng trưởng xanh tại Việt Nam. Ở chiều ngược lại, chính sự phát triển của kinh tế xanh lại tạo nền tảng, điều kiện và động lực cho sự mở rộng cũng như vận hành đầy đủ của thị trường giao dịch mua bán tín chỉ carbon. Khi kinh tế xanh phát triển, thị trường tín chỉ carbon trở nên phong phú hơn; khi thị trường tín chỉ carbon vận hành hiệu quả, kinh tế xanh có thêm nguồn lực tăng trưởng. Chính vì vậy, bất kỳ đánh giá nào tách rời hai yếu tố này đều không đầy đủ và có thể dẫn đến sai lệch về mục tiêu chính sách.

Từ đó, thị trường tín chỉ carbon phải được thiết kế như một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển kinh tế xanh, chứ không phải như một thị trường tài chính độc lập. Điều này đòi hỏi khung pháp lý về thị trường tín chỉ carbon phải gắn chặt với các mục tiêu giảm phát thải, với các chỉ tiêu NDC và các định hướng quy hoạch năng lượng, nông nghiệp, giao thông, công nghiệp xanh. Đồng thời, các quy định về phân bổ hạn ngạch, đăng ký tín chỉ, giao dịch, đấu giá, liên kết thị trường phải được xây dựng trên nền tảng tư duy “kinh tế xanh quyết định cấu trúc thị trường carbon”. Ngược lại, khi thiết kế chiến lược kinh tế xanh, Nhà nước cần coi thị trường tín chỉ carbon như một công cụ điều tiết có khả năng huy động nguồn lực tư nhân, tạo ra tính bền vững cho quá trình chuyển đổi xanh.

T.N.H

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN VÌ SỰ PHÁT TRIỂN VÀ HUNG THỊNH ĐẤT NƯỚC

TS.LS NGÔ QUỐC KỲ

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng kinh tế tư nhân ở Việt Nam qua các giai đoạn và kiến nghị một số giải pháp phát triển kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên vươn mình vì sự phát triển và hưng thịnh đất nước.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam.

Abstract: This article analyzes the current status of the individual economy in Vietnam through stages and recommends some solutions to develop the individual economy in the era of rise for the development and prosperity of the country.

Keywords: Individual economy, individual economic development in Vietnam.

Thực trạng kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Nền kinh tế thị trường, do chính ngay bản chất của nó, bao giờ cũng bao hàm trong nó một nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó khu vực kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng. Về mặt lịch sử, kinh tế tư nhân ra đời, tồn tại và phát triển trước cả khi xuất hiện nhà nước và kinh tế nhà nước. Nó tạo ra đại bộ phận hàng hóa và dịch vụ cho cả xã hội, phát triển thúc đẩy và vận hành toàn bộ nền kinh tế. Thực tiễn hầu hết các nước phát triển có nền kinh tế thị trường hiện nay đã chứng minh cho nhận định đó. Hầu hết các nước này đều có những tập đoàn kinh tế tư nhân hùng hậu với quy mô gấp nhiều lần GDP của nhiều nước khác (chẳng hạn, ở Mỹ đó là các tập đoàn như Apple, Microsoft, Meta, Hathaway, JP Morgan, ExxoMobil, Walmart...; ở Trung Quốc là Alibaba, Huawei..., ở Đài Loan là Formosa, Acer, Cathay..., hay là các cheabon lớn nhất của Hàn Quốc như Samsung, Hyundai, LG, SK, Deawoo...). Mặt khác, cùng với sự ra đời và phát triển của khu vực kinh tế tư nhân thì cũng đồng thời xuất hiện hệ thống các doanh nghiệp và một tầng lớp doanh nhân ưu tú của nước đó. Đây là tầng lớp tinh hoa, hàng ngày không chỉ sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, mà còn từng bước góp phần tạo ra những giá trị tinh thần về văn hóa kinh doanh.

Ở Việt Nam, Hà Nội trước năm 1945 đã từng có những doanh nhân xuất sắc, như các ông Lương Văn Can, Bạch Thái Bưởi, Trịnh Văn Bô... Còn ở Sài Gòn thời trước 1945 thì người dân đã từng biết nhiều đến “tứ đại phú hộ” là “Nhất Sỹ, nhì Phương, tam Xường, tứ Hòa”. Đó là các ông Lê Nhất Sỹ - người được coi là giàu có hơn cả vua Bảo Đại, Đỗ Hữu Phương, Lý Tường Quan (còn gọi là Bá hộ Xường), và Hứa Bồn Hòa (còn gọi là Chí Hòa). Hay về sau này như là ông “vua ngân hàng” Nguyễn Tấn Đồi. Các ông không chỉ là các nhà tư sản dân tộc mà còn là những tấm gương tiêu biểu về tài năng kinh doanh, đạo đức kinh doanh và phụng sự đất nước. Chính ông Lương Văn Can (1854-1927), một doanh nhân tiêu biểu, lại đồng thời là người thầy đầu tiên của giới doanh nhân ở Việt Nam đã nhiều lần nhấn mạnh và khẳng định “Đạo làm giàu” với triết lý kinh doanh thực nghiệp được đúc kết gói gọn trong ba chữ: Tâm - Đạo - Đức. Ông Bạch Thái Bưởi - vua tàu thủy, một trong 4 người được xếp vào danh sách những doanh nhân giàu nhất miền Bắc ở thế kỷ XX, cũng được xem là doanh nhân đầu tiên áp dụng và đề cao tinh thần dân tộc theo phương châm “Người Việt dùng hàng người Việt” (“Người ta thì đi tàu ta”). Ông Trịnh Văn Bô, nhà tư sản yêu nước là người đã giúp đỡ rất nhiều nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong thời kỳ cách mạng còn trứng nước, sau tháng

8/1945, gia đình ông từng ủng hộ Chính phủ hơn 5.000 cây vàng trong “Tuần lễ vàng”...

Kinh tế tư nhân đóng vai trò to lớn trong sự phát triển đất nước, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội theo thời gian. Thống kê cho thấy ở Việt Nam hiện nay có khoảng 900 nghìn doanh nghiệp đăng ký hoạt động (bao gồm cả tiểu thương, hộ gia đình), với khoảng 7 triệu doanh nhân. Kinh tế tư nhân hiện đang đóng góp gần 45% GDP cả nước, khoảng 30% thu ngân sách nhà nước, hơn 40% vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội, tạo ra công ăn việc làm cho 85% số lao động cả nước; chiếm 35% tổng kim ngạch nhập khẩu và 25% tổng kim ngạch xuất khẩu. Riêng năm 2023, vốn đầu tư của dân cư và tư nhân đạt 1,92 triệu tỷ đồng, tăng 2,7% so với năm 2022, chiếm 56% vốn đầu tư toàn xã hội. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư 550 nghìn tỷ đồng, tăng 5,4% so với cùng kỳ, chiếm 16%. Đồng thời, trong năm 2023 có 159.294 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, có số vốn đăng ký 1.521.259 tỷ đồng, cùng với 58.412 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Trái lại, đã có 65.480 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và 89.060 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động có thời hạn, chỉ ra môi trường kinh doanh hiện đang chứa nhiều thách thức lẫn cơ hội. Những con số nói trên đã cho thấy vai trò của kinh tế tư nhân góp

phần quan trọng vào việc giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội. Kinh tế tư nhân đã tham gia vào việc phân phối các nguồn lực một cách có hiệu quả nhất, chủ động thích ứng với những điều kiện và hoàn cảnh luôn thay đổi. Mặt khác, kinh tế tư nhân phát triển, đến lượt nó lại thúc đẩy doanh nghiệp mới, góp phần giải quyết công ăn việc làm và sử dụng được nhiều lao động tại chỗ. Thực tiễn hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân mấy chục năm qua đã đạt được những kết quả đáng kể. Đã bước đầu xuất hiện một tầng lớp doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân tầm cỡ quốc gia, trong khu vực và quốc tế hoạt động trong một số lĩnh vực đặc thù (bất động sản, nông nghiệp, thủy sản...). Đó là lực lượng quan trọng, huy động được các nguồn lực xã hội vào sản xuất kinh doanh, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đóng góp đáng kể vào GDP qua từng năm, từng bước tham gia vào liên doanh liên kết quốc tế. Thực tế cũng cho thấy, khu vực kinh tế tư nhân có chỉ số quay vòng vốn tương đối ổn định, có hiệu suất sử dụng vòng quay vốn hiệu quả hơn khu vực kinh tế nhà nước.

Những tồn tại, hạn chế

Điều đầu tiên dễ nhận thấy, đó là năng lực nội tại của kinh tế tư nhân còn thấp (về kỹ năng, trình độ sản xuất, công nghệ, năng lực quản trị...), dẫn đến năng suất lao động chưa cao. Mặt khác, việc tiếp cận vốn tín dụng (cả tín dụng ngân hàng và tín dụng nhà nước) còn nhiều khó khăn, một phần do pháp luật liên quan còn nhiều bất cập, thủ tục hành chính còn rườm rà, nhiều rào cản để xúc tiến kinh doanh; một phần do các doanh nghiệp không đáp ứng được các điều kiện cho vay của ngân hàng; báo cáo tài chính thiếu minh bạch; tình hình tài chính còn yếu kém nên việc đầu tư vào máy móc công nghệ còn hạn chế; các yếu tố thể

chế chính sách còn nhiều trở ngại; các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh (như đầu tư, đất đai, đấu thầu...) còn nhiều bất cập; khả năng tiếp cận và sử dụng nguồn lực đất đai còn hạn chế (như việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, thu hồi đất...). Còn khá nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện, xuất hiện các biến tướng của giấy phép con (chẳng hạn, cho đến năm 2017 vẫn có đến 3.500 điều kiện kinh doanh tương ứng với 243 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện). Chi phí cho hoạt động sản xuất còn cao, làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp... Bên cạnh đó, còn nhiều hoạt động cạnh tranh không lành mạnh, kinh doanh trái pháp luật, vi phạm pháp luật, trốn thuế, phá hoại môi trường do chạy theo lợi nhuận quá mức... cũng đang làm cho bức tranh về khu vực kinh tế tư nhân cần phải được chấn chỉnh kịp thời.

Kể từ khi thực hiện đường lối Đổi mới (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, coi kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế. Chiến lược đó ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân và là một trong những động lực to lớn để phát triển kinh tế của đất nước. Quan điểm nhất quán đó ngày càng được khẳng định qua các kỳ đại hội Đảng, qua việc ban hành các chính sách về kinh tế, đặc biệt là nó được thể chế hóa bằng pháp luật, thông qua việc ban hành các bộ luật, luật và các văn bản dưới luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho kinh tế tư nhân phát triển. Khởi đầu là Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990, Luật Công ty năm 1990. Tiếp theo là các Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sau đó hợp nhất là Luật Đầu tư), Luật Đất đai, Luật Phá sản, Luật Đấu thầu, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Bảo hiểm, Luật

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... Các văn bản nói trên đã tạo thành hệ thống quy định pháp luật, đóng vai trò quan trọng góp phần tạo nên những thành tựu đáng kể vào sự phát triển kinh tế của đất nước trong những năm qua. Cùng với Cương lĩnh xây dựng đất nước, các chủ trương, chính sách của Đảng qua từng giai đoạn, hệ thống các văn bản pháp luật đang trở thành công cụ hiệu quả nhất điều chỉnh hoạt động của kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, để tiếp tục phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, để kinh tế tư nhân thực sự ngày càng đóng vai trò to lớn, là trụ cột của nền kinh tế, cần có những chuyển biến tích cực căn bản trên mọi bình diện, mọi góc độ của đời sống xã hội, nhằm tạo ra một giải pháp tổng thể, một chiến lược phát triển mới vì sự hưng thịnh của đất nước. Kinh tế tư nhân là một bộ phận tiêu biểu của kinh tế thị trường, có khả năng vận hành một cách tương thích nhất với các quy luật của kinh tế thị trường, vì nó lấy lợi ích làm động lực và mục tiêu hoạt động.

Một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Phát triển kinh tế tư nhân là một yêu cầu có tính quy luật khách quan trong nền kinh tế thị trường. Coi kinh tế tư nhân phát triển nghĩa là kinh tế Việt Nam phát triển. Do đó, trên cơ sở nhận thức vai trò và tầm quan trọng của nó, cần có những giải pháp để kinh tế tư nhân phát triển, phát huy được những mặt tích cực, hạn chế và ngăn ngừa được những mặt tiêu cực, nhược điểm, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trước hết, cần có sự chuyển biến mạnh mẽ toàn diện và thay đổi hoàn toàn của xã hội và nhận thức chung của cả hệ thống chính trị, tâm lý xã hội đối với vai trò và động lực của kinh tế tư nhân. Tiếp tục làm rõ mối quan hệ giữa kinh

tế tư nhân và kinh tế nhà nước. Xác lập vai trò kinh tế tư nhân trong mối liên hệ biện chứng với vai trò của kinh tế nhà nước trong phát triển kinh tế và làm hưng thịnh đất nước. Trên cơ sở đó, có chiến lược cho kinh tế tư nhân phát triển ổn định và lâu dài. Gắn quá trình phát triển kinh tế tư nhân với quá trình chuyển dịch và chuyển đổi nền kinh tế.

Tiếp tục hoàn thiện các thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, trong đó thể chế sở hữu là một trong những vấn đề cốt lõi.

Hoàn thiện chiến lược phát triển tổng thể và bảo đảm đồng bộ các yếu tố của thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường, bao gồm thị trường vốn (thị trường tài chính và thị trường tiền tệ), thị trường đất đai, thị trường công nghệ, thị trường lao động... cả ở các tầm ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Hoàn thiện và đồng bộ hóa hệ thống pháp luật về kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và quyền cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật đối với mọi thành phần kinh tế trong xã hội. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp tồn tại và phát triển lành mạnh. Tạo dư địa không gian sinh tồn, phát triển và sáng tạo cho các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương đặt ra yêu cầu về một luật chơi chung, cũng đồng thời buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải có “lưng vốn” về tài chính, công nghệ, tiềm lực và năng lực kinh doanh.

Tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận các nguồn lực phát triển: vốn, đất đai, lao động, công nghệ, các dự án đầu tư công... Có cơ chế bảo đảm để chống lại “lợi ích nhóm” - bắt đầu từ việc xây dựng luật, chống lại mọi biểu hiện của “chủ nghĩa thân hữu” trong kinh doanh.

Sớm cụ thể hóa các quy định sửa đổi của Luật Đất đai (đặc biệt là quy định về đền bù, thu hồi, bồi

thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất...). Bên cạnh việc hoàn thiện thông tin thu thuế điện tử, cần giảm chi phí cho doanh nghiệp về thuế và phí.

Cải cách mang tính đột phá mạnh mẽ các thủ tục hành chính theo phương châm 3 giảm (giảm thời gian, giảm chi phí, giảm giấy tờ), tháo gỡ những thủ tục gây phiền hà cho doanh nghiệp. Mạnh dạn xóa bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, những can thiệp và rào cản hành chính gây lãng phí lớn về thời gian và tiền bạc của doanh nghiệp theo triết lý “Ngày càng ít chính phủ hơn trong kinh doanh và ngày càng nhiều kinh doanh hơn trong chính phủ” (như lời của Tổng thống thứ 29 của Hoa Kỳ Warren G. Harding - trước khi trở thành Tổng thống, ông cũng đã từng là một tỷ phú, một doanh nhân xuất sắc).

Trên cơ sở ưu tiên cho những nhu cầu ngắn hạn của doanh nghiệp (về đất đai, khả năng tiếp cận tín dụng, cải cách hành chính), cần lưu ý đến những vấn đề trung hạn (chính sách tài khóa, chính sách vĩ mô ổn định, lãi suất, tỷ giá...) và cả những chương trình dài hạn (về kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, công nghệ, khả năng tiếp cận và hội nhập quốc tế...).

Có chính sách khuyến khích và đẩy mạnh việc khởi nghiệp các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở địa phương. Gắn chặt giữa hoạt động của đầu tư nước ngoài với phát triển kinh tế tư nhân ở địa phương. Trên cơ sở đó, thiết lập chuỗi cung ứng và liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ trên địa bàn và mở rộng thị trường.

Nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp. Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp theo các tiêu chí và tiêu thức quản trị hiện đại, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Tạo lập và tăng cường vai trò của các hiệp hội ngành nghề. Coi trọng tiếng nói của các hiệp hội

ngành nghề trong việc xây dựng và ban hành các chính sách của nhà nước về đầu tư.

Cuối cùng, tạo hành trang về các giá trị văn hóa kinh doanh cho doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và đạo làm giàu cho doanh nghiệp vì sự phát triển và phồn vinh đất nước, gắn các mục tiêu làm giàu của doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng, đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nhân với cộng đồng, dân tộc. Xây dựng khát vọng làm giàu của mỗi doanh nghiệp hướng tới sự thịnh vượng của quốc gia.

Kết luận

Thế giới hiện đang có những biến động dữ dội về chính trị và kinh tế, cũng như đang có những động thái chuyển động trái chiều, vừa hội nhập liên kết mạnh mẽ (EU, BRIC), lại vừa chia tách (brent). Cùng với những diễn biến trên, các dòng vốn lớn cũng đang chuyển dịch để ứng phó với những rủi ro về địa - chính trị. Theo quy luật lợi nhuận và khả năng tiếp nhận vốn. Thực tế này cũng đặt ra những yêu cầu mới không chỉ về chính sách vĩ mô chiến lược quốc gia mà còn cả ở tầm vi mô từng doanh nghiệp. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cũng đang tạo ra nhiều không gian kinh tế mới và sản phẩm mới với những cơ hội và thách thức khổng lồ, tác động to lớn đến chuỗi sản xuất và cung ứng truyền thống. Trong cuộc chiến mới này, sự phát triển thành công hay thất bại тут hậu không chỉ là câu chuyện của từng quốc gia, mà nó còn là sự thách thức của từng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện pháp luật về kinh tế tư nhân đóng vai trò to lớn trong công cuộc tạo lập một không gian rộng lớn, thông thoáng và an toàn vì sự phát triển và hưng thịnh đất nước.

N.Q.K

TỪ BỎ QUYỀN YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI BƯỚC CHUYỂN CHÍNH SÁCH TRONG NGHỊ ĐỊNH SỐ 328/2025/NĐ-CP DƯỚI GÓC NHÌN SO SÁNH QUỐC TẾ

NHÓM TÁC GIẢ*

Tóm tắt: Nghị định số 328/2025/NĐ-CP về Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (Nghị định 328) ghi nhận cơ chế cho phép các bên thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu tòa án hủy phán quyết trọng tài. Bài viết phân tích cơ sở chính trị - pháp lý, nội dung và các điều kiện để thỏa thuận từ bỏ có hiệu lực theo Nghị định 328; đồng thời đặt quy định này trong so sánh với hai mô hình tiêu biểu trong thông lệ quốc tế là Pháp và Thụy Sĩ. Qua đó, thảo luận các giá trị chính sách mà cơ chế này nhắm tới và những điểm cần theo dõi khi áp dụng, trọng tâm là cách tòa án xác định phạm vi và hiệu lực của thỏa thuận từ bỏ, cũng như ranh giới giữa tính chung thẩm của trọng tài và yêu cầu bảo vệ lợi ích công cộng.

Từ khóa: Trọng tài quốc tế, tính chung thẩm, hủy phán quyết trọng tài, từ bỏ quyền yêu cầu hủy.

Abstract: Decree No.328/2025/ND-CP on the International Arbitration Center under the International Financial Center in Vietnam (Decree 328) recognizes the mechanism allowing parties to agree to waive the right to request the court to cancel the arbitration award. The article analyzes the political-legal basis, content and conditions for the waiver agreement to take effect under Decree 328; At the same time, compare this regulation with two typical models in international practice, France and Switzerland. Thereby, discuss the policy values that this mechanism aims at and the points that need to be followed when applying, focusing on how the court determines the scope and validity of the waiver agreement, as well as the boundary between the finality of arbitration and the requirement to protect public interests.

Keywords: International arbitration, finality, cancellation of arbitration award, waiver of right to request cancellation.

Đặt vấn đề

Nghị định 328 được ban hành để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, trong đó có việc thành lập và hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế. Quy định về “từ bỏ quyền yêu cầu hủy” cho thấy định hướng chính sách ưu tiên tính chung thẩm của trọng tài và mở rộng không gian tự do thỏa thuận của các bên trong trọng tài quốc tế.

Tính chung thẩm của phán quyết trọng tài là một lý do quan trọng khiến trọng tài thường được các chủ thể kinh doanh lựa chọn khi giải quyết tranh chấp, đồng thời cũng là một đặc điểm nổi bật của trọng tài quốc tế. Dù

vậy, trong đa số hệ thống pháp luật, phán quyết trọng tài vẫn chịu sự kiểm soát nhất định của tòa án, điển hình thông qua thủ tục hủy phán quyết tại tòa án nơi đặt trụ sở (seat) của trọng tài. Về bản chất pháp lý, cơ chế này phản ánh sự cân bằng giữa hai giá trị: tôn trọng tính chung thẩm của trọng tài và bảo đảm phán quyết không vi phạm các chuẩn mực tối thiểu của trật tự pháp lý, đặc biệt là các nguyên tắc tố tụng cơ bản.

Trong thực tiễn quốc tế, nhiều hệ thống pháp luật đã cho phép các bên thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài (waiver of the right to set aside), đặc biệt trong trọng tài quốc tế. Cơ chế này nhằm hạn chế nguy cơ kéo dài tranh chấp do thủ tục

hủy, đồng thời gia tăng sức hấp dẫn của địa điểm trọng tài (seat) trong cạnh tranh giữa các trung tâm trọng tài và trung tâm tài chính quốc tế; xu hướng này đang được ghi nhận ngày càng rõ trong thực tiễn lập pháp và xét xử ở một số quốc gia.

Tại Việt Nam, Nghị định 328 thiết lập cơ chế nêu trên trong khuôn khổ hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế. Đây là một thiết kế mới trong khuôn khổ thể chế này, không chỉ mang ý nghĩa điều chỉnh kỹ thuật của pháp luật trọng tài mà còn phản ánh một lựa chọn chính sách trong bối cảnh Việt Nam định hướng xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế có năng lực cạnh tranh ở khu vực và quốc tế.

* TS Lê Hồng Phúc (Đại học Phenikaa); ThS.LS Lê Quang Y (Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai); ThS.LS Nguyễn Thị Bình (Công ty luật Tresler LLP - Hoa Kỳ); Phạm Hoàng Lâm (Công ty Luật TNHH Chí Minh); Phạm Thị Mai Anh (Đại học Phenikaa).



Ban Chỉ đạo về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban. Ảnh: VGP

Về phương diện học thuật, cơ chế từ bỏ quyền yêu cầu hủy đã được thảo luận tương đối phong phú trong văn liệu trọng tài quốc tế, chủ yếu xoay quanh mối quan hệ giữa tính chung thẩm (finality) và kiểm soát tư pháp (judicial control), cũng như giới hạn của trật tự công (public policy). Tuy nhiên, tại Việt Nam, vấn đề này đến nay hầu như chưa được phân tích như một lựa chọn chính sách lập pháp cụ thể gắn với thiết kế thể chế mới và hồ sơ giải trình của cơ quan soạn thảo. Khoảng trống đó khiến thảo luận dễ dừng ở mô tả quy phạm hoặc tranh luận nguyên tắc, thiếu gắn kết với kỹ thuật lập pháp và điều kiện vận hành của hệ thống tòa án.

Trên cơ sở đó, bài viết đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu: Nghị định 328 lựa chọn mô hình nào trong các mô hình tiếp cận phổ biến về từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán

quyết theo thông lệ quốc tế; thiết kế các điều kiện để thỏa thuận từ bỏ có hiệu lực theo Nghị định 328 phản ánh mức độ ưu tiên nào cho tính chung thẩm của trọng tài; những yếu tố nào có thể trở thành điểm nghẽn trong thực tiễn áp dụng nếu thiếu chuẩn giải thích thống nhất của tòa án?

Luận điểm trung tâm của bài viết là: hiệu lực thực tế của cơ chế “từ bỏ quyền yêu cầu hủy” không chỉ nằm ở việc Nghị định 328 ghi nhận quyền thỏa thuận, mà còn phụ thuộc đáng kể vào cách tòa án xác định phạm vi thỏa thuận từ bỏ và ranh giới giữa tính chung thẩm của phán quyết trọng tài với yêu cầu bảo vệ lợi ích công cộng.

Các mô hình tiếp cận quốc tế về từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết

Từ góc độ so sánh với thông lệ trọng tài quốc tế, có thể khái quát ba mô hình tiếp cận chủ yếu

đối với việc từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Mô hình cho phép từ bỏ theo hướng rộng

Theo mô hình này, trong trọng tài quốc tế, pháp luật cho phép các bên thỏa thuận từ bỏ thủ tục yêu cầu tòa án tại nơi đặt trụ sở của trọng tài hủy phán quyết. Cách tiếp cận này nhấn mạnh quyền tự do thỏa thuận và tính chung thẩm của trọng tài, theo hướng giảm thiểu sự can thiệp của tòa án ở giai đoạn hậu phán quyết. Pháp được xem là ví dụ tiêu biểu. Theo pháp luật của Pháp, các bên trong trọng tài quốc tế có thể, bằng một thỏa thuận minh thị, từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết; trong trường hợp đó, việc kiểm soát của tòa án được thực hiện thông qua thủ tục xem xét quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết trên các căn cứ hạn chế theo luật định.

Mô hình hạn chế hoặc không cho phép từ bỏ

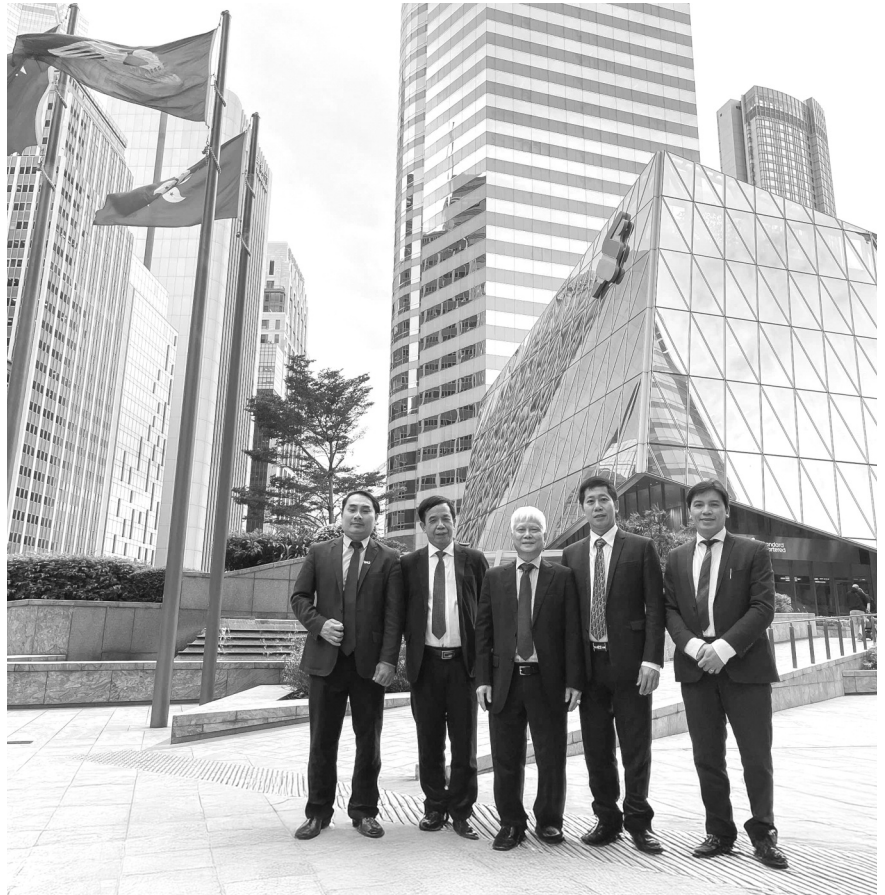
Ở chiều ngược lại, một số hệ thống pháp luật tiếp cận quyền yêu cầu hủy như một cơ chế kiểm soát tối thiểu nhằm bảo đảm tính chính danh của trọng tài và sự phù hợp của phán quyết với các chuẩn mực nền tảng của trật tự pháp lý quốc gia. Theo cách tiếp cận này, thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu hủy, đặc biệt nếu được xác lập từ trước khi có phán quyết, có thể không được thừa nhận hoặc bị giới hạn đáng kể, do quyền yêu cầu hủy gắn liền với các nguyên tắc tổ tụng cơ bản và yêu cầu bảo vệ trật tự công theo pháp luật của quốc gia đó.

Mô hình lai: cho phép từ bỏ kèm cơ chế an toàn

Giữa hai thái cực trên là mô hình lai, theo đó pháp luật cho phép các bên từ bỏ quyền yêu cầu hủy nhưng đặt ra các điều kiện chặt chẽ về phạm vi áp dụng, hình thức và hiệu lực của thỏa thuận, đồng thời duy trì các “van an toàn” đối với những vi phạm nghiêm trọng. Về mặt chuẩn tắc, mô hình này thường được xem là điểm cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ tính chung thẩm của trọng tài và việc duy trì tính chính danh của phán quyết trong trật tự pháp lý quốc gia. Thụy Sĩ thường được xem là ví dụ điển hình cho mô hình này, khi pháp luật cho phép loại trừ hoặc giới hạn thủ tục hủy trong những điều kiện nhất định, đồng thời bảo lưu các cơ chế kiểm soát đối với những vi phạm nghiêm trọng không thể bị từ bỏ.

Cơ chế từ bỏ quyền yêu cầu hủy theo Nghị định 328

Nghị định 328 được ban hành trên cơ sở Nghị quyết của Quốc hội về xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế, với mục tiêu thiết



Đoàn công tác VIAC do GS. TS. Lê Hồng Hạnh - Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) làm trưởng đoàn tại Hồng Kông, Trung Quốc.

kế cơ chế giải quyết tranh chấp có khả năng đáp ứng nhu cầu của các giao dịch tài chính - đầu tư xuyên biên giới. Trong logic đó, cơ chế từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài được định vị như một công cụ nhằm tăng cường tính chung thẩm và mức độ dự đoán trước của trọng tài, qua đó nâng cao sức cạnh tranh của địa điểm trọng tài tại Việt Nam.

Theo Nghị định 328, thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải đáp ứng các nhóm điều kiện sau:

(i) Về hình thức, thỏa thuận từ bỏ phải được lập bằng văn bản và đáp ứng yêu cầu về hình thức của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật về trọng tài thương mại.

(ii) Về hiệu lực, thỏa thuận từ bỏ không thuộc các trường hợp vô hiệu theo pháp luật trọng tài. Việc gắn cơ chế từ bỏ với kiểm soát hiệu lực của thỏa thuận giúp hạn chế nguy cơ lạm dụng, ép buộc hoặc thiếu minh bạch trong quá trình xác lập.

(iii) Về thời điểm, thỏa thuận từ bỏ phải được xác lập trước khi một bên nộp đơn yêu cầu tòa án hủy phán quyết trọng tài. Điều kiện này nhằm ngăn chặn việc “hợp thức hóa” thỏa thuận sau khi thủ tục hủy đã được khởi động, hoặc khi các bên đã nhận thấy rủi ro bất lợi từ phán quyết.

Từ các điều kiện nêu trên có thể thấy, Nghị định 328 không lựa chọn mô hình cho phép từ bỏ theo hướng tuyệt đối, mà tiếp cận theo mô hình lai. Việt Nam

ưu tiên tăng cường tính chung thẩm của trọng tài, đồng thời duy trì các cơ chế an toàn nhằm bảo vệ tính tự nguyện của thỏa thuận và các lợi ích công cộng.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy hiệu lực thực tế của cơ chế từ bỏ quyền yêu cầu hủy không chỉ phụ thuộc vào việc cơ chế này được ghi nhận trong văn bản, mà còn phụ thuộc đáng kể vào chuẩn giải thích ổn định của cơ quan tư pháp. Nếu tòa án áp dụng tiêu chuẩn đánh giá hiệu lực thỏa thuận từ bỏ một cách nhất quán và tránh mở rộng các ngoại lệ liên quan đến lợi ích công cộng ngoài phạm vi thực sự cần thiết, cơ chế này có thể góp phần củng cố mức độ dự đoán trước và niềm tin thị trường. Ngược lại, nếu tiêu chuẩn áp dụng thiếu nhất quán hoặc ngoại lệ bị diễn giải quá rộng, hiệu quả của cơ chế có thể bị suy giảm trong thực tiễn.

Trước hết, cách tòa án đánh giá hiệu lực của thỏa thuận từ bỏ sẽ quyết định mức độ vận hành của cơ chế này. Nếu các căn cứ vô hiệu bị diễn giải theo hướng quá rộng, thỏa thuận từ bỏ dễ bị vô hiệu hóa và cơ chế được thiết kế sẽ mất đi ý nghĩa khuyến khích. Ngược lại, nếu việc xem xét chỉ dừng ở tính hình thức, rủi ro bất công trong tố tụng trọng tài hoặc xâm hại tính tự nguyện trong việc xác lập thỏa thuận có thể gia tăng.

Tiếp theo, cần đặc biệt lưu ý ranh giới giữa tính chung thẩm của trọng tài và yêu cầu bảo vệ lợi ích công cộng. Việc duy trì một ngoại lệ liên quan đến lợi ích công cộng là cần thiết để bảo đảm tính chính danh của cơ chế trọng tài; tuy nhiên, nếu ngoại lệ này được áp dụng theo cách quá rộng hoặc thiếu tiêu chí rõ ràng, mục tiêu tăng cường tính chung

thẩm và mức độ dự đoán trước mà Nghị định 328 hướng tới sẽ khó đạt được trong thực tiễn.

Cuối cùng, để tăng tính dự đoán trước, việc chuẩn hóa điều khoản từ bỏ trong hợp đồng và xây dựng các hướng dẫn thực tiễn (chẳng hạn về thời điểm, ngôn ngữ và phạm vi của điều khoản) là yếu tố quan trọng. Những công cụ này có thể góp phần giảm tranh chấp về hiệu lực thỏa thuận từ bỏ và củng cố niềm tin của các bên khi lựa chọn trọng tài tại Trung tâm tài chính quốc tế ở Việt Nam. Các vấn đề này cho thấy nhu cầu theo dõi sát thực tiễn áp dụng và tham chiếu kinh nghiệm quốc tế trong quá trình hoàn thiện cơ chế từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Nghị định 328.

Nghị định 328 ghi nhận cơ chế cho phép các bên thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài trong khuôn khổ Trung tâm tài chính quốc tế, qua đó phản ánh một

lựa chọn chính sách đáng chú ý trong pháp luật trọng tài Việt Nam. Dưới góc nhìn so sánh với thông lệ trọng tài quốc tế, Nghị định 328 thể hiện cách tiếp cận theo mô hình lai: tăng cường tính chung thẩm và sức hấp dẫn của địa điểm trọng tài tại Việt Nam, đồng thời duy trì các điều kiện và cơ chế an toàn nhằm bảo vệ lợi ích công cộng và tính chính danh của phán quyết.

Tuy nhiên, cơ chế này chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được vận hành trên cơ sở một chuẩn giải thích tư pháp ổn định và nhất quán, đặc biệt trong việc xác định hiệu lực của thỏa thuận từ bỏ và phạm vi áp dụng các ngoại lệ liên quan đến lợi ích công cộng. Vì vậy, việc theo dõi và tổng kết thực tiễn áp dụng, đồng thời từng bước hình thành định hướng giải thích phù hợp, là yêu cầu cần thiết để bảo đảm mục tiêu chính sách mà Nghị định 328 hướng tới trong bối cảnh hội nhập pháp lý quốc tế.

N.T.G

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, *Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam*, Hà Nội, 2025.
2. Bộ Tư pháp, *Tờ trình dự thảo Nghị định về Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế*, Hà Nội, 2025.
3. Born, G., *International Commercial Arbitration*, Kluwer Law International, The Hague, 2021.
4. Born, G.B., *International Commercial Arbitration (Third Edition)*, Kluwer Law International B.V., Alphen aan den Rijn, 2020.
5. Blackaby, N.; Partasides, C.; Redfern, A., *Redfern and Hunter on International Arbitration (Seventh Edition)*, Oxford University Press, Oxford, 2022.
6. Gaillard, E., *Legal Theory of International Arbitration*, Martinus Nijhoff, Leiden, 2010.
7. Kaufmann-Kohler, G.; Rigozzi, A., "Correction and interpretation of awards in international arbitrations held in Switzerland: note on a recent decision of the Swiss Supreme Court (ATF 126 III 524)", *Jusletter*, 19 March 2001.
8. Kaufmann-Kohler, G., "Annulment of ICSID Awards in Contract and Treaty Arbitrations: Are There Differences?", in *Annulment of ICSID Awards (International Arbitration Institute series / conference volume)*, 2004 (bài chuyên về annulment theo ICSID).
9. Kaufmann-Kohler, G.; Potestà, M., *Investor-State Dispute Settlement and National Courts: Current Framework and Reform Options*, Springer, 2020.

PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ HÀNH VI PHẠM TỘI LIÊN QUAN ĐẾN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

NHÓM TÁC GIẢ*

Tóm tắt: Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo đã kéo theo sự xuất hiện của nhiều phương thức phạm tội mới mang tính phi truyền thống, ngày càng tinh vi, phức tạp và khó dự liệu. Trong bối cảnh các hệ thống trí tuệ nhân tạo vận hành với mức độ tự chủ ngày càng cao, hệ thống pháp luật hình sự hiện hành đang đứng trước yêu cầu phải được rà soát và thích ứng nhằm bảo đảm khả năng xử lý các hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Bài viết làm rõ định nghĩa và đặc điểm của các hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ nhân tạo, phân tích kinh nghiệm lập pháp của Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và Trung Quốc trong việc xử lý các hành vi này. Từ đó gợi mở định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, tội phạm mạng, pháp luật hình sự.

Abstract: The explosion of artificial intelligence has led to the emergence of many new, non-traditional crime methods that are increasingly sophisticated, complex and difficult to predict. In the context of artificial intelligence systems operating with increasing levels of autonomy, the current criminal law system is facing the need to be reviewed and adapted to ensure the ability to handle crimes related to artificial intelligence. The article clarifies the definition and characteristics of criminal acts related to artificial intelligence, analyzing the legislative experience of the European Union, the United States and China in handling these acts. From there, it suggests a direction for perfecting Vietnam's criminal law, contributing to improving the effectiveness of crime prevention and protection of human rights in the digital era.

Keywords: Artificial intelligence, cybercrime, criminal law.

Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (TTNT) không chỉ làm xuất hiện các hành vi phạm tội mới gắn liền với công nghệ mà còn làm biến đổi phương thức thực hiện các tội phạm truyền thống theo hướng tinh vi, khó phát hiện hơn. Vì thế, khung pháp luật hình sự hiện hành đã dần bộc lộ những hạn chế căn bản vốn chỉ tập trung vào trách nhiệm của con người.

Ở cấp độ quốc tế, Công ước Budapest năm 2001 về tội phạm mạng, cùng với các điều ước quốc tế và khuôn khổ hợp tác của Liên hợp quốc trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm công nghệ cao tiêu biểu là Công ước

Hà Nội đã đặt nền tảng pháp lý cho hợp tác và xử lý các hành vi phạm tội phát sinh trong môi trường số, bao gồm cả các hành vi liên quan đến TTNT. Ở bình diện quốc gia, việc Việt Nam thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã từng bước hình thành khung pháp lý toàn diện khi kết hợp giữa bảo đảm an toàn, thúc đẩy phát triển và tạo cơ sở cho việc xử lý các hành vi phạm tội liên quan đến TTNT.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành vẫn thiếu các quy định cụ thể để xử lý làm dẫn đến nguy cơ bỏ lọt tội phạm hoặc áp dụng không thống nhất. Việc tham khảo và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp quốc tế là yêu cầu mang tính tất yếu.

Hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ nhân tạo

Thuật ngữ “trí tuệ nhân tạo” được xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1956 tại Hội nghị Dartmouth do nhà khoa học máy tính người Mỹ John McCarthy đề xuất, đánh dấu cho sự ra đời của một lĩnh vực nghiên cứu mới. TTNT là một lĩnh vực liên ngành gồm triết học, tâm lý học, khoa học thần kinh, toán học, điều khiển học, khoa học máy tính, ngôn ngữ học và kinh tế¹, do đó các khái niệm về TTNT được hình thành và diễn giải khác nhau tùy theo góc độ tiếp cận của các học giả và tổ chức.

Tại Việt Nam, định nghĩa chính thức về TTNT được ghi nhận trong Luật TTNT tại khoản

* Đoàn Thị Thu Hiền, Trịnh Khánh Ngọc, Hoàng Hữu Phú (Trường Đại học Luật Hà Nội).

¹ Stuart Russell, Peter Norvig (2010), *Artificial Intelligence: A Modern Approach*, Pearson, tr. 5-16.

1 Điều 3: “Trí tuệ nhân tạo được hiểu là việc thực hiện bằng phương tiện điện tử các năng lực trí tuệ của con người, bao gồm học tập, suy luận, nhận thức, phán đoán và hiểu ngôn ngữ tự nhiên.” Mặc dù còn tồn tại nhiều quan niệm, song điểm chung cốt lõi đều nhấn mạnh rằng TTNT là khả năng của hệ thống nhân tạo trong việc mô phỏng và tái tạo những năng lực tư duy vốn được coi là đặc trưng của con người.

Sự phát triển nhanh chóng TTNT đã làm thay đổi cách con người sản xuất, giao tiếp và ra quyết định, đồng thời cũng tạo ra một công cụ mới cho các hành vi vi phạm pháp luật. Nó không chỉ là công cụ trung lập mà có thể tham gia vào quá trình hình thành, thực hiện hoặc khuếch đại hậu quả của hành vi phạm tội.

Các học giả cũng đã cảnh báo về xu hướng “vũ khí hóa” của TTNT: TTNT hiện được sử dụng để tăng cường năng lực của tội phạm mạng, trong đó kẻ xấu có thể dùng các chương trình học máy để thực hiện lừa đảo, gian lận tài chính, xâm nhập hệ thống, giả mạo giọng nói và hình ảnh của người thân nhằm chiếm đoạt tài sản². Việc sử dụng TTNT vào mục đích phạm tội đang tái cấu trúc bức tranh đe dọa đến sự an toàn của xã hội theo ba chiều hướng: (i) khuếch đại các hành vi phạm tội truyền thống bằng khả năng tự động hóa quy mô lớn; (ii) tạo ra các phương thức tấn công hoàn toàn mới, như điều khiển bầy drone tự hành hoặc sản xuất nội dung giả mạo có mức độ thuyết phục cao; (iii) làm mờ ranh giới giữa tội phạm mạng và tội phạm ngoài đời thực, khi hành vi nguy

hiểm có thể bắt đầu từ môi trường số nhưng gây hậu quả vật lý trực tiếp³.

Có thể thấy, sự tham gia của TTNT đã làm thay đổi cách cấu thành của hành vi phạm tội. Nếu trước đây tội phạm được xác định dựa trên ý chí và hành vi của con người thì hiện nay quá trình phạm tội có thể diễn ra trong sự tương tác giữa con người và hệ thống tự động. Trong một số trường hợp, hành vi phạm tội được thực hiện hoàn toàn bởi con người có chủ đích, TTNT chỉ là công cụ; mặt khác, TTNT trở thành yếu tố trung gian làm thay đổi mức độ nguy hiểm của hành vi hoặc tạo ra hậu quả ngoài ý muốn bởi khả năng tự động ra quyết định của chúng.

Trong phạm vi tiếp cận của bài viết, có thể hiểu rằng hành vi phạm tội liên quan đến TTNT là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, trong đó hệ thống TTNT có sự tham gia, tác động hoặc ảnh hưởng đáng kể trong quá trình hình thành, thực hiện hoặc gây ra hậu quả của tội phạm. Đây là cách tiếp cận trung lập, không mặc nhiên coi TTNT là chủ thể của tội phạm, nhưng ghi nhận vai trò thực tế của nó trong cấu trúc hành vi phạm tội hiện đại, qua đó cho phép luật hình sự nghiên cứu và xử lý các hiện tượng mới mà không làm phá vỡ nguyên tắc truyền thống về chủ thể có năng lực TNHS.

Hành vi phạm tội có yếu tố TTNT mang một số đặc điểm cơ bản⁴: chủ thể tham gia đa dạng, không chỉ bao gồm người trực tiếp sử dụng mà còn có thể liên quan đến người thiết kế, lập trình, cung cấp dữ liệu hoặc vận hành hệ thống TTNT; phương

thức thực hiện tinh vi và khó kiểm soát do TTNT có khả năng hoạt động tự động, học hỏi và thay đổi cách thức thực hiện hành vi; việc xác định lỗi và quan hệ nhân quả gặp nhiều khó khăn bởi ranh giới giữa lỗi của con người và lỗi phát sinh từ hệ thống TTNT không rõ ràng; hậu quả thường lan rộng, có tính xuyên biên giới do TTNT vận hành trong môi trường số toàn cầu.

Xét theo vai trò của TTNT trong hành vi, có thể chia các hành vi phạm tội liên quan đến TTNT thành ba nhóm chính: các hành vi xâm phạm trực tiếp vào hệ thống TTNT như tấn công, chiếm quyền điều khiển hoặc làm sai lệch dữ liệu và mô hình huấn luyện; các hành vi sử dụng TTNT như công cụ để thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; các hành vi phát sinh từ sai sót trong thiết kế, quản lý hoặc vận hành hệ thống TTNT, mang tính vô ý nhưng gây hậu quả nghiêm trọng⁵.

Như vậy, hành vi phạm tội liên quan đến TTNT không tạo ra một loại tội phạm hoàn toàn mới, mà phản ánh sự biến đổi của các hình thức phạm tội truyền thống dưới tác động của công nghệ thông minh. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu đối với pháp luật hình sự trong việc mở rộng phạm vi nghiên cứu các yếu tố của cấu thành tội phạm nhằm thích ứng với bối cảnh tự động hóa, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa khuyến khích đổi mới công nghệ và phòng ngừa, xử lý tội phạm. Trên cơ sở nhận diện các đặc điểm nêu trên, việc khảo cứu kinh nghiệm lập pháp và thực tiễn xử lý của một số quốc

² Jeong D. (2020), *AI security threat, crime, and forensics: Taxonomy and open issues*, IEEE Access, số 8, tr. 184562.

³ Brundage, M. et al. (2018), *The Malicious Use of Artificial Intelligence: Forecasting, Prevention, and Mitigation*, University of Oxford, tr. 3-10.

⁴ Shuhong Zhao (2024), *Principle of Criminal Imputation for Negligence Crime Involving Artificial Intelligence, Artificial Intelligence and the Rule of Law*, Springer Nature Singapore Pte Ltd, tr. 6-8.

⁵ Shuhong Zhao, *ltdđ*, tr. 4-6.

gia đi trước có ý nghĩa quan trọng nhằm rút ra bài học cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hình sự đối với hành vi liên quan đến TTNT.

Kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về xử lý hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ nhân tạo

Liên minh châu Âu (EU)

EU được coi là khu vực tiên phong trong việc hình thành khung pháp lý toàn diện nhằm quản lý và định hướng sự phát triển của TTNT. Sự phát triển nhanh chóng của TTNT với mức độ tự chủ ngày càng cao đã tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời làm bộc lộ những hạn chế của cách tiếp cận đến khung hình sự truyền thống.

Trong bối cảnh đó, EU đã ban hành Đạo luật AI 2024 nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý thống nhất để quản lý hệ thống TTNT. Khác với mô hình điều chỉnh phân tán theo từng lĩnh vực, Đạo luật AI lựa chọn cách tiếp cận theo chiều ngang khi áp dụng các nguyên tắc chung như minh bạch, trách nhiệm, công bằng và an toàn đối với mọi hệ thống TTNT. Song song với Đạo luật AI, EU ban hành một số văn bản khác như Đạo luật Dịch vụ kỹ thuật số (DSA) và Chỉ thị NIS2 nhằm tăng cường quản lý nội dung bất hợp pháp và bảo đảm an ninh mạng⁶. Dù các văn bản này không hình sự hóa các hành vi mới nhưng góp phần hỗ trợ phát hiện, ngăn chặn và xử lý

các hành vi phạm tội liên quan đến TTNT trong môi trường số. Ngoài ra, EU đang có xu hướng từng bước bổ sung các quy định nhằm xử lý các hành vi lạm dụng TTNT có mức độ nguy hiểm cao. Năm 2025, Nghị viện châu Âu đã thông qua nghị quyết đề xuất hình sự hóa việc tạo lập, tàng trữ và phát tán nội dung lạm dụng trẻ em do TTNT tạo ra tương đương với các hành vi truyền thống⁷.

Trên cơ sở định hướng chung của khối Liên minh, các quốc gia thành viên đã chủ động sửa đổi luật quốc gia của mình. Tại Đức, Bộ luật Hình sự của quốc gia này được sửa đổi, bổ sung năm 2024 về tội danh liên quan đến hành vi phát tán hình ảnh hoặc video deepfake xâm phạm quyền nhân thân với mức hình phạt tăng nặng khi nội dung mang tính riêng tư đặc biệt nhạy cảm⁸. Ngoài ra, tại Ý ban hành Luật số 132/2025 về TTNT dựa trên quy định của Đạo luật AI của EU. Theo đó, Đạo luật đã bổ sung các điều khoản cụ thể trong Bộ luật Hình sự nhằm xử lý hành vi phát tán trái phép nội dung mô phỏng bằng TTNT gây thiệt hại cho nạn nhân, đồng thời coi việc thực hiện hành vi phạm tội có sự trợ giúp của TTNT là tình tiết tăng nặng⁹.

Nhìn chung, mặc dù EU chưa ban hành chưa ban hành một đạo luật hình sự thống nhất trong toàn khối nhằm xử lý riêng biệt các hành vi phạm tội liên quan đến TTNT, song cách tiếp cận đa tầng của EU và các quốc gia thành viên cho thấy sự chủ động và kịp thời trong việc điều chỉnh chính sách hình sự theo xu thế phát triển chung của thế giới.

Việc điều chỉnh trước hết tập trung vào các hành vi có nguy cơ xâm phạm nghiêm trọng đến quyền con người, đặc biệt là các hành vi liên quan đến hình ảnh nhạy cảm, xâm hại tình dục đối với các đối tượng chủ yếu là trẻ em và phụ nữ. Thông qua đó, các quy định hình sự từng bước được hoàn thiện theo định hướng thu hẹp khoảng trống pháp lý và tăng cường bảo vệ các nhóm yếu thế trong bối cảnh TTNT ngày càng phổ biến và có nguy cơ cao bị lạm dụng để thực hiện các mục đích phạm pháp.

Hoa Kỳ

Là một trong những quốc gia đi đầu trong phát triển TTNT, Hoa Kỳ cũng sớm đối mặt với những thách thức pháp lý do công nghệ này đặt ra. Tuy nhiên, thay vì ban hành một đạo luật thống nhất về TTNT như Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ hiện điều chỉnh công nghệ này dựa vào mô hình phân tán, theo từng lĩnh vực và từng cơ quan: mỗi cơ quan liên bang chịu trách nhiệm ban hành quy định, hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của mình¹⁰. Song song với đó, Nhà Trắng ban hành sắc lệnh hành pháp và các công cụ chính sách mềm nhằm định hướng phát triển TTNT an toàn và đáng tin cậy, điển hình là Khung quản lý rủi ro AI của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ quốc gia Mỹ. Cách tiếp cận này cho phép Hoa Kỳ duy trì tốc độ đổi mới công nghệ và ưu thế cạnh tranh, đồng thời điều chỉnh TTNT theo từng ngành và từng rủi ro cụ thể, thay vì áp dụng một khuôn khổ pháp lý cứng nhắc ngay từ đầu.

⁶ European Commission (2022), NIS2 Directive: Securing Network and Information Systems, <https://digital-strategy.ec.europa.eu/en/policies/nis2-directive>, European Commission (2022), The Digital Services Act, <https://digital-strategy.ec.europa.eu/en/policies/digital-services-act>, ngày 20/11/2025

⁷ Rob Harkavy (2023), EU moves to criminalise AI-generated CSAM, Global Legal Insights, <https://www.globallegalinsights.com/news/eu-moves-to-criminalise-ai-generated-csam/>, ngày 05/12/2025.

⁸ Strafgesetzbuch (StGB) - Bộ luật Hình sự Đức, Điều 210b.

⁹ Nghị định Hoàng gia số 1398 ngày 19/10/1930, Bộ luật Hình sự Ý, Điều 61 khoản 11-decies.

¹⁰ Tatevik Davtyan (2024), *The U.S. Approach to AI Regulation: Federal Laws, Policies, and Strategies Explained*, SSRN Journal, tr. 2-3.

Trên nền tảng cách tiếp cận đó, pháp luật Hoa Kỳ cũng được vận dụng theo hướng thích ứng, ưu tiên khai thác và mở rộng các quy phạm hiện hành để xử lý các hành vi phạm tội liên quan đến TTNT. Hiện nay, Hoa Kỳ coi TTNT là công cụ hỗ trợ, không phải là chủ thể pháp lý độc lập. Do đó, trách nhiệm hình sự vẫn được quy về con người hoặc pháp nhân có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến hậu quả, tùy theo mức độ kiểm soát, giám sát hoặc lỗi trong quá trình thiết kế, triển khai và sử dụng hệ thống. Cơ quan công tố chỉ có thể truy cứu trách nhiệm hình sự nếu chứng minh được mối liên hệ giữa hành vi của con người và kết quả mà hệ thống TTNT gây ra, đặc biệt trong những trường hợp lỗi sơ suất, cẩu thả hoặc thiếu giám sát¹¹.

Các hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ nhân tạo tại Hoa Kỳ hiện chủ yếu được xử lý trên cơ sở các đạo luật hình sự hiện hành, trong đó trọng tâm là Đạo luật Chống gian lận và lạm dụng máy tính năm 1986 (CFAA), áp dụng đối với các hành vi sử dụng phần mềm, thuật toán hoặc mô hình TTNT để truy cập trái phép, phá hoại, chiếm đoạt dữ liệu hoặc kiểm soát hệ thống thông tin¹². Án lệ *Van Buren v. United States* (2021) đã làm rõ phạm vi áp dụng của CFAA khi giới hạn khái niệm “truy cập trái phép” ở hành vi xâm nhập vào khu vực dữ liệu không được cấp quyền, thay vì chỉ sử dụng dữ liệu sai

mục đích¹³. Bên cạnh đó, Đạo luật Bảo vệ thông tin điện tử (ECPA) cùng các quy định về gian lận điện tử và đánh cắp danh tính tiếp tục được vận dụng để xử lý các hành vi lạm dụng TTNT nhằm thu thập dữ liệu trái phép, tạo nội dung giả mạo, lừa đảo hoặc chiếm đoạt tài sản¹⁴.

Về chính sách hình sự, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ (DOJ) khẳng định nguyên tắc cốt lõi là truy cứu trách nhiệm đối với con người đứng sau hệ thống TTNT, không coi TTNT là chủ thể pháp lý độc lập. Việc lạm dụng TTNT để thực hiện hành vi phạm tội có thể được xem là tình tiết tăng nặng, tương tự việc sử dụng phương tiện nguy hiểm khác, và trong trường hợp pháp luật hiện hành chưa đáp ứng thực tiễn, DOJ sẵn sàng đề xuất sửa đổi nhằm bảo đảm hiệu lực răn đe¹⁵.

Đồng thời, Hoa Kỳ bổ sung quy phạm chuyên biệt một cách có chọn lọc, thể hiện qua Đạo luật “Take It Down” năm 2025 - văn bản đầu tiên hình sự hóa hành vi phát tán hoặc chia sẻ hình ảnh riêng tư không được sự đồng ý của nạn nhân, bao gồm cả hình ảnh được tạo bằng công nghệ TTNT, nhằm bảo vệ quyền riêng tư và phẩm giá cá nhân.

Song song với khuôn khổ pháp luật ở cấp liên bang, một số bang tại Hoa Kỳ đã chủ động sửa đổi và bổ sung các quy định hình sự nhằm ứng phó với rủi ro do TTNT gây ra, đặc biệt liên quan đến deepfake, gian lận và xâm phạm quyền riêng tư.

California là bang đi đầu khi ban hành nhiều đạo luật hình sự hóa hành vi tạo lập và phát tán nội dung khiêu dâm deepfake không có sự đồng ý, mở rộng luật chống khiêu dâm trẻ em để bao gồm cả nội dung do TTNT tạo ra, cũng như bảo vệ hình ảnh và giọng nói của cá nhân, kể cả nghệ sĩ đã qua đời, khỏi việc sao chép trái phép bằng TTNT¹⁶. Đối với những lĩnh vực có mức độ nguy hiểm xã hội đặc biệt nghiêm trọng như tài liệu lạm dụng tình dục trẻ em (CSAM) do trí tuệ nhân tạo tạo ra, các tiểu bang Hoa Kỳ thể hiện sự đồng thuận cao trong chính sách hình sự khi tính đến năm 2025 đã có 45 tiểu bang hình sự hóa hành vi này, bất kể sự khác biệt trong cách tiếp cận đối với các vấn đề TTNT khác¹⁷.

Nhìn chung, kinh nghiệm Hoa Kỳ thể hiện cách tiếp cận mở, linh hoạt và dựa trên rủi ro, duy trì nguyên tắc nền tảng của luật hình sự rằng TTNT chỉ là công cụ hỗ trợ, còn trách nhiệm pháp lý thuộc về con người và pháp nhân có hành vi tạo lập, vận hành hoặc sử dụng công nghệ vì mục đích bất hợp pháp. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời tránh xu hướng hình sự hóa quá mức trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh.

Trung Quốc

Hiện nay, Trung Quốc chưa ban hành một đạo luật chuyên biệt để điều chỉnh toàn diện về

¹¹ Alice Giannini (2022), United States report on traditional criminal law categories and AI, Association Internationale de Droit Pénal, tr. 31-33, <https://www.penal.org/sites/default/files/files/A-01-24.pdf>, ngày 22/11/2025.

¹² Federal Bureau of Investigation (2024), *Criminals Use Generative Artificial Intelligence to Facilitate Fraud, Internet Crime Complaint Center*, <https://www.ic3.gov/PSA/2024/PSA241203>, ngày 22/11/2025.

¹³ Van Buren v. United States, 141 S. Ct. 1648, 1652 (2021).

¹⁴ National Security Law Firm (2023), *Cyber Harassment Laws and AI-Generated Images Like Deepfakes*, <https://www.nationalsecuritylawfirm.com/cyber-harassment-laws-and-ai-generated-images-like-deepfakes/>, ngày 22/11/2025.

¹⁵ Sidley Austin LLP (2024), *U.S. Department of Justice Signals Tougher Enforcement Against Artificial Intelligence Crimes*, <https://www.sidley.com/en/insights/newsupdates/2024/02/us-department-of-justice-signals-tougher-enforcement-against-artificial-intelligence-crimes>, ngày 15/10/2025.

¹⁶ Jeewon K. Serrato et al. (2025), *California's AI Laws Are Here — Is Your Business Ready?*, Pillsbury Winthrop Shaw Pittman LLP, <https://www.pillsburylaw.com/en/news-and-insights/california-ai-laws.html>, ngày 05/12/2025.

¹⁷ STACK Cybersecurity (2025), *Comprehensive List of State AI Laws*, <https://stackcyber.com/posts/ai-state-laws>, ngày 05/12/2025.

TTNT. Pháp luật Trung Quốc không công nhận các hệ thống TTNT là thực thể pháp lý có khả năng chịu trách nhiệm hình sự mà chỉ công nhận TTNT như một công cụ để phạm tội như lừa đảo liên quan đến gian lận deepfake và mạo danh, lan truyền tin giả, thông tin sai lệch và thao túng xã hội. Trong giới nghiên cứu pháp lý Trung Quốc, tồn tại hai quan điểm chính về địa vị pháp lý hình sự của TTNT. Quan điểm thứ nhất cho rằng, với khả năng học hỏi và đưa ra quyết định ở mức độ cao, TTNT có thể được xem xét như một chủ thể chịu trách nhiệm hình sự trong tương lai. Ngược lại, quan điểm thứ hai hiện chiếm ưu thế cho rằng TTNT chỉ là công cụ kỹ thuật do con người tạo ra và kiểm soát, không có ý chí pháp lý độc lập, vì vậy không thể trở thành chủ thể của trách nhiệm hình sự¹⁸. Ngoài ra có quan điểm cho rằng TTNT mạnh mẽ đã có năng lực hành vi và trách nhiệm pháp lý như “con người”, có thể nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên được coi là chủ thể của tội phạm, còn TTNT yếu vẫn hoạt động theo lập trình, không có khả năng nhận thức và điều khiển nên không được coi là chủ thể của tội phạm.

Dựa trên luật hình sự hiện hành của Trung Quốc, có thể chia các hành vi phạm tội liên quan đến TTNT thành ba loại¹⁹:

Thứ nhất, nhóm hành vi điều chỉnh bằng luật hình sự hiện hành: áp dụng trực tiếp Bộ luật Hình sự qua giải thích tư pháp;

ví dụ vụ dùng TTNT nhận dạng mã hình ảnh để xâm nhập tài khoản, bán “chiều trò gian lận TTNT”, bị kết án theo Điều 285 Bộ luật Hình sự Trung Quốc về cung cấp công cụ xâm nhập hệ thống thông tin.

Thứ hai, nhóm hành vi chưa được điều chỉnh đầy đủ, bao gồm các tội phạm truyền thống nhưng phát sinh những tình huống mới do TTNT gây ra, khiến việc áp dụng Bộ luật Hình sự hiện hành gặp nhiều khó khăn. Trái ngược với các công cụ tội phạm truyền thống, chúng không chỉ là sự mở rộng của cơ thể con người mà còn là sự mở rộng trí tuệ con người, vì vậy “trí tuệ” này dẫn đến những thay đổi nhất định trong các khuôn mẫu ban đầu của hành vi con người. Ví dụ như nếu robot do con người thiết kế, sản xuất và sử dụng gây hại thì con người chịu trách nhiệm, nhưng nếu robot tự mình thực hiện hành vi phạm tội thì vấn đề quy kết trách nhiệm trở nên phức tạp. Hiện chưa có quy định rõ ràng về những vấn đề này trong luật hình sự hiện hành của Trung Quốc.

Thứ ba, hành vi phạm tội, các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định trong luật hình sự không bao gồm các hình thức hành vi mới trong kỷ nguyên TTNT và không có yếu tố cấu thành cho các dạng hành vi mới đó. Ví dụ như cánh tay giả tích hợp TTNT bị hack phá hủy, gây thương tích cho người sử dụng thì được coi là hành vi hủy hoại

tài sản nếu nó được coi là tài sản, nhưng không phản ánh đúng hậu quả. Còn nếu coi nó là một phần của cơ thể thì phải được coi đó là hành vi gây thương tích. Nói cách khác, luật hình sự hiện hành của Trung Quốc không quy định trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do thiết bị trợ giúp TTNT gây ra cho người khác.

Bên cạnh việc áp dụng Bộ luật Hình sự, Trung Quốc từng bước xây dựng khung pháp lý quản trị TTNT thông qua các văn bản chính sách và quy phạm dưới luật. Đặc biệt, Lệnh số 15/2023 về quản lý dịch vụ TTNT tạo sinh đã quy định rõ trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ TTNT đối với nội dung và hoạt động của hệ thống do mình cung cấp, bao gồm cả khả năng phát sinh trách nhiệm hình sự khi để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng²⁰.

Ngày 10/01/2023, Quy định quản lý của Trung Quốc về công nghệ tổng hợp sâu²¹ trong dịch vụ thông tin dựa trên Internet chính thức có hiệu lực²². Sau đó Trung Quốc có vụ bắt giữ đầu tiên liên quan đến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo kể từ khi quy định này có hiệu lực vào tháng 1, theo đó cảnh sát Trung Quốc bắt giữ người đàn ông có hành vi sử dụng ChatGPT để tạo tin giả về vụ tai nạn tàu hỏa nghiêm trọng sau đó đăng chúng lên mạng. Theo tìm hiểu, anh ta bị bắt giữ và điều tra với hành vi “gây rối trật tự công cộng”, đây là tội danh được quy định tại Điều 293 Bộ luật Hình sự Trung Quốc với mức án tù tối đa là 5 năm²³.

¹⁸ Yang Sen (2025), *Chủ thể chịu trách nhiệm hình sự liên quan đến tội phạm liên quan đến trí tuệ nhân tạo*, Jurisprudence, số 3, tr. 500-501.

¹⁹ Pang Dongmei & Nikolay V. Olkhovik (2022), *Criminal Liability for Actions of Artificial Intelligence: Approach of Russia and China*, Journal of Siberian Federal University. Humanities & Social Sciences, số 8, tr. 1094-1107.

²⁰ Theo Điều 9 và Điều 21 Lệnh số 15/2023 về quản lý dịch vụ TTNT tạo sinh, nhà cung cấp dịch vụ TTNT phải chịu trách nhiệm hình sự.

²¹ Tổng hợp sâu (deep synthesis): Công nghệ tạo ra thông tin trực tuyến như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video và ảnh ảo bằng cách sử dụng các thuật toán tổng hợp tạo sinh như học sâu và thực tế ảo ví dụ như deepfake; Jieyang Government Official Website, http://www.jieyang.gov.cn/jyga/zsk/wl/content/post_743479.html, ngày 05/12/2025.

²² Quy định này được ba cơ quan quản lý trung ương - Cục Quản lý không gian mạng Trung Quốc (CAC), Bộ Công nghiệp và công nghệ thông tin (MIIT) và Bộ Công an (MPS) cùng ban hành vào ngày 25/11/2022.

²³ Huê Nguyễn (theo CNN) (2023), *Bị bắt vì dùng ChatGPT bịa chuyện*, <https://vnexpress.net/bi-bat-vi-dung-chatgpt-bia-chuyen-4603277.html>, ngày 07/12/2025.



Hình minh họa.

Tháng 9/2023 tại Trung Quốc, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an nước này đã cùng ban hành thông báo mang tên “Ý kiến hướng dẫn về việc xử phạt tội phạm bạo lực mạng theo pháp luật”. Theo Ý kiến hướng dẫn này, việc sử dụng các kỹ thuật TTNT tạo sinh, chẳng hạn như “tổng hợp sâu”, để công bố thông tin bất hợp pháp được coi là tội phạm bạo lực mạng và người phạm tội sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Văn bản hướng dẫn nhấn mạnh rằng hành vi xúc phạm, phỉ báng trên mạng sẽ bị truy tố theo Điều 246 khoản 2 Bộ luật Hình sự Trung Quốc nếu gây nguy hại nghiêm trọng đến trật tự xã hội, việc đánh giá căn cứ vào đối tượng, động cơ, cách thức thực hiện, phạm vi lan truyền và hậu quả. Đồng thời, những người phạm tội bạo lực trên mạng trong trường hợp sử dụng công nghệ TTNT tạo sinh để công bố thông tin bất hợp pháp sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc hơn theo luật.

Tóm lại, kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy cách tiếp

cận dựa trên pháp luật hiện hành, không mở rộng chủ thể chịu trách nhiệm hình sự sang TTNT, đồng thời từng bước hoàn thiện cơ chế pháp lý để xác định trách nhiệm của con người và tổ chức liên quan đến TTNT. Đây là cơ sở tham khảo quan trọng cho Việt Nam trong quá trình nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ nhân tạo.

Gợi mở cho Việt Nam hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý các hành vi phạm tội liên quan đến trí tuệ nhân tạo

Thứ nhất, cần cụ thể hóa cơ chế phân định trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi bị cấm liên quan đến trí tuệ nhân tạo

Mặc dù các luật chuyên ngành như Luật Trí tuệ nhân tạo và Luật An ninh mạng đã xác định tương đối rộng các hành vi có tính nguy hiểm cần kiểm soát và bị cấm, nhưng chủ yếu mới dừng lại ở việc liệt kê hành vi và dẫn chiếu chung đến các cơ chế trách nhiệm pháp lý khác nhau. Pháp luật hiện hành vẫn chưa

làm rõ khi nào hành vi vi phạm các nghĩa vụ quản lý TTNT chỉ bị xử phạt hành chính, khi nào đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, cũng như cách thức vận dụng các nghĩa vụ này đối với từng tội danh cụ thể trong Bộ luật Hình sự. Việc thiếu các hướng dẫn áp dụng pháp luật mang tính cụ thể có thể dẫn đến áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và làm giảm hiệu quả xử lý, phòng ngừa tội phạm. Do đó, cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, như nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hoặc thông tư liên tịch giữa các cơ quan có thẩm quyền, nhằm làm rõ tiêu chí phân định giữa xử lý hành chính và trách nhiệm hình sự, cũng như cơ chế vận dụng các nghĩa vụ quản lý TTNT trong việc xác định tội danh, lỗi và trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự.

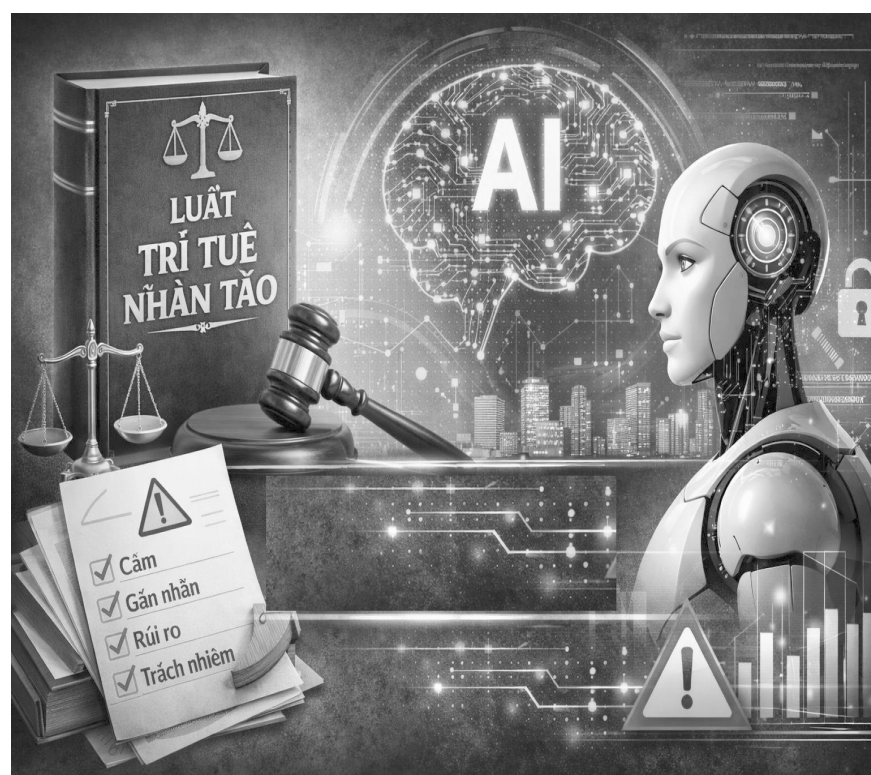
Thứ hai, cần điều chỉnh chính sách và hoàn thiện pháp luật hình sự

Sự tham gia của hệ thống tự động vào quá trình thực hiện

hành vi làm phức tạp vấn đề xác định chủ thể, lỗi và quan hệ nhân quả, đòi hỏi hướng dẫn lập pháp rõ ràng. Theo đó, cần: (i) quy định tiêu chí xác định trách nhiệm giữa các chủ thể liên quan; (ii) mở rộng trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại khi việc thiết kế, thử nghiệm hoặc vận hành hệ thống TTNT gây hậu quả nghiêm trọng; (iii) bổ sung tình tiết “sử dụng TTNT để phạm tội” như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; (iv) cập nhật một số dấu hiệu cấu thành trong Bộ luật Hình sự như “hệ thống tự động thực hiện hành vi”, “tính xuyên quốc gia”, “thủ đoạn công nghệ cao”; (v) về lâu dài, có thể xem xét xây dựng một số tội danh độc lập đối với các hành vi đặc biệt nguy hiểm liên quan đến TTNT, như việc lạm dụng công nghệ TTNT nhằm thực hiện hành vi gian lận, thao túng thông tin, xâm phạm nghiêm trọng quyền con người hoặc lợi ích công cộng. Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng mà Việt Nam vừa ký kết cũng yêu cầu hình sự hóa hành vi sử dụng phương tiện tự động để truy cập, chiếm đoạt hoặc xử lý dữ liệu, đồng thời thiết lập trách nhiệm hình sự pháp nhân và cơ chế tăng nặng khi TTNT được sử dụng làm công cụ phạm tội. Đây là căn cứ quan trọng để Việt Nam hoàn thiện Bộ luật Hình sự theo hướng hiện đại, hội nhập và phù hợp thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao.

Thứ ba, cần tăng cường hợp tác quốc tế

Tính chất xuyên biên giới và mức độ phức tạp của công nghệ khiến các hành vi phạm tội liên quan đến TTNT không thể được giải quyết hiệu quả chỉ trong phạm vi quốc gia. Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan thực thi pháp



Hình minh họa.

luật nước ngoài và các nhà cung cấp công nghệ để chia sẻ kinh nghiệm, công cụ kỹ thuật, dữ liệu và cơ chế điều tra số. Như vậy, hợp tác quốc tế vừa là phương thức hỗ trợ xử lý tội phạm hiệu quả, vừa là điều kiện để Việt Nam xây dựng chính sách pháp luật hiện đại, tương thích xu thế toàn cầu về quản trị TTNT và an ninh mạng.

Kết luận

Qua phân tích có thể thấy, sự xuất hiện của hành vi phạm tội liên quan đến TTNT không tạo ra một loại tội phạm hoàn toàn mới nhưng đã làm biến đổi sâu sắc cấu trúc, phương thức và hậu quả của hành vi phạm tội, đặt ra thách thức trực tiếp đối với lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy cách tiếp cận hiệu quả là duy trì nguyên tắc nền tảng của luật hình sự “con người là chủ thể chịu trách

nhiệm”, đồng thời bổ sung các công cụ pháp lý phòng ngừa và điều tiết công nghệ theo mức độ rủi ro, kết hợp cơ chế tăng nặng trách nhiệm hình sự khi sử dụng TTNT để phạm tội và mở rộng trách nhiệm hình sự pháp nhân.

Từ thực tiễn quốc tế và yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam, quá trình hoàn thiện cần được thực hiện một cách chủ động và thận trọng, hướng đến cân bằng giữa thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiểm soát rủi ro, làm rõ cơ chế trách nhiệm giữa các chủ thể liên quan, cập nhật quy định phù hợp môi trường số và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế. Như vậy, việc hoàn thiện pháp luật hình sự không nhằm kìm hãm sự phát triển của TTNT, mà hướng tới bảo đảm đổi mới sáng tạo gắn với quản trị rủi ro, bảo vệ quyền con người và giữ vững trật tự an toàn xã hội.

Đ.T.T.H - T.K.N - H.H.P

Ký sự nghề

VỤ ÁN ĐẦU TIÊN

LS NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Nếu ai đó hỏi tôi: “Vụ án đầu tiên trong đời luật sư của bạn là gì?”

Tôi sẽ trả lời ngay, không ngần ngại: Vụ án đầu tiên của tôi không phải là một hợp đồng bạc tỷ, không phải là phong thái ung dung tự tại của một luật sư khi bước vào phòng xử như trong phim, mà đó là một khóa thực tập... làm người, làm nghề, kéo dài nhiều tháng, không có giáo trình, không có điểm tổng kết, nhưng có rất nhiều tiếng chửi, đặc biệt là chửi rất đều, không ngắt quãng.

Vụ án ấy bắt đầu bằng một căn nhà cũ, ba mươi cây vàng và hai anh em ruột, mà nếu xét về mức độ mâu thuẫn thì... hơn cả phim dài tập.

Khách hàng của tôi là người anh - một “ông già” không vợ không con, gần bảy mươi tuổi, người nhỏ thó, kỹ tính, và đặc biệt... nói rất nhiều. Nói nhiều tới mức tôi từng nghĩ: nếu ông học luật sớm hơn tôi vài chục năm, có khi giờ này tôi đang là... khách hàng của ông. Nếu ông mở podcast kể khổ, chắc cũng có lượng người nghe ổn định.

Người em - một ông già ngoài 60 thì ngược lại, nhìn khôn ngoan hơn và không nói nhiều - nhưng nói câu nào đau câu đó. Ông có vợ, có con, có nhà mặt tiền và có một sở trường rất rõ ràng: chửi đúng giờ, đúng người, đúng nội dung.

Cha mẹ mất sớm khi hai anh em các ông này còn nhỏ. Trong căn nhà cũ kỹ ấy, họ dựa vào nhau mà lớn. Giữa thành phố này, người lớn còn chật vật kiếm sống, hưởng chi là hai đứa trẻ. Người anh bỏ học, đi làm thuê, nuôi em ăn học, dựng vợ cho em. Khi em mua nhà riêng gần đó, anh cho mượn ba mươi cây vàng. Còn mình, ông ở lại căn nhà cha mẹ để lại, bỏ tiền xây thành nhà hai tầng, sống lặng lẽ với kinh kệ, hương khói.

Thời gian trôi qua một cách nhẹ nhàng, nhưng khi con của người em dần lớn thì đời bắt đầu rẽ hướng rất tự nhiên, không báo trước.

Lấy có “nhà chung” và “cho cháu sang ở chăm bác”, người em cho con trai lớn qua ở cùng. Rồi đến một ngày, người em đề nghị: “Cháu phải lấy vợ, phải có nhà. Anh ra ngoài thuê nhà ở nhé”.

Người anh bàng hoàng và tức giận, ông không chịu vì đây cũng là nhà của ông, do ông bỏ tiền ra xây. Và chiến tranh lạnh ngấm ngấm giữa gia đình người em và người anh bắt đầu. Đỉnh điểm là người anh đòi em trả mình 30 cây vàng cho mượn mấy chục năm trước. Từ đó mưa gió bão bùng bắt đầu nổi lên trong ngôi nhà từng êm ấm ấy và từ “anh em”

chuyển sang... đối thủ truyền kiếp. Cuộc chiến tranh lạnh rất nhanh chuyển sang chiến tranh nóng.

Người em bắt đầu mĩa mai toàn thời gian: sáng mịa, trưa xỏ, tối nói cạnh nói khõe. Có hôm còn đến đốt phong long ngay trước cửa mang tính biểu diễn.

Người cháu thì “lạnh” như... điều hòa tiết kiệm điện. Căn nhà có người mà lạnh lẽo, không hơi ấm.

Người anh uất ức theo kiểu âm thầm mà nặng. Người em thì ghét anh theo kiểu chủ động, sáng tạo và không nghỉ cuối tuần.

Người anh khởi kiện - ranh giới cuối cùng của một đời nhẫn nhịn.

Trong thời gian tòa giải quyết, hai anh em ghét nhau đến mức... sáng nào cũng có “chương trình chửi nhau miễn phí”. Mà điều đáng sợ nhất trên đời, tôi nghiệm ra, là sự sân hận của người già - nhất là người đã cho đi cả đời nhưng cuối cùng bị phụ lòng, bị xem như kẻ ở nhờ.

Sáng nào người anh cũng cố tình đi tập thể dục ngang qua nhà em, và sáng nào người em cũng canh đúng giờ đó để đứng trước cửa... chửi.

Một hôm, người anh nói với tôi, rất nghiêm túc:

- Cô Phương, sáng nào đi tập tôi cũng thủ sẵn một tuýp ống sắt trong túi xách. Nó mà chửi mà sấp lại gần là tôi đập liền.

Tôi nhìn ông. Nhìn cái túi. Nhìn cây sắt.

- Ông... có đập nổi ống không? Oánh người là phạm pháp đó.

- Tui là anh nó, tui có quyền đánh nó!

- Con xin ông, ông tụng kinh bao năm rồi, buông bỏ đi ông, ông chấp ống làm gì.

- Tụng xong rồi mới tức!

- Tức thì đi lối khác, việc gì ông cứ đi qua nhà ống để nghe chửi rồi tức?

- Không. Tui phải đi qua cho nó chửi, tui mới có cơ đập nó chứ!

???

Vâng. Luật sư trẻ lúc đó bắt đầu hiểu: điều luật không bao giờ dạy mình xử lý “logic của con tức”. Tôi bắt ông hứa là đi tập thì đi đường khác, không gây chuyện.

Nhưng rồi điều gì tới cũng tới. Một buổi sáng như mọi ngày, người anh tiếp tục đi ngang, người em tiếp tục chửi và lần này ông sấp lại thật gần anh để chửi nghe rõ hơn. Không chần chừ, người anh rút ống sắt ra và... đập em chảy máu đầu. Người em khỏe hơn xô ngã anh và giật lại ống sắt, đập lại vào chân anh. Họ đánh nhau bằng sự tức giận tích tụ bấy lâu.

Kết quả: Công an mời cả hai lên làm việc. Và tôi - luật sư trẻ - được tặng thêm một môn học ngoài giáo trình và một nhiệm vụ ngoài hợp đồng. Chính thức bước vào môn học mới: giải quyết xung đột gia đình phiên bản nâng cao.

Chưa xong chuyện đánh nhau thì tới chuyện bồi thường, tôi tiếp tục vai trò quen thuộc: luật sư kiêm hòa giải viên kiêm người dỗ dành cảm xúc. Người em đồng ý bỏ qua nếu được đền tiền. Người anh thì không chịu, vừa gio cái chân sưng to, bầm tím vừa lâu bầu: "tôi cũng bị thương mà".

Khuyến mãi không được, tôi đành "ra đòn":

- Nếu ông không nghe, con bỏ mặc ông, con không theo vụ này nữa. Kệ ông đi tù.

Ông im lặng rất lâu, cái im lặng của người già khi đã cãi mệt, tức mệt và sợ không có người lắng nghe ông, bảo vệ ông. Rồi ông thở dài, cuối cùng, ông chấp nhận đền bảy triệu đồng là số tiền tôi thương lượng được. Bảy triệu cho mấy chục năm uất ức, tôi thấy... rẻ hơn tiền học yoga.

Nhưng căn nhà thì vẫn còn đó. Và tôi biết, nếu không giải quyết tận gốc, bảy triệu kia chỉ là vé vào cửa cho mâu thuẫn tiếp theo.

Tôi bắt đầu hành trình đi gõ cửa... hòa giải.

Lần một, vợ người em nhìn tôi như nhìn... người bán bảo hiểm.

- Cô về đi. Ông nhà tôi không tiếp!

Lần hai, người con trai ra nói thẳng.

- Bố tôi không gặp.

Tôi đứng đó, tự hỏi: Không biết mình là luật sư hay đang... đi xin dâu?

Lần ba, tôi không gõ cửa nữa. Tôi đứng bên kia đường, đứng rất lâu. Lâu đến mức tự thấy mình giống tài xế grab... có bằng cử nhân luật.

Cuối cùng, người em bước ra. Tôi chạy qua nhanh hơn chạy deadline. Ông nhìn tôi rất khó chịu. Tôi nói liền, sợ bị đuổi tiếp:

- Bác cho con mười lăm phút thôi, con không đến để cãi đúng sai. Con chỉ mong tìm cách tốt nhất để hai bác không mất thời gian, tiền bạc... và tình ruột thịt không tan vỡ đến tận cùng.

Mười lăm phút ấy... kéo dài hơn một tiếng.

Trong một tiếng đó, tôi nghe nhiều hơn nói. Người em kể về những uất ức của mình dưới sự kiểm soát của anh - hoàn toàn khác với câu chuyện của người anh. Với kinh nghiệm còn non, tôi không dám phán ai đúng ai sai.

Cuối cùng, tôi chỉ hỏi bốn câu:

- Cha mẹ mất sớm, anh bác là người nuôi bác ăn học, phụ nuôi cháu phải không ạ?

Ông gật đầu.

- Hàng năm giỗ cha mẹ, ai đứng ra làm? Ở đâu?

- Ông chứ ai, ở căn nhà đó.

- Bác có cúng cha mẹ ở nhà mình không? Ông im lặng.

- Bác có đồng ý là ba mươi cây vàng anh bác cho bác vay để mua nhà, và chính anh bác là người đi tìm căn nhà đó cho bác không?

Ông gật đầu, rất chậm.

Tôi đề xuất phương án:

- Nhà bác đã có. Anh bác già rồi cũng không thể đi tìm mua căn nhà khác. Mình định giá căn nhà cha mẹ để lại rồi chia đôi và trừ đi giá trị ba mươi cây vàng. Phần chênh lệch còn lại, anh bác bù thêm để nhận trọn căn nhà - chủ yếu để thờ cúng cha mẹ...

Tôi thuyết phục rất lâu. Phân tích nặng nhẹ rất lâu. Và tôi chốt lại: Anh bác không vợ không con, trước kia ông rất thương bác, tài sản của ông sau này cũng để lại cho bác, người thân duy nhất...

Cuối cùng, người em... không đồng ý và ... tiếp tục đuổi tôi về.

Cuộc chiến vẫn tiếp tục, khác chăng là trước đây tôi chỉ quay quanh một ông già, giờ tôi lại chạy quanh 02 ông già để thuyết phục từng ông, mỗi ông một hướng. Sau nhiều lần hòa giải, cuối cùng người em nói một câu khiến tôi vừa mừng, vừa buồn cười:

- Thôi thì tôi đồng ý. Tôi đã theo dõi cô bấy lâu, tôi thấy cô có tâm nên tôi mới chịu. Chứ tôi ghét ông ta lắm. Sau này ông ta có chết, tôi cũng không đến nhìn mặt.

Tôi cảm ơn ông, trong nghề này, đồng ý đã là một thành tựu lớn, những câu phía sau... để mai tính.

Xong người em, tới người anh. Ông không chịu trả thêm tiền. Tôi vừa xoa, vừa dọa, vừa giải thích. Cuối cùng, ông kêu tôi chờ ra ngân hàng... khoe có bốn mươi cây vàng. Tôi trở mắt nhìn ông. Ông cười tinh quái:

- Cô tưởng tôi nghèo hả? Tôi có tiền mà tôi ghét thằng đó, tôi không muốn cho nó biết.

Hoàn tất hết mọi việc, ông nắm tay tôi:

- Cô Phương, cô nuôi ông nhé. Ông lập di chúc để lại nhà và vàng cho cô.

???

- Dạ, Thôi thôi... con xin ông, giờ ông còn khỏe, còn đánh người được thì ông cứ sống vui vẻ, hưởng thụ cuộc sống, khi ông già hần con gửi ông vào viện dưỡng lão cao cấp nhé.

Ông cười.

Vụ án đầu tiên khép lại. Tối đó, tôi về nhà rất muộn. Tôi nhận ra mình không chỉ học cách áp dụng điều luật, mà còn học cách... làm người. Làm luật sư, đôi khi không phải để phân xử ai thắng ai thua, mà để giúp người ta giảm thiểu thiệt hại xuống mức thấp nhất và quan trọng hơn tất cả là tình người còn được giữ lại.

Và nếu ai hỏi tôi: Vụ án đầu tiên dạy bạn điều gì? Tôi sẽ nói: Dạy tôi rằng, đứng giữa tình thân của người khác, phải vừa cứng như luật, vừa mềm như lòng người, và có khi... phải đứng chờ bên kia đường rất lâu.

N.T.M.P

Ry ưc HOA BAN

Truyện ngắn của CAO CHIẾN

Nếu ai có dịp lên Tây Bắc, đi bộ hoặc xe qua vùng Mường Tè, Mai Châu, để mắt một chút là thấy bản Muội. Bản có chừng mười nóc nhà sàn, khách bất kể thuộc hạng nào khi đã đặt chân tới đều được tiếp đón nồng hậu. Sau khi đã chén no xôi nếp nướng, thứ lúa đặc sản chỉ có ở một vài vùng trên Tây Bắc, hạt dẹt và thơm như cốm, khách sẽ được thưởng thức một màn hát múa xòe và nhảy sạp uyển chuyển của các cô gái xinh đẹp. Trong những đêm vui như vậy, thường là vào đêm trăng, già trẻ trai gái của bản không ai chịu vắng mặt. Trưởng bản Lò Sùng sức khỏe và tài nghệ sẵn sẵn nổi danh khắp vùng, được dân nể trọng, bao giờ cũng giành quyền đưa khách dạo chơi sông Nậm Rốm cách bản không xa. Trong những chuyến đi như vậy, ông thường đưa cô cháu gái là A Sao theo cùng. Da trắng như cánh hoa ban, mắt sáng như mắt nai, dáng đi uyển chuyển như cộp, A Sao là hiện thân sinh động cho vẻ đẹp thanh khiết và hoang dại của núi rừng. Mười bảy tuổi, A Sao được nhiều trai bản để ý, thối kèn lá thâu đêm ngoài tàu ngựa nhưng bụng cô chưa ưng ai. Nếu bất chợt trên đường có anh chàng nào uớm hỏi thì A Sao chỉ cười, không hẳn là từ chối nhưng chắc chắn là chưa nhận.

Cô yêu những bông hoa ban, thích hát múa trong những đêm trăng mỗi khi bản có khách hoặc sau ngày mùa chưa chịu để người khác buộc chỉ tay dù tối tối, như mọi cô gái Thái ở vào cái độ tròn trăng, cô vẫn ngồi thêu gối trong tâm trạng phấp phỏng...

Một buổi sáng đẹp trời, có ba người đàn ông hăm hở đi trên lối mòn của bản rồi rẽ quặt ra phía sông. Chỉ nhìn lướt cách chập cây đống cọc biết ngay họ là những người từng có kinh nghiệm ở rừng. Một loáng lều căng xong, họ ném ba lô lên sạp nửa rồi vừa hút thuốc, đưa tay chỉ trỏ dòng sông, vừa nói với nhau chuyện gì đó chắc hẳn thú vị lắm vì chốc chốc lại nghe tiếng họ cười. Sau cùng, một người trong bọn, chắc là toán trưởng vì nom nét mặt già dặn và khắc khổ hơn hai người kia, chụp cái mũ có chóp rất ngộ trên đầu, quay ngược dốc về hướng bản Muội. Ông ta tìm gặp trưởng bản. Sau mấy câu chào hỏi, ông nói sơ với Lò Sùng về công việc và xin được hỗ trợ khi cần thiết.

- Được mà, Lò Sùng gật đầu, cán bộ làm cái ánh sáng cho dân bản là tốt lắm, không quên ơn đâu!

Nói rồi ông hỏi: - Có mấy đứa, mà mấy bao nhiêu tuổi rồi?

- Gần năm mươi, còn hai anh kia, người cán bộ địa chất chỉ tay ra phía sông, trẻ lắm, mới hai mươi thôi!

- Bảo chúng nó vào nhà! - Giọng Lò Sùng đồng dục.

Tay toán trưởng đứng rạng chân đầu cầu thang bắc tay làm loa gọi oang oác:

- Cường, cứ để đấy, cả hai lên đây!

Tất cả sau đấy đều diễn ra theo đúng nghi thức hiếu khách truyền thống của bản, có rượu cần, xôi nếp và màn hát múa. Cường ngồi xếp chân, bẻ cần rượu vừa uống vừa thích thú xem màn múa xòe. Anh chàng khoái quá, rồi chẳng hiểu do men say hay bởi cái âm thanh bung bung quyến rũ của điệu nhảy kích thích, bị cuốn vào vòng người tự lúc nào. Bất chợt một bản tay con gái mềm mại và ấm nóng cầm tay Cường, anh chàng bối rối liếc sang. Dưới ánh trăng, hàm răng cô gái trắng bóng, đôi mắt như được rưới một thứ nước trong suốt tưởng chừng uống được. Tay Cường bỗng nhiên chùng xuống, cái hăm hở rạo rực khi nãy dường như tiêu tan, thay vào đó là nỗi buồn sợ mơ hồ cứ gòn gòn tưởng chừng có thể sò nắm được. Anh trở lại chỗ ngồi. Sự trong sáng toát ra trên đôi môi và ánh mắt cô gái gọi lên trong anh kỷ niệm đau buồn về một mối tình vô vọng. Trong một cơn ghen bột phát và vội vã, Cường đã quyết định lấy một người đàn bà hơn anh chục tuổi, sau này khi ý thức được thì đã muộn, người đàn bà - vợ Cường bây giờ

- giữ chồng như giữ đồ thờ, đã đưa Cường lên địa vị ông bố khi anh tròn hai bảy tuổi. Buồn chán, nhưng Cường không thuộc loại chơi bời, thực trong thâm tâm cũng chưa bao giờ có ý phản vợ, dù không yêu. Đứa con đã níu giữ, ràng buộc tất cả, và những chuyến khảo sát công trình không hẳn là do anh hăng hay nổi trội hơn các đồng nghiệp, cũng phần nào làm tâm hồn anh nguôi ngoai. Nỗi nhớ đứa con mà vợ bảo giống bố nó như đúc như sợi dây vô hình mỗi ngày thêm trói chặt anh vào người đàn bà mà anh biết không bao giờ chới bỏ được. Trưởng bản Lò Sùng vẫn uống. Ông cười khà khà chỉ cô gái đẹp nhất đang nhịp chân nhảy qua thanh sạp, bảo:

- Nó là A Sao, cháu gái tao! Rồi đập bàn tay thô chắt lên vai người toán trưởng, nói tiếp:

- Mất chúng mày muốn ngủ rồi, đừng lo, dân bản Mọii bao giờ cũng sẵn bụng giúp cán bộ!

Buổi sáng mùa xuân trên Tây Bắc đẹp kỳ lạ. Hoa ban nở trắng núi rừng, trời xanh không gợn mây, đây đó quanh mấy sườn núi nghe thoảng trong gió tiếng nước chảy róc rách đổ xuống dòng Nậm Rốm như dải lụa mềm rơi dưới thung lũng. Cường ném điếu thuốc, ôm cột thuốc ngấm nhảy ào xuống.

- Lạnh quá, anh chàng khê rên ri, hai hàm răng đánh lập cập. Thước một, thước hai, những hòn cuội tròn chuội dưới chân mấy lần làm Cường trượt ngã.

- Được rồi. Tay toán trưởng vẫy tay, phải dùng thuyền, và phải lặn, chú ý phần chân đá.

- Đúng, Cường nhả mặt, thoát nhìn tường chỉ độ non mét, ai ngờ, nước sâu quá.

Công việc tiến triển thuận lợi, chưa hết tháng đã xong mấy thác dọc triền sông. Được cái Lò Sùng

cũng hăng, chỉ bữa nào bận quá không được mới chịu giao kèo cho cô cháu. Cũng lạ, hôm nào A Sao chèo thì Cường làm việc quên chết, lặn ngụp thâm tím cả mày mặt vẫn không chịu nghỉ. Thấy thế, tay toán trưởng chỉ cười, nhưng rồi một lần chỉ có hai anh em trong lều, ông bảo:

- Đừng có ló sớ, mày hiểu chưa? Trai bao nhiêu vợ cho vừa, nhưng với nó thì không được, tuyệt đối.

- Hiểu rồi, Cường run lập cập, em muốn về, nhớ con quá.

Tay toán trưởng áp tay lên má Cường xoa xoa, những vảy da khô tróc rơi là tả trên cỏ, nói:

- Tháng nữa thôi, mà đâu chỉ riêng mày nhớ.

Thác Luông nếu chỉ nhìn phần trời trên mặt nước không ai bảo là lớn, nhưng hiểm nổi phần chìm dưới lòng lại hết sức nguy hiểm bởi những vết rạn mà theo thuật ngữ của dân địa chất là vết nứt địa tầng, tạo nên những đợt sóng ngầm có thể cuốn tan bè mảng, gây chết người như bõn. Cánh sơn tràng và dân vạ chài qua lại nơi này thường phải cụng, ném xuống sông những con gà trống to, có khi cả nửa con heo thịt còn ròn máu. - Không hiểu do sông cạn hay đá dề, Lò Sùng bảo, mà cái thác Luông mỗi năm mỗi lớn. Chiều hôm nghe tin heo rừng về phá rẫy, Lò Sùng xách súng, rồi bảo cô cháu gái chèo, không quên dặn dò phải cẩn thận. A Sao cười, nét mặt rạng rỡ khác thường. Cô hối hả đẩy thuyền khỏi bờ chèo đi. Không khí dịu mát. Trên bờ, tay toán trưởng đang hí hoáy ghi chép điều gì trong sổ, thỉnh thoảng lại đập tay vào cây cột đầy những hàng số, soi mắt qua ống kính chiếu thẳng về phía con thuyền mà sát bên Cường đang lặn ngụp. A Sao ghìm chèo cho

thuyền khỏi trôi, miệng lẩm nhẩm đếm như kiểu thợ chiếu bóng thử máy, phập phồng thấy vừa sợ vừa thích thú được cùng các anh địa chất làm cái việc thăm dò chinh phục dòng sông. Cứ chừng mười lăm phút, Cường lại nhô đầu lên nhìn cô gái cười không thành tiếng vì lạnh, sau cùng có lẽ đã thấm mệt anh chàng đành phải lên hẳn. Chiều miền núi yên ả nhưng buồn. Thuyền nhẹ trôi trong ráng chiều đỏ như lửa, Cường ngồi ở mũi lơ đãng nhìn đám cỏ lau, bất chợt hỏi:

- Nhiều trai bản thương em phải không?

- Ôi, chưa đâu, A Sao bụm miệng cười, mà có đấy, nhưng cái bụng em chưa ưng.

- Thế còn anh?

- Anh là thuyền có lái rồi, Cường cúi đầu xuống.

Anh chàng bỗng giật thót khi nhận ra mình nói thật, điều mà mấy năm qua chưa bao giờ anh làm nổi. Có thể vì ở đây giữa bốn bề sông nước bên cô gái xinh đẹp hơn mọi bông hoa của núi rừng, Cường bỗng trở nên thánh thiện, hay còn có lý do nào khác? Trong một giây, Cường có cảm giác - chỉ là cảm giác thôi, mái chèo trong tay cô gái chùng xuống, ánh mắt thoáng bối rối trước một sự thật mà anh vừa phơi bày. Nhưng cũng chỉ thoáng qua. A Sao cười, tiếng cười cao vút, trong như tiếng đàn đá, cô nói bằng quơ: - Thế mà em tưởng...

Thuyền đã vào gần tới bờ, cô gái buông chèo nắm cây sào chống mạnh. Lúc này nắng gần như đã tắt hẳn, dải sương mỏng tựa tấm voan buông là sát mặt nước tạo cho dòng sông vẻ đẹp bí ẩn như trong tranh thủy mặc. Giữa lúc Cường nhấp nhòm toan đứng dậy thì đột nhiên từ dưới đáy sông, một cột nước phụt

mạnh, tạo thành con xoáy lật nghiêng thuyền. Váy áo A Sao ướt đầm, cô gái cong người cố đẩy thuyền qua luồng xoáy.

- Anh Cường! Cô gái thét lớn. Cường nhảy vọt tới túm được cây sào. A Sao buông tay chụp mái chèo nhưng không kịp, chới vói ngã nhào xuống nước. Cảnh tượng hãi hùng đó diễn ra trong tích tắc, Cường chưa kịp định thần thì cô gái đã mất hút dưới dòng chảy.

- A Sao! Cường lao xuống nước bơi ào ào, túm được tóc cô gái.

Tay toán trưởng sau phút giây bàng hoàng đã lên được thuyền, chống ra chỗ hai người.

- A Sao, Cường thều thào gọi. Sống lại đi em!

Mấy phút sau cô gái mở mắt, cũng may là con sóng thần chỉ vọt chốc lát rồi tan ngay, mà đoạn sông này cũng nông. Sau này nghe Lò Sùng bảo đấy là hiện tượng sông thờ, đôi ba năm mới thấy, phải là người phúc lớn lắm mới mong thoát nạn thì không riêng gì Cường mà cả tay toán trưởng cũng rợn tóc gáy. Cũng từ sau cú ấy, giữa Cường và cô gái nảy sinh một tình cảm rất lạ, không hẳn là tình yêu mà dường như còn hơn tình yêu. Một lần A Sao bảo Cường:

- Anh đã nắm tay em, cứu em thoát chết thì em là của anh.

- Không được đâu A Sao, Cường giãi bày, anh có vợ rồi mà.

Cô gái ngày ngày theo Lò Sùng ra bãi sông. Cô ngó nghiêng cái thước của tay toán trưởng, rồi lại nhòm qua ống kính dài, cười khanh khách, có vẻ thích thú lắm. Cô lên núi tìm hái những cành hoa ban mảnh mai đầy bông trắng ôm trước ngực chạy ào xuống dốc. Vẻ đẹp trinh trắng của cô không chỉ làm Cường mà cả tay toán trưởng đôi khi cũng ngơ ngẩn. Cường đổ bệnh phải nằm liệt mấy bữa, uống thuốc lá đắng của Lò Sùng do cô cháu

đem lại. Trước vẻ đẹp hoang dại của mùa xuân núi rừng, không hiểu sao anh chỉ muốn khóc, dường như có điều gì hệ trọng lắm đang đổ vỡ trong anh.

- Ta là một kẻ tội lỗi. Cường nói trong cơn mê sảng. Những giọt nước mắt nóng hổi của cô gái rỏ xuống khuôn mặt nóng bừng cũng không làm dịu bớt cơn sốt.

- Ta là một kẻ tội lỗi, anh cứ nhắc đi nhắc lại. Những hình ảnh rối loạn đan cài nhau hiện lên, rồi bỗng chốc tan biến.

- Nước!... Cường hét lên.

A Sao quỳ hẳn xuống nâng đầu anh dậy. Văng vẳng ngoài bến sông tiếng tay toán trưởng đang gọi Lò Sùng về nghỉ. Đột nhiên cô gái ném vạt cái bát sang bên rồi cứ thế vừa khóc vừa hôn như mưa khắp môi mặt Cường.

Con sốt dứt đột ngột. Công việc cũng kết thúc suôn sẻ. Tay toán trưởng biểu Lò Sùng ít tiền, gọi là tiền thù lao nhưng Lò Sùng bảo:

- Được giúp chúng mày Lò Sùng vui cái bụng lắm, lấy tiền làm gì. Cán bộ làm ánh sáng cho dân bản quý hơn nhiều chứ.

Nói rồi chỉ tay vào Cường:

- Mày đi lâu là A Sao nó trách đấy. Đêm hội diễn ra tung bùng.

Trong men say của rượu cần xối nếp, tay toán trưởng hứng chí hát ông ổng "Qua miền Tây Bắc" làm Cường cười chảy nước mắt. Ngày mai ta xa rồi... Cường lững thững bỏ đi. Anh ngồi phệt xuống thảm cỏ đầy sương ẩm ướt ven sông, im lặng, đầu gục giữa hai gối. Phía sau lưng, tiếng hát tiếng cười của đêm hội vẫn đang tung bùng, mỗi lúc mỗi thêm cuồng nhiệt. A Sao đến lúc nào Cường cũng không hay, cô nhẹ nhàng kéo váy ngồi xuống bên cạnh. Sự im lặng tôn nghiêm bao trùm lên họ, lên cả ngàn sao mà ở đây giữa hùng vĩ thảo nguyên tưởng có thể với tay hái được.

- Anh nói gì đi.

- Một ông sao sáng, hai ông sáng sao... Cường thẩn thức hát.

- Cây ban bông trắng, khi biết yêu anh, ơ...ơ... càng yêu anh.

- Em hát hay quá, ai dạy em thế?

- Em tự nghĩ ra, cô gái cười.

Trời đất nghiêng ngả quay cuồng, ngàn sao chơi vui bỗng chốc tan ra trong muôn hạt sương lấp lánh như bọt hủi tinh.

- Không được đâu. Cô gái cuống quýt đẩy bàn tay ra khỏi ngực. Người Thái giữ nó cho con.

Gió ào ào thổi, cả một rừng hoa ban chao động. Hương đất hương hoa quện chặt trong hương tình dâng lên ngào ngạt, mỗi lúc mỗi say, mê hoặc, chìm ngập họ xuống tận cùng của niềm sướng vui hạnh phúc.

Sáng hôm sau, từ sớm dân bản Muội đã đứng đầy đường. Không thấy A Sao đâu, Lò Sùng bảo:

- Nó đi lấy hoa ban.

Lò Sùng còn theo tiễn một đoạn dài rồi mới chịu về. Qua khỏi dốc, Cường bỗng reo lên mừng rỡ. Trên triền núi thoải thoải, A Sao đứng, nét mặt buồn như cánh hoa ban bị gió thổi gãy. Cô trao Cường bó hoa, nói trong tiếng thờ đồn:

- A Sao mới trồng một cây ban. A Sao bảo nếu A Sao không lấy được anh thì cây ban không cho A Sao bông trắng nữa.

- Anh sẽ trở lại, nhưng ngày ấy... Cường nói như khóc. Anh chàng cúi gằm mặt xuống đất lầm lũi đi. Tới đầu dốc bên kia Cường ngoái đầu lại vẫn thấy A Sao đứng nguyên chỗ cũ. Bóng người con gái Thái mỗi lúc mỗi xa rồi mất hẳn trong màu trắng nhừ nhối và đau đớn của ngàn hoa giữa thảo nguyên kéo dài tưởng chừng vô tận.

*
*
*

Một buổi sáng, trong khu tập thể Viện địa chất khảo sát công trình ngầm, người ta thấy một cô gái Thái ôm cái túi vải lùm lùm trước bụng đi quanh quần như có ý tìm người quen. Mỗi chiều tối, khi thành phố đã lên đèn, cô mới dứt khoát bỏ đi sau khi không quên cảm ơn ông lão bán nước đã cho cô ngồi đậu suốt cả buổi. Cô gái đi rồi, ông lão cũng hối hả dọn hàng. Đêm khuya khoắt ông vẫn không ngủ. Ở ngoài, bên vòi nước máy công cộng, tiếng máy nọ dòng đang chì chiết chuyện chồng con, nghe lồm bồm câu đực câu cái.

- Hiền quá hóa ngu em ơi, chị mày thì đừng có hồng nhá, lão Cường thô để mà lén phéng ừ thì chị mày cứ là xéo phăng...

Tiếng cười, tiếng xô thùng rộ lên trong tiếng chếp chếp thán phục:

- Eo ôi khiếp quá, khiếp quá!

* * *

Thời gian còn học ngoài Hà Nội, tôi, người viết truyện này yêu một cô gái tên là Phương Phương. Mẹ Phương Phương người Hà Nội, còn bố người Thái. Tôi hay trốn học nên thường bị người yêu trách, nhưng đôi khi chính nàng lại rủ tôi trốn. Phương thích bánh tôm Hồ Tây, còn tôi thì trà, thuốc lá, cũng là cái "gam" một thời của thanh niên Hà Nội. Hẳn nhiều người còn nhớ vào khoảng thời gian năm 86-87, cũng là thời gian tôi với Phương sắp ra trường, dưới gốc cây bàng lẳng trên đường Thanh Niên đối diện với Đền Quán Thánh bên Hồ Tây, có một cô gái thường hay bày mẹt bán bưởi, trà chén, trẻ và đẹp cực kỳ. Khách phần đông là bọn trai trẻ, chả cần ghé gồng cứ phệt thẳng đít xuống cỏ vừa uống vừa tán lau lấu. Một thằng bạn bảo cô gái không chỉ bán bưởi, trà chén mà còn... Xăm bậy quá, lúc ấy

tôi muốn đâm cho nó một trận. Cô gái tên A Sao, ít tuổi hơn Phương của tôi và đã có một con.

- Về đi em, một buổi chiều Phương nói với cô gái, chị cũng dân Tây Bắc đây.

- Không được đâu. A Sao cười: Lò Sùng bảo em không có bố, đi săn nhặt được ngoài rừng, thương lắm, nhưng A Sao làm xấu cái họ Lò rồi.

- Cầm lấy A Sao, Phương giúi vào tay em nắm tiền rồi kéo tôi rời đi.

Bằng mấy tháng, một buổi chiều, Phương chạy xô vào phòng tôi, nét mặt đầy vẻ lo âu.

- Em làm sao? Tôi hết hoảng cầm tay nàng.

- Anh chưa biết gì à, Phương nói, giọng hờn giận và trách móc, A Sao phải ra tòa, đây này, báo chí đang làm ầm lên, cô gái mười chín hành hung ông già bảy mươi cướp tiền.

Phương nói rồi gục đầu khóc rầm rứt như thể vì em mà A Sao phạm tội. Vài thằng con trai trong phòng cũng lên đưa ống tay áo quạt ngang. Phiên tòa diễn ra sau đó ít ngày. Phòng xử đông nghẹt, người chảy cả ra đường. Đoàn Lý Thường Kiệt, phần đuôi phố Thọ Nhuộm, xe đạp xe máy ken sát làm giao thông tắc nghẽn. Từ bên ngoài, một anh chàng nom mặt mũi bơ phờ bó tay lách qua đám đông lại gần chỗ tôi và Phương. Bàn cáo trạng như gáo nước lạnh làm tôi choáng váng, suýt thì thằng bạn bị đồn oan.

- Cô ấy chả làm gì nên tội, ông già bảy mươi, nạn nhân của cú xô đập khai trước tòa, con của A Sao bệnh cả tháng trời, tôi già rồi chết lúc nào chả được, giá mà có cục vàng cho cô ấy, đảng này chỉ mấy chục.

Ông lão nói rồi khóc. Trong yên lặng của phòng xét xử, tiếng khóc của ông già gieo vào lòng

người một biển buồn tê tái. Tòa tuyên tha bổng cô gái, nhưng vì thuộc diện bụi đời nên bị buộc trở lại Tây Bắc, tức là về quê. Tiếng hò reo náo động mấy dãy phố, nhiều người khóc nức nở dù rằng với nhau đều nước lã người dung cả.

Chừng hai năm sau, khi con lũ xuân tàn phá Tây Bắc đã đi qua, tôi theo Phương về quê cha của nàng. Trên miền núi, nhà thưa như cây bách tùng, nhưng gặp nhau dễ hơn trong một chung cư. Tôi uống rượu với một người (sau này sẽ là chồng Phương) và ngờ ý muốn tới bản Muội.

- Xa lắm, Phương Phương lắc đầu, nhưng vẫn đưa tôi đi. Buổi sáng trên Tây Bắc se lạnh. Đây đó trên những cành ban, vài đám cỏ rác vật vờ bay như chứng nhân sự tàn bạo của thiên nhiên.

- Năm nay hoa ban nở sớm, Phương thì thầm.

Những bông hoa trắng muốt như váy áo cô gái Thái bay giữa ngút ngàn thảo nguyên hứa hẹn những ngày tới tốt lành. Trưởng bản Lò Sùng tóc bạc trắng, trên trán hằn những vết nhăn như dao chém dẫn tôi đi khắp bản, đám trẻ con vây xung quanh, và chỉ trở lại nhà khi mặt trời đã leo qua đỉnh núi, đang rải nắng xuống dòng Nậm Rốm trong vắt. Tôi sững sốt khi bắt gặp một cây ban trồng cách nhà không xa, mặt hướng về phía dòng sông, trên cành đầy những bông và nụ đỏ. Lò Sùng bảo tôi:

- Hoa ban của A Sao trồng ngày xuống núi. Cây ban nhớ A Sao nhiều không nở được bông trắng, nhưng cũng chưa nhớ bằng Lò Sùng đâu.

Ông nói rồi khóc, quên băng sự có mặt của tôi với Phương.

C.C

LS NGUYỄN XUÂN BÌNH

Nghĩ trong chiều cuối năm

Hồ Gươm

Hồ Gươm của mình bao tuổi,
Tháp Rùa soi bóng từ xưa.
Bông gạo bên hồ thấp lửa,
Hòa Phong, trầm mặc gió mưa.
Sau này ai đến đây nữa,
Hồ Gươm có còn như xưa?
Cụ Rùa đã thành muôn thuở,
Tiếng chuông đồng hồ gió đưa.
Thì vẫn leng keng tàu điện,
Lạnh tan hơi kem Tràng Tiền.
Bên tà áo ai lưu luyến,
Lòng mình vọng “tả thanh thiên”!

Sang năm mới,
Anh lại thêm tuổi mới.
Sẽ già đi,
Xấu xí, nhọc nhằn hơn.
Anh vẫn ước,
Cuộc đời đừng gắt gỏng.
Và, yêu em,
Thêm một chút đổi hờn!
Phút cô đơn,
Choàng vòng tay bè bạn.
Chút nắng vàng,
Đủ ấm để sương tan.
Trận mưa mát,
Trên cánh đồng khô hạn.
Giọt mồ hôi,
Đắp đổi những mùa vàng.
Câu thơ viết,
Sau những chiều chạng vạng.
Đủ lỗ làng,
Để ta biết đa mang!

LS ĐÀO NGỌC LÝ

Sông quê

Dòng sông quê chẳng phải tình đôi lứa
Sao nhớ nhung cứ da diết voi đây
Khi hiền hòa bình yên thơ mộng
Khi gầm gào bão lũ đắng cay.

Nhớ kỷ niệm tuổi thơ hào hức
Bến sông quê, dò dẫm tắm lần đầu
Nước ngập ngang lưng, nước tràn mí mắt
Ta võ oà trong dào dạt mê say.

Bao năm rồi lặng thầm ký ức
Con đò nhỏ thân quen cần mẫn đi về
Người lái vô danh chống sào đón đợi
Khách qua đò trĩu nặng tình quê.

Bồi hồi ngắm bến sông lòng lộng
Gió đưa nhau đuổi bắt tí xa mờ
Ngô non mướt, xanh ngút ngàn bờ bãi
Trâu miệt mài gặm cỏ ven đê.

Lòng sông rộng bãi bờ thêm xa hút
Nước mênh mang như biển cả dâng trào
Thấp thoáng tàu thuyền gần xa xuôi ngược
Sóng dềnh đoàng lớp lớp dội lên nhau.

Chim ríu rít bên lùm tre xanh ngắt
Mây bâng quơ trôi nhẹ giữa lưng trời
Nghe thấp thoáng như tiếng ai đang hát
Úp mặt sông quê, trầm bổng xa vời.

Nay trở lại bến quê sông Đáy
Như gặp người thân xa cách lâu ngày
Chợt thấy gì như quen như lạ
Chợt thấy gì như tỉnh như say.

Chợt nghĩ sông quê thật giống cô gái đẹp
Biết bao điều ngất ngây.

Hà Nội 24/11/2025

LS NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH

Nửa vầng trăng

Nơi anh đến
Nửa vầng trăng Paris
Nơi anh về
Nửa vầng trăng quê nhà.

Nơi em đến
Tháp Ép Phen nghiêng bóng
Nơi em về
Sông Hậu lưng lờ trôi.

Dù xa xôi vạn dặm
Trăng tròn thôi em nhé.

Paris, ngày 07 tháng 5 năm 2025

Lang thang

Ngày luật sư
Anh lại lang thang
Mang theo hành trang cuộc sống
Mãi miết tìm hai chữ bình yên

Ngày luật sư
Anh vẫn lang thang
Theo bên mình hành lang pháp lý
Đúng và sai như mũi kim sợi chỉ

Ngày luật sư
Anh mãi lang thang
Bất chợt giữa dòng đời xuôi ngược
Gặp em "Công lý" đẹp nhường nào.

Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2025



Mãi nhớ

Có một chiều
Bến sông quê
Bên này là
Con đò đứng đợi
Bên kia là
Em đứng đợi

Có một chiều
Em khóc
Tay anh lướt nhẹ
Không còn nước mắt rơi

Có một chiều như thế
Nụ hôn ngọt ngào
Tình anh mãi mang theo
Có một chiều mãi nhớ nghe em.

Hậu Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2026

Màu đỏ và ly cà phê

Màu đỏ
Đó là màu chiến thắng
Ly cà phê
Là nỗi nhớ quê hương
Màu đỏ
Là màu cờ Tổ quốc
Ly cà phê
Là khắc khoải nhớ mong
Em yêu màu đỏ
Còn anh cà phê
Cùng đi qua năm tháng
Đợi chờ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2026

NGÀY XUÂN

TRÒ CHUYỆN CÙNG LUẬT SƯ VỀ HỘI NHẬP THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

THIÊN LONG (thực hiện)

Năm mới Bính Ngọ (2026), hoạt động kinh doanh - thương mại tại Việt Nam ngày càng sôi động trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đây là cơ hội lớn nhưng cũng là thử thách cho giới luật sư Việt Nam vươn mình ra thế giới.

Đầu xuân năm mới, phóng viên (PV) Tạp chí Luật sư Việt Nam có cuộc trò chuyện với LS Đặng Hồng Dương - Giám đốc Công ty Luật TNHH Sao Sáng - công ty luật duy nhất lọt vào “TOP 10” thương hiệu nổi tiếng hàng đầu Việt Nam tại Lễ công bố Thương hiệu - Nhân hiệu nổi tiếng về Hội nhập kinh tế quốc tế...

PV: Liên đoàn Luật sư Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh hội nhập quốc tế như một chiến lược quan trọng để phát triển nghề luật tại Việt Nam. Ông có thể chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh - thương mại có yếu tố nước ngoài từ Công ty Luật TNHH Sao Sáng?

LS Đặng Hồng Dương: Trong nhiều hội nghị, Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam - LS. TS Đỗ Ngọc Thịnh luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của hội nhập quốc tế, xem đây là cơ hội để đội ngũ luật sư Việt Nam học hỏi kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa.

Hiện Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và các quốc gia trong khu vực châu Á. Cùng với làn sóng đầu tư này là nhu cầu ngày càng tăng đối



LS Đặng Hồng Dương - Giám đốc Công ty Luật Sao Sáng (BRIGHT STAR LAW FIRM).

với dịch vụ pháp lý chuyên sâu, đòi hỏi sự am hiểu đồng thời cả pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam có khách hàng hoặc đối tác đến từ nước ngoài, quá trình hợp tác thường đặt ra nhiều yêu cầu pháp lý, từ việc soạn thảo hợp đồng song ngữ, xây dựng điều khoản trọng tài, lựa chọn luật áp dụng cho đến các vấn đề liên quan đến thanh toán quốc tế, bảo lãnh và bảo trợ thương mại.

Sự khác biệt về văn hóa kinh doanh và hệ thống pháp luật giữa các quốc gia luôn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tranh chấp. Trong bối cảnh đầy thách thức đó, vai trò của một đơn vị tư vấn luật không chỉ dừng lại ở việc xử lý tranh chấp, mà còn phải là

“cầu nối” am hiểu đồng thời pháp luật Việt Nam và thông lệ thương mại quốc tế. Đây chính là thế mạnh của Công ty Luật Sao Sáng trong lĩnh vực kinh doanh - thương mại có yếu tố nước ngoài.

Với phương châm: “Tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp nước ngoài không chỉ là hiểu luật, mà còn phải hiểu người. Phải biết họ quan tâm điều gì, sợ điều gì và kỳ vọng điều gì thì mới có thể đưa ra giải pháp phù hợp và khả thi”, Công ty Luật Sao Sáng triển khai dịch vụ một cách linh hoạt, hạn chế tối đa rủi ro pháp lý, bảo đảm tính tuân thủ mà vẫn đáp ứng được thông lệ quốc tế, qua đó tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng.

Sự thấu hiểu này không chỉ dừng lại ở lý thuyết, mà được cụ

thể hóa thông qua chiến lược xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao. Các luật sư và chuyên viên pháp lý của Công ty Luật Sao Sáng được đào tạo bài bản để làm việc trong môi trường đa văn hóa, sở hữu tư duy pháp lý tiệm cận chuẩn mực quốc tế cùng khả năng ngoại ngữ chuyên môn thuần thục.

PV: Theo ông, khi đàm phán, ký kết hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài, luật sư Việt Nam cần trang bị kỹ năng nghề nghiệp gì?

LS Đặng Hồng Dương: Đặc điểm chung trong các vụ việc kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài là yêu cầu xử lý nhanh, hiệu quả và mang tính phòng ngừa rủi ro. Công ty Luật Sao Sáng chú trọng tư vấn ngay từ giai đoạn đàm phán, soạn thảo, rà soát hợp đồng, giúp doanh nghiệp kiểm soát rủi ro từ gốc.

Diễn hình, vào tháng 01/2024, một doanh nghiệp Trung Quốc tại Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đối mặt với tình huống đình công ngay trước dịp Tết. Công nhân yêu cầu tăng lương, thưởng và cải thiện điều kiện làm việc. Trong thời điểm cao điểm sản xuất, tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn dây chuyền, chậm tiến độ giao hàng và bị xử phạt do vi phạm pháp luật lao động. Chúng tôi đã rà soát toàn bộ quy định pháp luật liên quan đến tiền lương, thưởng Tết và điều kiện làm việc. Không chỉ tư vấn pháp lý trên giấy, Sao Sáng còn trực tiếp hỗ trợ tổ chức cuộc đối thoại giữa doanh nghiệp, công đoàn và đại diện người lao động, làm rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, từ đó định hướng thương lượng và thu hẹp xung đột. Nhờ sự chủ động và chuyên nghiệp của Sao Sáng, doanh nghiệp đạt được thỏa thuận ổn định quan hệ lao động, dây chuyền sản xuất tiếp tục vận



LS Đặng Hồng Dương (ngoài cùng bên phải) cùng các đại biểu tại Trung Quốc bên lễ Hội nghị Khởi động mùa xuân 2025 của Hệ thống Thành công quốc tế Future Biology.

hành bình thường, đơn hàng giao đúng tiến độ và tránh được xử phạt hành chính.

Chính cách tiếp cận mang tính phòng ngừa và định hướng này đã giúp Công ty Luật Sao Sáng từng bước khẳng định vị thế của mình, trở thành một bật trong lĩnh vực tư vấn thương mại quốc tế.

PV: Luật sư có thể kể những thành tựu tư vấn cho doanh nghiệp nước ngoài của Công ty Luật TNHH Sao Sáng trong những năm qua?

LS Đặng Hồng Dương: Thông qua việc hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho các giao dịch và tranh chấp thương mại quốc tế, Công ty Luật Sao Sáng góp phần nâng cao uy tín của doanh nghiệp Việt trong mắt đối tác quốc tế. Qua đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thêm nền tảng pháp lý vững chắc, an tâm phần nào, từ đó có thể duy trì hoạt động ổn định và phát triển lâu dài trong môi trường kinh doanh mới.

Một số thành tựu tiêu biểu của Công ty có thể kể đến như: được Viện Kinh tế và văn hóa kết hợp với Trung tâm bảo vệ người

tiêu dùng bình chọn vào TOP 10 Thương hiệu tốt nhất Việt Nam; lọt vào một trong “TOP 10” Thương hiệu nổi tiếng hàng đầu Việt Nam tại Lễ công bố Thương hiệu - Nhân hiệu nổi tiếng về Hội nhập kinh tế quốc tế...

Ngoài một số thành tựu trên, Công ty còn là gương mặt vàng của các khách hàng doanh nghiệp chọn để giao phó trách nhiệm trong lĩnh vực, một vài doanh nghiệp kể tới như: Công ty CP VietKo Việt Nam (100% vốn nước ngoài), Công ty CP Vietko VP, Công ty Moden L&F VietNam, Công ty BQ Tech Vina, Công ty TNHH Su Tech, Công ty CP Nạp Xuyên, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Quảng An, Công ty TNHH DHTOP, Công ty TNHH Jeon Vina....

Trước thềm năm mới 2026, thay mặt cho tập thể đội ngũ luật sư Công ty Luật Sao Sáng, tôi xin gửi tới quý luật sư đồng nghiệp, quý độc giả và khách hàng lời chúc sức khỏe, chúc một năm mới Bính Ngọ “Mã đáo thành công”!

Luật Sao Sáng - Thấp sáng niềm tin!

PV: Xin cảm ơn ông!

QUY TẮC BẢO MẬT THÔNG TIN KHI HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ TRONG BỐI CẢNH LUẬT BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2026

LS LƯU TIẾN DŨNG*

Bảo mật thông tin là nghĩa vụ cốt lõi, vừa mang giá trị đạo đức vừa là chuẩn mực pháp lý, bảo đảm sự tin cậy giữa luật sư và khách hàng, đồng thời tạo nền tảng để hoạt động hành nghề được khách quan, độc lập. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 (Luật số 91/2025/QH15) có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã đặt nghĩa vụ này trong một khuôn khổ pháp lý hoàn toàn mới, gắn liền với yêu cầu quản trị dữ liệu trong kỷ nguyên số.

Khoản 1 Điều 9 Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) cùng Điều 21 Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam xác lập: luật sư có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin về vụ việc và khách hàng, trừ trường hợp được sự đồng ý của họ hoặc pháp luật có quy định khác. Cách tiếp cận này đặt trọng tâm vào việc ngăn ngừa luật sư tiết lộ thông tin và hạn chế việc sử dụng thông tin trái mục đích. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã mở rộng căn bản cách tiếp cận đối với thông tin cá nhân. Theo Điều 1, Luật điều chỉnh mọi hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân; khoản 7 Điều 2 tiếp tục xác định việc “xử lý dữ liệu cá nhân” gồm toàn bộ vòng đời của dữ liệu, từ công đoạn thu thập, ghi nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, khai thác, cung cấp, chuyển giao cho đến xóa hoặc hủy dữ liệu.

Theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong bối cảnh thường xuyên tiếp nhận và sử dụng hồ sơ vụ việc, thông tin định danh, thông tin tài chính,... thông tin đời sống riêng tư của khách hàng, luật sư đã trở thành bên kiểm soát dữ liệu hoặc bên xử lý dữ liệu cá nhân. Đây là điểm đổi mới có ý nghĩa bản lề, chuyển nghĩa vụ từ “giữ kín thông tin” sang “quản trị dữ liệu”. Việc xử lý dữ liệu phải tuân thủ các nguyên tắc bắt buộc như đúng mục đích, tối thiểu hóa phạm vi, bảo đảm an toàn, bảo mật và có căn cứ pháp luật rõ ràng. Như vậy, nghĩa vụ bảo mật của luật sư hiện nay còn được điều chỉnh bởi các nguyên tắc pháp lý chuyên biệt.

Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ghi nhận các quyền cụ thể của chủ thể dữ liệu, bao gồm quyền được biết, quyền tiếp cận, chỉnh sửa, hạn chế xử lý và yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân trong những điều kiện nhất định (Chương II). Việc mở rộng các quyền này đặt ra yêu cầu mới đối với tổ chức hành nghề luật sư trong việc thiết lập cơ chế nội bộ nhằm tiếp nhận và giải quyết đề nghị về dữ liệu của khách hàng, tương thích với nghĩa vụ lưu



Luật sư Lưu Tiến Dũng, Hãng luật La Défense.

trữ hồ sơ theo Luật Luật sư và pháp luật tố tụng. Đáng chú ý, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân còn quy định trách nhiệm thông báo và phối hợp khắc phục khi xảy ra vi phạm dữ liệu có nguy cơ gây thiệt hại. Trong điều kiện hành nghề gắn với nền tảng số và lưu trữ điện tử, đây là nghĩa vụ pháp lý mới, vượt khỏi phạm vi truyền thống.

Có thể khẳng định, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân không làm thay đổi bản chất nghĩa vụ bảo mật thông tin của luật sư, nhưng đã nâng nghĩa vụ đó lên một chuẩn mực pháp lý cao hơn, gắn với trách nhiệm quản trị dữ liệu và nghĩa vụ giải trình. Trong bối cảnh này, việc tổ chức hành nghề luật sư cần chủ động hoàn thiện quy trình bảo vệ dữ liệu nội bộ và Liên đoàn Luật sư Việt Nam sớm ban hành hướng dẫn áp dụng chuyên biệt, thống nhất là vô cùng cấp thiết.

L.T.D

Royal Mansion Không gian Pháp giữa lòng Kinh Bắc



EXIMBANK

CHUYỂN ĐỔI - VƯƠN TÂM



Chúc Mừng Năm Mới
2026 Xuân Bình An



 www.eximbank.com.vn

 1900 6655

MỘT NĂM BÙNG NỔ CỦA “KHÔNG GIAN SỐNG HÀNG HIỆU” CÙNG MASTERISE HOMES

Trong nhiều năm, thị trường bất động sản Việt Nam phát triển nhanh, nhưng thiếu một chuẩn mực chung về chất lượng sống. Masterise Homes chọn một hướng đi khác: không chạy theo tốc độ, mà kiên trì xây dựng một hệ tiêu chuẩn “hàng hiệu” - nơi mỗi phân khúc đều được phát triển với chuẩn mực cao nhất có thể, phù hợp với nhu cầu sống ngày càng tinh tế của người Việt.

Để hiểu rõ hơn triết lý đứng sau hành trình ấy - từ branded residences đến branded living, từ những dự án mang tính biểu tượng đến hệ tiêu chuẩn áp dụng xuyên suốt các dòng sản phẩm - chúng tôi đã có cuộc trò chuyện với bà Thi Anh Đào, Giám đốc Khối Marketing Masterise Group.

Năm 2025 là một năm bùng nổ của Masterise Homes trên cương vị nhà phát triển bất động sản hàng hiệu đẳng cấp quốc tế. Nếu chỉ chọn một từ để mô tả điều đã giúp Masterise dẫn dắt hành trình này, bà sẽ chọn từ nào và vì sao?

Tôi nghĩ đó là “tiên phong”. Masterise Homes không đơn thuần đi theo xu hướng. Chúng tôi bắt đầu bằng việc đặt câu hỏi rằng thị trường Việt Nam có thể tiến xa đến đâu về chất lượng sống. Việc hợp tác với các thương hiệu vận hành quốc tế hàng đầu là một bước đi quan trọng, giúp thiết lập những chuẩn mực rõ ràng về chất lượng, trải nghiệm và dịch vụ - những yếu tố còn thiếu tại thị trường trong giai đoạn đó.

Nhưng nếu nhìn lại, khoảnh khắc có ý nghĩa nhất không nằm ở những ghi nhận bên ngoài, mà ở thời điểm chúng tôi nhận ra rằng bất động sản Việt Nam không thể chỉ dừng ở việc “xây nhà”, mà cần phát triển những không gian thực sự nuôi dưỡng lối sống. Khi ấy, thị trường còn thiếu một chuẩn mực chung về chất lượng. Sự chênh lệch giữa kỳ vọng ngày càng tinh tế của người Việt hiện đại và những gì thị trường đang cung cấp đã tạo ra một khoảng trống rất rõ rệt. Chính khoảng trống đó thôi thúc Masterise Homes dẫn dắt sự thay đổi, và branded living ra đời như một câu trả lời tự nhiên cho nhu cầu ấy.

Vì sao Masterise lại quyết định mở rộng hệ sinh thái “hàng hiệu” sang nhiều phân khúc hơn, thay vì giữ nó như một đặc quyền chỉ dành cho nhóm siêu giàu?



Thực ra, phát triển hàng hiệu với đa dạng phân khúc là chiến lược đã được chúng tôi hiện thực hóa trong một thời gian dài, chứ không phải là quyết định gần đây. Chúng tôi tin rằng mỗi gia đình, mỗi thế hệ, mỗi tầng lớp khách hàng đều có những nhu cầu khác nhau về không gian sống, và ý tưởng “không gian sống hàng hiệu cho từng phân khúc” (branded living) ra đời từ sự thấu hiểu đó. Sự đa dạng về danh mục này vừa hay lại đáp ứng đúng xu hướng thị trường, khi nhu cầu người mua nhà tại Việt Nam đang ngày càng trở nên đa dạng với rất nhiều kỳ vọng khác nhau. Trong bối cảnh đó, branded living không nên bị giới hạn như một “đặc quyền”, mà cần phát triển thành một chuẩn chất lượng sống phù hợp với nhiều phân khúc hơn.

Khi khách hàng ngày càng trẻ hóa, họ tìm kiếm điều gì ở “hàng hiệu trong bất động sản”?

Thế hệ khách hàng ngày nay được tiếp xúc rộng rãi với những trải nghiệm sản phẩm và thương hiệu ở nhiều ngành hàng khác nhau. Họ cũng sống trong một bối cảnh toàn cầu hóa rõ nét hơn, “hàng hiệu” trong cảm nhận của họ không còn dừng lại ở một sản phẩm có thương hiệu phổ biến hay nổi tiếng, mà là một hệ giá trị trải nghiệm trọn vẹn và nhất quán, một cách tinh tế và thực tế. Đó cũng là lý do khi tìm đến bất động sản với nhu cầu thực, họ không chỉ hỏi dự án ở đâu hay giá bao nhiêu, mà đặt câu hỏi sâu hơn: không gian này có đồng hành được với tương lai sống mà tôi hình dung hay không.

Với Masterise Homes, đó chính là thước đo của “hàng hiệu trong bất động sản” - không nằm ở sự hào nhoáng của khẩu hiệu, mà ở nỗ lực không ngừng cải thiện chất lượng sống một cách thực chất, phù hợp với cách thể hệ mới cảm nhận, lựa chọn và gắn bó với không gian sống của mình.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH PHÚ THỌ VỮNG BƯỚC TRÊN HÀNH TRÌNH TRỞ THÀNH BỆNH VIỆN HẠNG ĐẶC BIỆT, ĐẢM NHẬN CHỨC NĂNG VÙNG

THƯƠNG NGUYỄN

Mỗi độ Tết đến, Xuân về, trên quê hương đất Tổ linh thiêng - cội nguồn của dân tộc Việt Nam, khí thế mới, niềm tin mới lại lan tỏa trong từng công trình, từng con người. Xuân không chỉ là thời khắc của sum vầy, của khởi đầu, mà còn là mùa của khát vọng, của những bước chuyển mình mạnh mẽ hướng tới tương lai. Hòa chung nhịp Xuân của đất nước, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ đang vững vàng bước vào năm mới với nền tảng vững chắc, quyết tâm đổi mới và tầm nhìn chiến lược, sẵn sàng bứt phá, hướng tới mục tiêu trở thành Bệnh viện hạng Đặc biệt, đảm nhận chức năng vùng tại khu vực trung du miền núi phía Bắc.

Trong dòng chảy đổi mới của đất nước, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng trở nên cấp thiết. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ đang thực hiện sứ mệnh quan trọng ấy bằng tinh thần trách nhiệm cao, bằng những bước đi bài bản, vững chắc và đầy quyết tâm.

Được thành lập từ tháng 11/1965, trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ đã in đậm dấu ấn của một đơn vị y tế đầu ngành, luôn đồng hành cùng nhân dân trong mọi giai đoạn lịch sử. Từ những năm tháng chiến tranh gian khó đến thời kỳ đổi mới và hội nhập, Bệnh viện không ngừng nỗ lực vượt qua thách thức, từng bước nâng cao năng lực chuyên môn, mở rộng quy mô, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

Năm 2007, Bệnh viện được công nhận là bệnh viện hạng I - tuyến cao nhất của tỉnh; năm 2013, được Bộ Y tế lựa chọn tham gia Đề án bệnh viện vệ tinh; năm 2015 trở thành một trong những bệnh viện tuyển tỉnh đầu tiên



Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập.

thực hiện thành công kỹ thuật ghép tạng... Những dấu mốc quan trọng ấy không chỉ ghi nhận sự trưởng thành về chuyên môn, mà còn khẳng định vai trò trung tâm của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ trong hệ thống y tế của tỉnh và khu vực trung du miền núi phía Bắc.

Làm chủ nhiều kỹ thuật cao và chuyên sâu, phục vụ nhân dân ngay tại địa phương

Trên hành trình phát triển, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ

luôn xác định chuyên môn là trụ cột, là yếu tố quyết định chất lượng và uy tín. Bệnh viện không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại; chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ y tế; tích cực tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ nhiều kỹ thuật cao, chuyên sâu. Mỗi năm, Bệnh viện triển khai hàng trăm kỹ thuật mới chuyên sâu. Mỗi ngày, Bệnh viện thực hiện khám cho 1.500-1.800 người bệnh, điều trị nội trú cho 1.500-1.700 người bệnh.

Hiện nay, Bệnh viện có quy mô 1.650 giường bệnh, hơn 1.500 cán bộ, viên chức, người lao động; gồm 42 khoa, phòng, trung tâm, trong đó có 13 trung tâm chuyên sâu. Bệnh viện đã làm chủ và triển khai hơn 70% danh mục kỹ thuật của bệnh viện hạng đặc biệt, thực hiện 100% các kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế, trong đó có nhiều kỹ thuật khó, phức tạp đã được thực hiện thường quy như: ghép tạng, phẫu thuật tim hở, phẫu thuật tim nội soi, vi phẫu trong phẫu thuật sọ não, cột sống; phẫu thuật mạch chủ, phẫu thuật u phổi, u trung thất; can thiệp mạch não, mạch chủ, mạch tạng...; điều trị trúng đích trong ung thư, các kỹ thuật xạ trị tiên tiến IMRT, VMART, kỹ thuật tim phổi nhân tạo ECMO, hạ thân nhiệt chỉ huy, siêu lọc máu trong hồi sức cấp cứu...; là bệnh viện vệ tinh của nhiều bệnh viện tuyến Trung ương, đồng thời là tuyến cuối tiếp nhận điều trị người bệnh từ các cơ sở y tế trong tỉnh Phú Thọ và nhiều địa phương lân cận như Lào Cai, Tuyên Quang... Những con số ấy phản ánh rõ năng lực chuyên sâu, cho thấy Bệnh viện đã và đang trở thành “cánh tay nối dài” của các bệnh viện tuyến trung ương, đáp ứng hiệu quả nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân tại Phú Thọ và các tỉnh lân cận, đồng thời hội tụ đầy đủ các tiêu chí quan trọng về quy mô, tổ chức, nhân lực và chuyên môn để sẵn sàng bước lên tầm cao mới.

Khẳng định uy tín, thương hiệu bằng những giá trị thực tiễn

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt là Đề án 06, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ

tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, cải tiến quy trình, chuyển đổi số y tế, triển khai bệnh án điện tử, hệ thống lưu trữ - truyền tải hình ảnh, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn theo mô hình bệnh viện thông minh.

Cùng với đó, Bệnh viện chú trọng xây dựng môi trường khám, chữa bệnh “Xanh - Sạch - Đẹp”, an toàn, thân thiện; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, lấy người bệnh làm trung tâm. Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng của người bệnh, nhân viên y tế giai đoạn 2024-2025 xếp loại rất tốt; duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 và Trung tâm xét nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 15189:2022.

Với những đóng góp nổi bật cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ đã vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba; Cờ thi đua của Chính phủ, của Bộ Y tế; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cùng nhiều giải thưởng, chứng nhận uy tín trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực chuyên môn. Đồng thời, theo Quyết định số 201/QĐ-TTg đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ sẽ trở thành Bệnh viện hạng Đặc biệt, đảm nhận chức năng vùng. Đó là những minh chứng sinh động cho uy tín, chất lượng và thương hiệu của Bệnh viện, trở thành động lực để tập thể cán bộ, viên chức, người lao động của Bệnh viện



Hệ thống máy xạ trị gia tốc tuyến tính Versa HD hiện đại tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ.

tiếp tục nỗ lực vươn lên trong giai đoạn mới, xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Xuân mới - Quyết tâm mới - Khát vọng vươn tầm

Phát huy truyền thống 60 năm xây dựng và phát triển, thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Lương y như từ mẫu”, trong không khí mùa Xuân mới, tập thể cán bộ, viên chức, người lao động Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ tiếp tục nuôi dưỡng khát vọng vươn tầm, đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn và chất lượng phục vụ nhân dân.

Với nền tảng vững chắc đã được bồi đắp qua nhiều thế hệ, cùng sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và quyết tâm chính trị cao, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ đang vững bước trên hành trình trở thành Bệnh viện hạng Đặc biệt, đảm nhận chức năng vùng - vì sức khỏe nhân dân, vì sự phát triển bền vững của quê hương Đất Tổ.

VINAMILK VÀ HÀNH TRÌNH NÂNG TẦM VỊ THẾ DOANH NGHIỆP VIỆT TRÊN BẢN ĐỒ NGÀNH SỮA THẾ GIỚI

CƯỜNG SƠN

Trong bối cảnh đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới, với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế, câu chuyện về những doanh nghiệp đã sớm hội nhập sâu với kinh tế toàn cầu mang nhiều ý nghĩa gợi mở.

Nhìn lại gần 50 năm phát triển của Vinamilk, doanh nghiệp hiện đứng thứ 36 thế giới về doanh thu trong ngành sữa và được đánh giá là Top 1 thương hiệu sữa tiềm năng nhất toàn cầu, Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới Mai Kiều Liên - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Vinamilk cho rằng tự chủ và bản lĩnh không chỉ giúp doanh nghiệp đứng vững trước biến động, mà còn là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp Việt nắm bắt vận hội mới, vươn tầm quốc tế và đóng góp vào mục tiêu phát triển chung của đất nước.

PV: Nhìn lại hành trình gần 50 năm của Vinamilk trong dòng chảy phát triển của đất nước, theo bà, khái niệm “bền vững” ngày nay đã thay đổi như thế nào?

Bà Mai Kiều Liên: Ở bất kỳ thời kỳ nào, doanh nghiệp muốn phát triển thì đều phải phát triển bền vững. Tuy nhiên, bền vững ở mỗi giai đoạn lại mang những nội hàm khác nhau.

Cách đây 50 năm, trong bối cảnh đất nước vừa bước ra khỏi chiến tranh, còn chịu cấm vận, doanh nghiệp Việt Nam thiếu đủ thứ: từ vốn, ngoại tệ, nguyên vật liệu, cho đến công nghệ. Có những thời điểm, dây chuyền sản xuất thậm chí phải dừng lại hoàn toàn. Khi đó, bền vững đơn giản là làm sao khôi phục được sản xuất, có sản phẩm cung cấp cho xã hội, bảo đảm chất lượng và từng bước đáp ứng nhu cầu của người dân.



Tổng Giám đốc Vinamilk Mai Kiều Liên - “nữ tướng” đã đưa Việt Nam góp mặt trong danh sách các ông lớn của ngành sữa toàn cầu. Ảnh: Vi Nam.

Ngày nay, khi thế giới biến động nhanh và mạnh, khái niệm bền vững đã mở rộng hơn rất nhiều. Đó là phát thải bằng không, là minh bạch trong hoạt động, là khả năng chuẩn bị cho tương lai. Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo đã trở thành những tiêu chuẩn bắt buộc. Doanh nghiệp Việt Nam nếu không nâng chuẩn, không kiên trì đầu tư, sẽ khó có thể đi xa.

PV: Trong sự thay đổi đó, đâu là những giá trị không đổi của một doanh nghiệp và một doanh nhân?

Bà Mai Kiều Liên: Có những giá trị không bao giờ thay đổi. Doanh nhân ở bất kỳ thời điểm nào cũng cần bản lĩnh, sự tự chủ và niềm đam mê với doanh nghiệp của mình.

Điểm khác biệt của giai đoạn hiện nay là yêu cầu về sự năng động

và sáng tạo ngày càng cao. Nếu không đổi mới, không bứt phá, doanh nghiệp sẽ tụt hậu. Quan trọng hơn, người lãnh đạo phải có khả năng dẫn dắt đội ngũ cùng thay đổi, cùng đi về một hướng, để có thể đi đường dài.

PV: Với Vinamilk, đâu là giá trị lớn nhất giúp doanh nghiệp đứng vững qua nhiều biến động của nền kinh tế?

Bà Mai Kiều Liên: Với Vinamilk, giá trị lớn nhất có thể đúc kết trong hai từ: tự chủ và bản lĩnh.

Tự chủ giúp doanh nghiệp xây dựng được nền móng vững chắc, từ năng lực sản xuất đến văn hóa vận hành. Khi đã tự chủ, doanh nghiệp không còn phụ thuộc quá nhiều vào những thuận lợi hay khó khăn từ bên ngoài. Còn bản lĩnh là khả năng giữ vững các giá trị cốt lõi, dù bối

cảnh có thay đổi thế nào, để tiếp tục tiến lên.

Chính tư duy đó giúp Vinamilk kiên định theo đuổi chiến lược dài hạn, từ đầu tư sản xuất, công nghệ đến xây dựng thương hiệu, qua đó từng bước nâng cao vị thế không chỉ trong nước mà cả trên thị trường quốc tế.

PV: Sau gần 50 năm phát triển, Vinamilk đã đạt được những dấu mốc nào mà bà cho là có ý nghĩa nhất?

Bà Mai Kiều Liên: Vinamilk được thành lập năm 1976 với ba nhà máy nhỏ, thiết bị cũ và rất lạc hậu. Đến nay, chúng tôi đã phát triển hệ thống gồm 16 nhà máy trong và ngoài nước, với sản phẩm hiện diện tại 65 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Mỗi năm, kim ngạch xuất khẩu của Vinamilk đạt khoảng 250-300 triệu USD, duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong nhiều năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu lũy kế từ năm 1997 đến nay đã vượt 3,5 tỷ USD. Hiện Vinamilk đứng thứ 36 thế giới về doanh thu trong ngành sữa, được đánh giá là Top 1 thương hiệu sữa tiềm năng nhất toàn cầu và đạt hạng AAA+ về sức mạnh thương hiệu - mức cao nhất trong thang đo.

Với chúng tôi, những con số này không chỉ phản ánh thành tích kinh doanh, mà còn là minh chứng cho khả năng đi đường dài của một doanh nghiệp Việt Nam khi có chiến lược đúng và đủ kiên trì.



Vinamilk sở hữu hệ thống 16 nhà máy sữa hiện đại bậc nhất trong và ngoài nước.

Ảnh: Vi Nam.

PV: Trong bối cảnh một “vận hội mới” đang mở ra cho nền kinh tế, theo bà, cơ hội lớn nhất của doanh nghiệp Việt Nam nằm ở đâu?

Bà Mai Kiều Liên: Đây là một giai đoạn mở ra nhiều cơ hội. Chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững đang trở thành những chuẩn mực toàn cầu. Doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế đi tắt, đón đầu, tức là tiếp cận và ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ của thế giới theo cách phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

Nếu chuẩn bị tốt về nội lực và chiến lược dài hạn, doanh nghiệp Việt Nam hoàn toàn có thể tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

PV: Để chuẩn bị cho chặng đường phía trước, Vinamilk đã và đang làm gì?

Bà Mai Kiều Liên: Chúng tôi luôn chuẩn bị cho tương lai từ rất sớm. Mỗi chu kỳ 10 năm là sự chuẩn bị cho 10 năm tiếp theo.

Hiện nay, Vinamilk tập trung vào phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện chiến lược dài hạn và ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, robot trong sản xuất, đồng thời thúc đẩy đổi mới sản phẩm và tái định vị thương hiệu cho giai đoạn phát triển mới.

Song song với đó là cam kết phát triển xanh. Vinamilk là doanh nghiệp sữa đầu tiên tại Việt Nam có hai nhà máy và một trang trại đạt chứng nhận Net Zero, đồng thời cam kết đạt Net Zero vào năm 2050 theo mục tiêu quốc gia, với lộ trình giảm phát thải cụ thể và được đánh giá bởi các tổ chức độc lập.

PV: Bà có điều gì muốn gửi gắm tới cộng đồng doanh nhân Việt Nam trong bối cảnh vận hội mới đang mở ra?

Bà Mai Kiều Liên: Mỗi doanh nghiệp đều có con đường và lựa chọn riêng. Tuy nhiên, nếu trong mọi quyết định, chúng ta luôn đặt lợi ích dài hạn của đất nước và giá trị của thương hiệu Việt lên trên những tính toán ngắn hạn, thì sự cạnh tranh sẽ tự nhiên trở nên lành mạnh và có ý nghĩa hơn.

Khi doanh nghiệp ý thức được vai trò đồng hành cùng quốc gia, cùng nâng chuẩn hàng hóa và hình ảnh Việt Nam trên thị trường quốc tế, vận hội mới sẽ không chỉ là cơ hội nhất thời, mà trở thành nền tảng cho những bước phát triển bền bỉ và vững vàng trong dài hạn.

C.S



Các sản phẩm dinh dưỡng của Vinamilk là lựa chọn ưu tiên và là niềm tự hào của người Việt Nam. Ảnh: Vi Nam

HERBALIFE VIỆT NAM CAM KẾT MẠNH MẼ GÓP PHẦN DƯỠNG SỨC KHỎE VÀ HẠNH PHÚC CỦA CON NGƯỜI

HƯƠNG THẢO

Với chiến lược phát triển bền vững và gắn kết với cộng đồng, Công ty Herbalife Việt Nam ngày càng được cộng đồng đón nhận mạnh mẽ và sản phẩm dinh dưỡng Herbalife ngày càng được khách hàng yêu thích.

Các sản phẩm dựa trên nền tảng khoa học vững chắc

Các sản phẩm của Herbalife được phát triển dựa trên nền tảng khoa học và được hỗ trợ bởi mạng lưới toàn cầu gồm các nhà khoa học, huấn luyện viên, chuyên gia và thành viên ban cố vấn dinh dưỡng bao gồm hơn 200 chuyên gia được công nhận trên toàn thế giới và những người có tầm ảnh hưởng. Với chuyên môn về dinh dưỡng, thể chất và sức khỏe cộng đồng, đội ngũ chuyên gia này dẫn đầu các nghiên cứu thúc đẩy đổi mới sản phẩm. Họ cũng tham gia đào tạo và huấn luyện các Thành viên Độc lập của Herbalife, những người sau đó sẽ áp dụng các kiến thức này để hướng dẫn và hỗ trợ khách hàng đạt được các mục tiêu về sức khỏe để sống cuộc sống tốt nhất của mình.

"Sản phẩm vàng vì sức khỏe cộng đồng"

Ngày 13/01/2025, Công ty Herbalife Việt Nam được Hiệp hội Thực phẩm chức năng Việt Nam trao giải thưởng uy tín "Sản phẩm vàng vì sức khỏe cộng đồng năm 2025", được bình chọn từ hàng trăm sản phẩm tham gia xét giải từ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tại Việt Nam. Đây là lần thứ 10 liên tiếp Herbalife Việt Nam được trao giải thưởng uy tín này.

Top 10 công ty thực phẩm uy tín 2025

Năm 2025, Công ty Dinh dưỡng Herbalife Việt Nam tiếp tục được công bố thuộc Tốp 10 công ty thực phẩm uy tín năm 2025 theo đánh giá của VN Report (VNR).

Việc công nhận dựa trên năm tiêu chí chính, bao gồm sản phẩm đa dạng và quen thuộc, mạng lưới phân phối rộng khắp, công ty có tên tuổi và doanh nghiệp có uy tín được công chúng đón nhận, giá cả phải chăng, chất lượng sản phẩm cao.



Top 100 doanh nghiệp bền vững

Herbalife Việt Nam được vinh danh trong danh sách 100 doanh nghiệp bền vững 2025 theo đánh giá của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Như vậy Herbalife có tám lần có mặt trong danh sách Top 100 và hai lần có mặt trong danh sách 10 doanh nghiệp bền vững lĩnh vực thương mại dịch vụ theo đánh giá của VCCI.

Hợp tác dài hạn với thể thao Việt Nam

Herbalife Việt Nam là nhà tài trợ dinh dưỡng chính thức cho thể thao Việt Nam, hợp tác với Ủy ban Olympic Việt Nam (VOC) và Ủy ban Paralympic Việt Nam (VPC) từ năm 2012, Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF) từ năm 2021. Kể từ năm 2021, Công ty đã là nhà tài trợ dinh dưỡng chính thức cho các sự kiện marathon lớn như VnExpress Marathon, Tiền Phong Marathon và Vietnam International Half Marathon.

Chương trình Casa Herbalife

Trọng tâm trong các hoạt động cộng đồng của Herbalife Việt Nam là

Chương trình Casa Herbalife Việt Nam, được triển khai từ năm 2013 trong khuôn khổ sáng kiến toàn cầu của Quỹ Herbalife Family Foundation - Quỹ HFF). Trong suốt 12 năm triển khai, 15 trung tâm Casa Herbalife đã trở thành mái ấm cho hàng ngàn người kém may mắn, cung cấp bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng và kiến thức chăm sóc sức khỏe. Tính đến nay, Herbalife Việt Nam đã đóng góp hơn 32 tỉ đồng thông qua chương trình, và trong giai đoạn 2025-2026, Công ty dự kiến tài trợ thêm khoảng 6,5 tỉ đồng để hỗ trợ 15 trung tâm Casa Herbalife trên cả nước.

Chung tay trong những thời điểm khó khăn

Tháng 10/2025, Herbalife đóng góp hơn 3.204.000.000 đồng góp phần hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão Bualoi (con bão số 10) và bão Matmo (con bão số 11) tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam, gồm 574 triệu đồng do các Thành viên Độc lập và nhân viên Herbalife Việt Nam đóng góp. Tháng 11/2025, Thành viên Độc lập và nhân viên Herbalife Việt Nam tiếp tục đóng góp 772.600.000 đồng.

H.T

2026
Tết Mã - Tết dĩa

BIDV

Mã trao **TÀI LỘC** **TẾT TRỌN** đủ đầy



XE Ô TÔ
Mercedes C200



SỐ TIẾT KIỆM
686 triệu đồng



04 GIẢI
iPhone 17



2025 GIẢI MÃ LỘC
666.666 đồng



Vững bước Tiên phong - Đồng hành Phát triển

☎ 1900 9247 🌐 bidv.com.vn 📱 [BIDVbankvietnam](https://www.bidv.com.vn)



Khám phá ngay

VIETTEL KHỞI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ TẠO CHIP BÁN DẪN ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM

DUY CƯỜNG

Ngày 16/01/2026 tại Hà Nội - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) đã chính thức khởi công xây dựng nhà máy chế tạo chip bán dẫn đầu tiên tại Việt Nam. Dự án do Viettel triển khai theo nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng giao, trên cơ sở Nghị quyết của Chính phủ. Đây là dấu mốc quan trọng, lần đầu tiên Việt Nam hình thành năng lực chế tạo chip bán dẫn trong nước, tạo nền tảng cho mục tiêu từng bước làm chủ công nghệ lõi và phát triển hệ sinh thái bán dẫn trong nước.

Dự lễ khởi công có Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm; Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính; Đại tướng Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; cùng lãnh đạo Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Quốc hội, các bộ, ban, ngành Trung ương, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác trong nước, quốc tế.

Nhà máy được xây dựng tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), trên diện tích 27 ha, với định hướng trở thành hạ tầng quốc gia phục vụ nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm và sản xuất chip bán dẫn.

Khi đi vào hoạt động, nhà máy có thể đáp ứng cho các ngành công nghiệp quốc gia như: hàng không vũ trụ, viễn thông, internet vạn vật (IoT), sản xuất ô tô, thiết bị y tế, tự động hóa..

Một sản phẩm chip bán dẫn hoàn chỉnh phải trải qua sáu công đoạn chính gồm: định nghĩa sản phẩm, thiết kế hệ thống, thiết kế chi tiết, chế tạo chip, đóng gói - đo kiểm và tích hợp - thử nghiệm. Thời gian qua, Việt Nam đã từng bước tham gia vào năm công đoạn; riêng công đoạn chế tạo chip - khâu phức tạp và then chốt nhất - hiện chưa thể thực hiện trong nước. Việc xây dựng nhà máy chế tạo chip bán dẫn sẽ giúp hoàn thiện và khép kín toàn bộ quy trình sản xuất chip bán dẫn ngay tại Việt Nam.



Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Viettel Trung tướng Tào Đức Thắng phát biểu tại lễ khởi công.

Chế tạo chip bán dẫn là một trong những quy trình công nghệ tinh vi và đòi hỏi kỷ luật cao nhất hiện nay. Từ một tấm wafer silic có độ tinh khiết gần như tuyệt đối, chip được hình thành thông qua 1.000 bước công nghệ liên tiếp, kéo dài trong 3 tháng. Chỉ một sai lệch nhỏ ở bất kỳ công đoạn nào cũng có thể ảnh hưởng đến toàn bộ dây chuyền, đòi hỏi năng lực tổ chức, quản trị và làm chủ công nghệ ở trình độ rất cao.

Phát biểu tại Lễ khởi công, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh: “Việc khởi công nhà máy chế tạo chip bán dẫn công nghệ cao đầu tiên của Việt Nam là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là bước đi nhằm hiện thực hóa chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn quốc gia, tạo nền

tảng để Việt Nam từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

Theo Thủ tướng, sự xuất hiện của nhà máy sẽ góp phần hoàn thiện hệ sinh thái bán dẫn trong nước, tạo điều kiện để các doanh nghiệp thiết kế chip, các công ty khởi nghiệp công nghệ và các cơ sở đào tạo - nghiên cứu rút ngắn chu kỳ thử nghiệm, nhanh chóng hoàn thiện sản phẩm và đưa công nghệ vào ứng dụng thực tiễn.

Nhà máy cũng được kỳ vọng trở thành trung tâm đào tạo thực hành cho nguồn nhân lực bán dẫn, gắn đào tạo với môi trường sản xuất thực tế. Thông qua đó, Việt Nam đặt mục tiêu đào tạo 50.000 kỹ sư thiết kế chip trong Chương trình phát triển nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, hướng tới quy mô

nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam đạt trên 100.000 người trong Chiến lược bán dẫn quốc gia đến năm 2040.

Với Viettel, việc được giao nhiệm vụ chủ trì triển khai nhà máy chế tạo chip bán dẫn là bước tiếp nối chiến lược phát triển công nghệ lõi mà Tập đoàn đã kiên trì theo đuổi trong nhiều năm. Viettel đã chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên sâu, hợp tác quốc tế và tiếp nhận chuyển giao công nghệ, đồng thời tích lũy kinh nghiệm từ hoạt động nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng chip trong các hệ thống, sản phẩm công nghệ.

Trung tướng Tào Đức Thắng, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Viettel, khẳng định: “Ngay sau lễ khởi công hôm nay, Tập đoàn sẽ bắt tay ngay vào triển khai dự án với mục tiêu đặt ra là đến hết năm 2027 hoàn thành đầu tư xây dựng, nhận chuyển giao công nghệ và bắt đầu sản xuất thử nghiệm. Giai đoạn từ năm 2028 đến 2030 sẽ hoàn thiện, tối ưu quy trình, nâng cao hiệu suất dây chuyền theo các tiêu chuẩn của ngành, từ đó

làm cơ sở để nghiên cứu công nghệ chế tạo chip ở tiến trình hiện đại hơn.

Viettel với truyền thống và cách làm của người lính Bộ đội Cụ Hồ - cam kết sẽ phát huy vai trò xung kích, tiên phong, chủ lực trong đoàn quân ấy, đóng góp bằng kết quả cụ thể, lấy tiến độ làm kỷ luật, lấy chất lượng làm chuẩn mực, lấy an toàn làm nguyên tắc, cùng cả nước thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam”.

Dự án được triển khai trong giai đoạn 2026-2030, với lộ trình từ xây dựng nhà máy, tiếp nhận công nghệ đến hoàn thiện quy trình và nâng cao hiệu quả vận hành. Về dài hạn, nhà máy tại Hòa Lạc được quy hoạch để có thể mở rộng quy mô, tạo nền tảng cho Việt Nam từng bước tiếp cận các công nghệ bán dẫn tiên tiến hơn.

Việc khởi công Nhà máy chế tạo chip bán dẫn công nghệ cao là cột mốc quan trọng trong hành trình xây dựng năng lực công nghệ của Việt Nam, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “Tự chủ công nghệ, vững bền tương lai”.

D.C

AGRIBANK CHI NHÁNH NAM THANH HÓA DẤU ẤN NĂM 2025

MINH TUYẾT

Sau 7 năm được thành lập và đi vào hoạt động, kết thúc năm 2025, Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa đạt kết quả kinh doanh tăng cao nhất trong giai đoạn 2020-2025: tổng nguồn vốn huy động đạt 18.100 tỷ đồng (tăng 2.100 tỷ so với đầu năm); tổng dư nợ đầu tư nền kinh tế đạt 21.000 tỷ đồng (tăng trên 2.400 tỷ so với đầu năm); trong đó trên 80% dư nợ cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn. Chi nhánh tích cực phát triển các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số, phát triển nhanh thanh toán không dùng tiền mặt; đồng hành cùng cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ về Chuyển đổi số quốc gia, đến nay Agribank Nam Thanh Hóa đã phát triển trên 300 ngàn tài khoản thanh toán, gần 200.000 khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử; ký kết thỏa thuận thu hộ

học phí với gần 200 đơn vị; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan vận động người dân nhận lương hưu, trợ cấp qua tài khoản cho gần 20.000 người...

Không chỉ tạo dấu ấn trong kinh doanh, Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa còn dành nhiều nguồn lực cho công tác an sinh xã hội. Giai đoạn 2020-2025, Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa đã ủng hộ hơn 25 tỷ đồng cho công tác từ thiện và an sinh xã hội, riêng năm 2025 là hơn 8 tỷ đồng.

Sự đóng góp của Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa đã được ngân hàng cấp trên, cấp ủy, chính quyền địa phương ghi nhận và đánh giá cao: hàng năm đơn vị luôn được Agribank xếp loại Chi nhánh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh; năm 2022 được Thống đốc NHNN Việt Nam tặng cờ thi đua; năm 2023 và năm 2024 đạt Giải Ba toàn hệ thống Agribank; năm

2023 và năm 2024 được Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu Xứ Thanh”; năm 2024 được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và Cờ thi đua.

Khép lại năm thứ 7 thành công trên hành trình xây dựng và phát triển, Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, vững tin bước sang năm 2026 với tâm thế mới, chủ động, sẵn sàng, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026 đề ra; tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, giữ vững vị thế, uy tín của ngân hàng thương mại nhà nước chủ lực trong đầu tư tín dụng và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, thực hiện tốt sứ mệnh đồng hành cùng “Tam Nông”. M.T

BIM®Group

NƠI KIẾN THỨC TRỞ THÀNH GIÁ TRỊ



BIM Group là tập đoàn kinh tế đa ngành lớn mạnh. Chúng tôi tiên phong áp dụng tri thức, công nghệ tiên tiến vào việc xây dựng hệ sinh thái kinh tế bền vững, phù hợp với từng địa phương, trở thành đối tác đầy giá trị đối với cộng đồng, nhà đầu tư, với cuộc sống của mọi khách hàng.

www.bimgroup.com

LPBank

Tài khoản **VẠN NĂNG**
LỘC PHÁT toàn diện

Miễn phí giao dịch – Tối đa lợi ích

Miễn **100%** phí chuyển tiền trong nước và quốc tế*.Thủ tục đơn giản – ưu đãi đến **6 tháng** cho khách hàng mới.Tự động kích hoạt – duy trì ưu đãi với số dư tài khoản bình quân từ **50 triệu đồng**.

*Không áp dụng với điện phí trả Ngân hàng đại lý

Hotline: *8668 | 02462 668 668

www.lpbank.com.vn



CHÚC MỪNG
NĂM MỚI



2026

KHU ĐÔ THỊ, CÔNG NGHIỆP
VÀ DỊCH VỤ VSIP HẢI PHÒNG

☎ (84) 888 766 280
✉ north.marketing@vsip.com.vn
🌐 www.vsip.com.vn

LUẬT HÙNG PHÚC 10 NĂM PHỤNG SỰ KHÁCH HÀNG VÀ KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

QUỲNH NGUYỄN

Mùa Xuân đến luôn gợi nhắc về những khởi đầu mới, nhưng cũng là dịp để nhìn lại điều đã làm nên một hành trình bền bỉ. Với nghề luật, “bền vững” không nằm ở những lời giới thiệu hoa mỹ, mà được đo bằng niềm tin khách hàng gửi gắm khi đứng trước tranh chấp, rủi ro về quyền, lợi ích hợp pháp hay thậm chí cả tính mạng. Bước sang dấu mốc 10 năm phát triển, Luật Hùng Phúc lựa chọn kể câu chuyện thương hiệu bằng chính những giá trị mà chúng tôi kiên định theo đuổi, đó là: phụng sự khách hàng, giữ chuẩn mực nghề nghiệp và tạo ra những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng.

Công ty Luật TNHH Hùng Phúc tiền thân là Văn phòng Luật sư Hùng Phúc do Luật sư Lâm Quang Ngọc sáng lập, với mong muốn xây dựng một tổ chức hành nghề luật uy tín có hệ thống chi nhánh trên khắp cả nước và khu vực.

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Luật Hùng Phúc luôn xoay quanh các giá trị cốt lõi mà chúng tôi tin rằng là nền tảng quan trọng nhất để một tổ chức hành nghề luật sư có thể phát triển bền vững và tạo dựng niềm tin dài lâu với khách hàng.

Trải qua các giai đoạn hình thành và phát triển, dù mở rộng quy mô, đa dạng lĩnh vực, hay tăng cường đội ngũ nhân sự, Luật Hùng Phúc vẫn kiên định lấy 04 giá trị cốt lõi làm “kim chỉ nam” cho mọi hoạt động.

Trước hết, Luật Hùng Phúc xác định khách hàng là trung tâm trong mọi hoạt động. Mọi vụ việc, từ đơn giản đến phức tạp, đều được bắt đầu bằng việc lắng nghe đầy đủ nhu cầu, bối cảnh và mục tiêu của khách hàng; từ đó thiết kế phương án phù hợp nhất, dễ hiểu, dễ triển khai và có lộ trình rõ ràng. Chúng tôi tin rằng một dịch vụ pháp lý tốt không chỉ đưa ra câu trả lời “được hay không”, mà còn giúp khách hàng hiểu đúng quyền - nghĩa vụ, nhận diện rủi ro và lựa chọn giải pháp tối ưu theo đúng khuôn khổ pháp luật.

Tiếp đến, đối với Luật Hùng Phúc, chất lượng dịch vụ là quan trọng nhất, hướng tới mục tiêu hoàn thành 100% vụ việc, vụ án mà khách hàng giao phó. Để hiện thực hóa mục tiêu này, chúng tôi đặt trọng tâm vào nâng cao năng lực chuyên môn và kỷ luật nghề nghiệp: rà soát hồ sơ chặt chẽ, đánh giá chứng cứ khách quan, dự liệu rủi ro, chuẩn hóa quy trình theo từng giai đoạn và cập nhật tiến độ thường xuyên.



Công ty Luật TNHH Hùng Phúc
tham dự Đại hội toàn thể Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ, nhiệm kỳ 2025-2030.

Chất lượng được thể hiện ở từng văn bản tư vấn, từng chiến lược giải quyết, từng lần làm việc với cơ quan có thẩm quyền; đồng thời thể hiện ở việc tối ưu thời gian, chi phí và giảm thiểu phát sinh không đáng có cho khách hàng.

Thứ ba là, Luật Hùng Phúc cam kết về con người: chính trực, trung thực và tử tế. Trong lĩnh vực pháp lý, bản lĩnh nghề nghiệp không chỉ thể hiện ở năng lực tranh tụng hay tư vấn, mà còn nằm ở thái độ hành nghề: nói đúng khả năng, tư vấn đúng bản chất, không thổi phồng kỳ vọng và không đánh đổi uy tín lấy lợi ích ngắn hạn.

Cuối cùng, Luật Hùng Phúc cam kết tuân thủ pháp luật, đạo đức hành nghề, lấy các giá trị cao đẹp làm tiêu chuẩn cho hoạt động và phát triển. Đây là “đường ray” để Luật Hùng Phúc giữ

vững bản sắc trong một môi trường luôn biến động. Thượng tôn pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, bảo mật thông tin và hành xử minh bạch.

Từ bốn giá trị cốt lõi đó, Luật Hùng Phúc đã đặt ra những cam kết nhất quán với khách hàng: tư vấn rõ ràng - đúng luật - đúng bản chất; minh bạch về phạm vi công việc, chi phí, tiến độ; bảo mật thông tin; đồng hành bằng trách nhiệm nghề nghiệp.

Mười năm là một chặng đường để khẳng định: thương hiệu luật sư được tạo nên từ chất lượng luật và giá trị thật. Trên hành trình tiếp theo, Luật Hùng Phúc cam kết sẽ tiếp tục phụng sự khách hàng bằng năng lực chuyên môn, bằng sự chính trực và bằng khát vọng kiến tạo những điều tốt đẹp - như cách một mùa Xuân bắt đầu bằng niềm tin.

Q.N

CÔNG TY LUẬT TNHH HÙNG PHÚC

Trụ sở chính: Số 89 Trần Phú, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ.

Chi nhánh: Số 1792 Đại Lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ.

Chi nhánh: Số 86 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ.

Chi nhánh tại Hà Nội: P712, Chung cư VP5, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội.

Hotline: 0979 80 1111 - 0984 62 4444 - Email: luathungphuc.vn@gmail.com

BÙ NƯỚC
BÙ KHOÁNG
PHỤC HỒI
SỨC MẠNH

Number 1
ACTIVE
HƯƠNG
CHANH
MUỐI

K⁺
Na⁺
Cl⁻

BÙ KHOÁNG
CÙNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

XỔ SỐ
TRUYỀN THỐNG

Lô tô 2,3,4 số Lô tô 2,3,4 cặp số
XỔ SỐ
LÔ TÔ



Lô tô 2,3,5 số Lô tô 2,3,4 cặp số
XỔ SỐ
ĐIỆN TOÁN

Xổ số 6/36 Thân tài 4 Xổ số 123

XỔ SỐ
BIẾT KẾT QUẢ NGAY

Website: xosothudo.com.vn

XỔ SỐ KIẾN THIẾT

ÍCH NƯỚC LỢI NHÀ



CẢNG ĐÀ NẴNG
Kết nối vì sự thịnh vượng

**CẢNG BIỂN
HÀNG ĐẦU
MIỀN TRUNG**

*Chúc Mừng
Năm Mới*
**HAPPY
New Year 2026**



26 Bạch Đằng, P. Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam



(+84. 236) 3822 513 - 3822 163
(+84. 236) 3823 173



cangdn@danangport.com
kinhdoanh@danangport.com



www.danangport.com







TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT DẪN ĐẦU THÉP CÔNG NGHỆ CAO



THEO THỐNG KÊ CỦA HIỆP HỘI THÉP VIỆT NAM



HÒA PHÁT TỰ CHỦ
90% ĐIỆN SẢN XUẤT THÉP



CÔNG NGHỆ
TUẦN HOÀN KHÉP KÍN



KITA
GROUPGIA
— BY KITA —

Sống tinh tế THẺ DANH GIA

Tết là khoảnh khắc trở về, nơi mỗi giá trị sum vầy được nâng niu trong không gian sống xứng tầm. GIA by KITA, chuẩn mực an cư tinh hoa kiến tạo những giá trị trường tồn.

1900 9336

KĐT Ciputra, Tây Hồ, Hà Nội

Một sản phẩm BĐS siêu sang của KITA GROUP

PropertyGuru
Vietnam Property Awards 2025
Best Luxury Housing Development (Hanoi)

ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO TRƯỜNG CAO ĐẲNG DƯỢC TRUNG ƯƠNG HẢI DƯƠNG CÔNG NGHỆ NUÔI TRỒNG HIỆN ĐẠI HÀM LƯỢNG DƯỢC CHẤT TỐI ƯU

HÀNG QUOC HÀ

Từ một đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh được nghiệm thu năm 2025, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương đã nuôi trồng thành công đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris), mở ra hướng phát triển sản phẩm dược liệu có giá trị khoa học và thực tiễn, phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Hiện nay, trên thị trường có nhiều loại đông trùng hạ thảo (ĐTHT) được trồng ở nhiều điều kiện khác nhau. Vì vậy, chất lượng chưa đồng bộ, chưa có tiêu chuẩn tham chiếu để đánh giá chất lượng nhằm chuẩn hóa nguyên liệu đầu vào. Sau quá trình nghiên cứu, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương đã triển khai thành công mô hình nuôi trồng ĐTHT (Cordyceps militaris) trong điều kiện nhân tạo. Đây là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, được nghiệm thu năm 2025, do đội ngũ dược sĩ, giảng viên của Nhà trường trực tiếp thực hiện.

Khác biệt hoàn toàn với các dòng sản phẩm đại trà trên thị trường, ĐTHT của Nhà trường không chỉ là một sản phẩm thương mại, mà là kết quả của quá trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc. Từ việc đầu tư hệ thống phòng nuôi cấy, khu vực phòng sạch và thiết bị kiểm soát môi trường, nhóm nghiên cứu đã xây dựng quy trình nuôi trồng và thu hoạch tối ưu. Toàn bộ quy trình nuôi trồng đến thu hoạch đều được theo dõi và kiểm soát chặt chẽ, giúp quả thể phát triển đồng đều, hạn chế tạp nhiễm và đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định. Mỗi sọt nấm đều được chăm sóc bằng kiến thức chuyên môn sâu rộng, đảm bảo sự thuần khiết và an toàn cao nhất theo tiêu



Lãnh đạo Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương nhận bằng vàng Top 20 sản phẩm chất lượng tốt được người Việt tin dùng năm 2024.

chuẩn ngành dược, khẳng định uy tín thương hiệu. Nhờ đó, sản phẩm sở hữu hàm lượng cordycepin và adenosine (hai hoạt chất quý nhất của ĐTHT) đạt mức tối ưu, giúp bồi bổ cơ thể, tăng cường hệ miễn dịch và hỗ trợ phòng ngừa bệnh tật hiệu quả.

Sản phẩm ĐTHT của Nhà trường vinh dự được nhận một số giải thưởng như: Top 20 sản phẩm chất lượng tốt được người Việt tin dùng năm 2024; giải Nhì Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Hải

Dương lần thứ 14; đạt Sản phẩm - Dịch vụ chất lượng quốc gia năm 2025.

Thành công trong việc nghiên cứu, phát triển các sản phẩm ĐTHT là một trong những bước tiến quan trọng trong thực hiện chiến lược đào tạo và xây dựng thương hiệu của Trường Cao đẳng Dược Trung ương

Hải Dương trong tương lai. Ngoài mục tiêu sản xuất, phát triển kinh doanh sản phẩm, Nhà trường sẽ chú trọng tới việc đào tạo và chuyển giao công nghệ nuôi trồng nhằm mục đích kiểm soát nguyên liệu đầu vào cho các dòng sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe; tạo môi trường học tập, thực hành tốt nhất cho sinh viên, từ đó rèn luyện kỹ năng thực hành, tư duy nghiên cứu và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tế.

Từ kết quả của đề tài nghiệm thu năm 2025, Nhà trường tiếp tục định hướng mở rộng quy mô nuôi trồng, nghiên cứu chuyên sâu hàm lượng hoạt chất và phát triển các dạng sản phẩm như ĐTHT khô, bột, trà túi lọc, cao lỏng, viên nang; từng bước xây dựng ĐTHT trở thành sản phẩm dược liệu tiêu biểu gắn với thương hiệu Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương, góp phần đưa kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ thiết thực cho cộng đồng.



Các sản phẩm từ ĐTHT của Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

H.N.H

PHÚ QUỐC - TÂM ĐIỂM CHÚ Ý CỦA TRUYỀN THÔNG DU LỊCH TOÀN CẦU

DUY CƯỜNG

Từ châu Đại Dương, châu Âu đến Mỹ và Trung Đông, Phú Quốc đang được nhìn nhận như một điểm đến biển đảo hội tụ đủ yếu tố về trải nghiệm, hạ tầng và khả năng tiếp cận.

Tại Úc, Urban List - tạp chí về phong cách sống và du lịch có ảnh hưởng lớn tới nhóm độc giả trẻ và tầng lớp trung lưu đô thị - đã đưa Phú Quốc vào danh sách 10 điểm đến du lịch xu hướng năm 2026. Trong bài viết, Urban List mô tả Phú Quốc là nơi nhịp sống diễn ra chậm rãi và dễ chịu, với những trải nghiệm đặc trưng của đời sống đảo như di chuyển bằng xe máy, khám phá bãi biển, lặn biển, dạo chợ đêm và thưởng thức hải sản địa phương. Đáng chú ý, tạp chí này nhận định rằng nếu Việt Nam nằm trong kế hoạch du lịch của du khách quốc tế, Phú Quốc là điểm dừng có tính quyết định, phản ánh xu hướng tìm kiếm những điểm đến biển đảo đủ hấp dẫn để lưu trú dài ngày thay vì chỉ ghé qua ngắn hạn.

Từ góc nhìn dữ liệu, truyền thông châu Âu tiếp tục củng cố sức hút của Phú Quốc bằng những con số cụ thể. Theo EnVols - tạp chí trên máy bay của hãng hàng không quốc gia Pháp Air France - dựa trên dữ liệu tìm kiếm từ nền tảng Expedia, mức độ quan tâm của du khách quốc tế đối với Phú Quốc đã tăng 53% chỉ trong vài tháng. Trên cơ sở đó, Phú Quốc được xếp vào nhóm “Điểm đến của năm 2026”. EnVols nhấn mạnh sức hút của đảo Ngọc đến từ sự cân bằng giữa yếu tố nguyên bản và hiện đại, khi Phú Quốc vừa giữ được bản sắc địa phương, vừa phát triển hệ thống hạ tầng du lịch cao cấp theo hướng dài hạn.

Ở thị trường Mỹ, Travel Off Path tiếp cận Phú Quốc dưới góc nhìn trải nghiệm. Chuyên trang này lần đầu so sánh Phú Quốc với “Hawaii



Khách quốc tế trải nghiệm tại Bãi Kem, Phú Quốc.

của châu Á”, nhấn mạnh cảm giác về một thiên đường nghỉ dưỡng trọn vẹn với những bãi biển cát trắng, làn nước xanh và môi trường thân thiện với gia đình. Bài viết đặc biệt đề cập đến tuyến cáp treo 3 dây dài nhất thế giới ra đảo Hòn Thơm và những bãi biển đẹp nhất hành tinh Bãi Sao, Bãi Kem như một trải nghiệm đặc trưng bậc nhất đảo Ngọc. Bên cạnh đó, chính sách miễn thị thực 30 ngày dành riêng cho Phú Quốc cũng được Travel Off Path đánh giá là lợi thế cạnh tranh quan trọng, giúp hòn đảo dễ tiếp cận hơn so với nhiều điểm đến biển đảo trong khu vực.

Trong khi đó, Business Traveller - tạp chí dành cho nhóm du khách cao cấp tại Trung Đông và khu vực châu Á - Thái Bình Dương - lại đặt Phú Quốc trong một bối cảnh dài hạn hơn. Chuyên trang này đưa Phú Quốc vào danh sách những điểm đến được chờ đợi của năm 2026,

nhấn mạnh sự hiện diện ngày càng rõ nét của các khu nghỉ dưỡng mang thương hiệu quốc tế như La Festa Phu Quoc - Curio Collection by Hilton, New World Phu Quoc Resort hay Rixos Phu Quoc, cùng với việc mở rộng mạng lưới kết nối hàng không, trong đó có sự xuất hiện của hãng hàng không mới - Sun PhuQuoc Airways.

Việc cùng lúc được nhắc tới tại các thị trường quốc tế với những góc nhìn khác nhau - từ xu hướng trải nghiệm, dữ liệu tìm kiếm đến chiến lược dài hạn - cho thấy Phú Quốc đang bước vào một giai đoạn được quan sát nghiêm túc hơn trên bản đồ du lịch toàn cầu. Trong bối cảnh đảo Ngọc được lựa chọn là địa điểm đăng cai APEC 2027, sự quan tâm này phản ánh niềm tin của truyền thông quốc tế vào năng lực hạ tầng, khả năng tiếp nhận và vai trò ngày càng rõ nét của Phú Quốc trong khu vực.

D.C



VỮNG TAY LÁI ĐƯỜNG XA

An tâm về nhà đón Tết



**BẢO VỆ XE TRƯỚC RỦI RO
VA CHẠM, CHÁY NỔ, MẤT CẤP**



**HƠN 1.500 GARA BẢO LÃNH
TRÊN TOÀN QUỐC**



**KHAI BÁO & BỒI THƯỜNG
ONLINE NHANH CHÓNG**



**QUYỀN LỢI BỒI THƯỜNG
NGẬP NƯỚC - THỦY KÍCH**



**TRÁCH NHIỆM DẪN SỰ BỒI THƯỜNG BÊN THỨ BA
LÊN ĐẾN 150 TRIỆU ĐỒNG**



ĐOÀN LUẬT SƯ TỈNH QUẢNG TRỊ

Chủ nhiệm: Luật sư Lê Viết Kiều

2026

Chúc Mừng
Năm Mới

CƠ SỞ SẢN XUẤT CHÈ DUNG CHIẾN

Địa chỉ: tổ Phúc Lộc - phường Linh Sơn - tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0975028778



Amway

**AMWAY LÀ TẬP ĐOÀN
BÁN HÀNG TRỰC TIẾP
SỐ 1 THẾ GIỚI**

DOANH THU 2024

7.4 TỶ USD



14.000⁺
NHÂN VIÊN



1.000.000⁺
**NHÀ
PHÂN PHỐI**



100⁺
**QUỐC GIA VÀ
VÙNG LÃNH THỔ**



13
CỐ VẤN KHOA HỌC

Các chuyên gia hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sức khỏe, dinh dưỡng và làm đẹp hợp tác với các chuyên gia nội bộ của Amway để tư vấn trong các hoạt động nghiên cứu, đưa ra khuyến nghị khoa học và thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác mới với các tổ chức hàng đầu.

750⁺
**BẰNG SÁNG CHẾ
VÀ ĐANG CHỜ CẤP**

800⁺
**NHÀ KHOA HỌC
KỸ SƯ**

Các nhà khoa học, kỹ sư và kỹ thuật viên làm việc với các trường đại học hàng đầu, viện nghiên cứu khoa học và hội đồng cố vấn để thực hiện nghiên cứu và phát triển sản phẩm đẳng cấp thế giới.

TOP 10 THỊ TRƯỜNG CÓ DOANH THU CAO NHẤT AMWAY

- | | |
|--------------|-------------------------|
| 1 TRUNG QUỐC | 6 ĐÀI LOAN (TRUNG QUỐC) |
| 2 MỸ | 7 MALAYSIA |
| 3 HÀN QUỐC | 8 ẤN ĐỘ |
| 4 NHẬT BẢN | 9 CÁC QUỐC GIA TRUNG Á |
| 5 THÁI LAN | 10 VIỆT NAM |

GẦN 2.500 HECTA

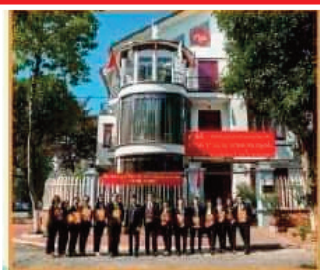
đất nông nghiệp hữu cơ được chứng nhận tại Mỹ, Mexico và Brazil, nơi Amway canh tác và thu hoạch cây trồng bằng cách phương pháp bền vững và tái tạo.



CÔNG TY LUẬT TNHH SAO SÁNG

SỐ 356 ÂU CƠ, PHƯỜNG HỒNG HÀ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOTLINE: 0936.65.36.35





Vững bước **TIÊN PHONG**

Trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước, VNPT tự hào thực hiện vai trò nòng cốt trong việc xây dựng hạ tầng số, mở ra cuộc sống hạnh phúc, kết nối, thịnh vượng muôn màu đến cho tất cả mọi người.



Giấy phép xuất bản số 366/GP-BTTTT do Bộ TT&TT cấp ngày 21/8/2020; sửa đổi, bổ sung số 388/GP-BTTTT ngày 16/10/2023

Tổng Biên tập: ThS Đặng Ngọc Luyện

Tòa soạn: Tầng 1, Tòa nhà CT13B KĐT Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công, P. Phú Thượng, TP. Hà Nội

ĐT: Biên tập - 0913540671; Phát hành - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com

Tạp chí điện tử: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

VPDD tại TP. Hồ Chí Minh

280F1 Lương Định Của, P. Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0938639099

Email: lsvn.hcm@gmail.com